BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

HỒ SƠ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số: 7340101

Hà Nội - 2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

HỒ SƠ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA

Tên ngành : Quản trị kinh doanh

Mã số : 7340101

Trình độ đào tạo : Đại học

***Kính gửi*: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp**

1. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA

1.1 Giới thiệu khái quát về Nhà trường và Khoa Quản trị kinh doanh

1.1.1 Khái quát về Nhà trường

- Tên trường: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Tên giao dịch tiếng Anh: University of Economics – Technology for Industries
- Địa chỉ:

+ *Cơ sở Hà Nội*: Số 456 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Số điện thoại: (024)38621504. Fax: (024) 38623938; 218, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội. Số điện thoại: (024)32247103.

+ *Cơ sở Nam Định*: Số 353, Trần Hưng Đạo, TP Nam Định. Số điện thoại: (0228) 3848706. Fax: (0228) 3845745; Mỹ Xá, TP Nam Định. Số điện thoại: (0228) 3672559.

- Website: www.uneti.edu.vn
- E-mail: web@uneti.edu.vn
- Quyết định thành lập số: 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007.

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (ĐH KT-KT CN) được thành lập theo Quyết định số 1026/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I (Tiền thân là Trường Trung học kỹ thuật III ra đời từ năm 1956). Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐH KT-KT CN đã được Thủ tướng chính phủ cho phép cơ chế tự chủ toàn diện từ tháng 11 năm 2017.

Sứ mạng của Trường ĐH KT-KT CN là "*Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước*".

Mục tiêu của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên xã hội, có kỹ năng thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong bối cảnh thế giới đang bước sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4

Tầm nhìn của Trường "*Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước".*

Về cơ cấu tổ chức: Nhà trường có Hội đồng trường, Ban Giám Hiệu gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng, 09 phòng chức năng, 06 Trung tâm, 14 Khoa và 01 Tạp chí KHCN. Cơ cấu tổ chức được xây dựng theo qui định của Bộ Công thương, Bộ GD&ĐT, Điều lệ trường đại học và được vận hành theo phương thức trực tuyến – chức năng.

Về nhân lực: 662 CBVC; trong đó: Giảng viên: 584 người (có 03 PGS, 70 Tiến sĩ, 500 Thạc sĩ, số còn lại hầu hết đang học NCS, cao học). Ngoài ra, cũng có 150 PGS, TS, ThS và kỹ sư có kinh nghiệm của các trường đại học, các viện và doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng nghiệm thu cấp Sở, Bộ, Nhà nước.

Về đào tạo: Nhà trường đang đào tạo 20 CTĐT trình độ đại học, 03 CTĐT trình độ thạc sỹ . Trường đã cung cấp cho thị trường lao động cử nhân các ngành CNKT Cơ khí, Kế toán, Quản trị kinh doanh, CNKT Điện tử - Viễn thông, Công nghệ thực phẩm, Điều khiển và tự động hóa… Thương hiệu của Nhà trường luôn được giữ vững và ngày càng tăng cao, kết quả tuyển sinh luôn đạt chỉ tiêu cho phép và đến nay nguồn tuyển sinh vẫn đang rất dồi dào. Quy mô của Trường hiện nay trên 16.000 SV.

Về trung tâm thư viện: Trung tâm Thư viện có ở 3 địa điểm đào tạo của Nhà trường: 353 Trần Hưng Đạo - Tp.Nam Định; 454 Minh Khai và 218 Lĩnh Nam - Hà Nội. Hiện tại trung tâm thư viện có tài liệu bản in là 7.467 đầu sách tương ứng 47.677 bản; tài liệu số hoá là 1.896 bản. Địa chỉ cổng thông tin điện tử tử của trung tâm thư viện: htttps://lib.uneti.edu.vn. Ngoài ra, trung tâm thư viện hiện có cơ sở dữ liệu liên kết với Đại học Bách Hà Nội, tạp chí điện tử Emerald Publishing, Sage Journals, Igpublish, Springer, ScienceDirect...

Về đảm bảo chất lượng: Năm học 2017-2018, Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CSGD theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT (Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT, ngày 04/3/2014). Năm học 2019 - 2020, Nhà trường thực hiện tự đánh giá 09 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng 09 ngành.

Năm học 2021 - 2022 Nhà trường thực hiện tự đánh giá 02 CTĐT, đã hoàn thành thẩm định và chờ nhận giấy chứng nhận.

Về cơ sở vật chất: Trường hiện có 2 cơ sở đào tạo tại Nam Định và Hà Nội. Tại cơ sở Nam Định có 2 địa điểm gồm 17.000m^2 tại 353 Trần Hưng Đạo và 250.000m^2 tại phường Mỹ Xá. Tại cơ sở Hà Nội có 2 địa điểm gồm 7.000m^2 tại 456 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng và 20.000 m^2 tại phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai đã được Thành phố Hà Nội cấp phép xây dựng, trong đó có 305 phòng học, giảng đường lớn, có tổng diện tích sử dụng 25.412 m^2. Trong những năm qua, Nhà trường triển khai dự án "Quy hoạch tổng thể Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật đến năm 2020", với tổng mức đầu tư trên 550 tỷ đồng. Đến nay đã thực hiện xây cơ bản xong 1 tòa nhà 15 tầng, 1 tòa nhà 9 tầng, 1 hội trường lớn 3 tầng, 03 xưởng thực hành với diện tích trên 3.000 m^2; 02 nhà ký túc xá và hệ thống hạ tầng phòng học, sân bãi chiến thuật, vũ khí quân trang, quân dụng của Trung tâm GDQPAN tại cơ sở Mỹ Xá, hệ thống sân vườn, cảnh quan của cả 2 cơ sở Hà Nội và Nam Định với mức thực hiện trên 250 tỷ đồng (trong đó 80% là vốn tự có của Trường). Đồng thời đã đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị trên 70 tỷ đồng. Hạ tầng CNTT của Nhà trường đã được đầu tư mạnh có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo. Về hạ tầng mạng, hiện có 08 sever máy chủ (trong đó, có 06 sever đặt tại 456 Minh Khai - Hà Nội & 02 sever đặt tại 353 Trần Hưng Đạo - Nam Định). Có 08 đường truyền sử dụng mạng cáp quang FTTH lên tới 64 Mbps để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường, ký túc xá; đồng thời để duy trì hoạt động của các cổng điện tử như website, thư viện điện tử hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho mọi mặt trong hoạt động đào tạo và NCKH tại cả 2 cơ sở Hà Nội & Nam Định.

Về hợp tác quốc tế: Trường có quan hệ với các nước phát triển như Úc, Đài Loan... và các nước trong khối ASEAN như Lào... Có trao đổi SV với các trường quốc tế (có 01 SV Lào). Đã hợp tác cùng đại học Minh Truyền, Đài Loan tổ chức liên kết đào tạo ngành Kinh doanh thương mại. Thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đưa mối quan hệ với các đối tác quốc tế hiện có đi vào chiều sâu và mở rộng với các đối tác mới, như: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Trường Đại học KHCN (NTUST), Đại học Feng Chia, Đại học TaYeh, Học viện Lee Ming của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria… Đặc biệt, Nhà trường đã tham gia và là thành viên chính thức của Hiệp hội Quốc tế các trường đại học về KHCN Thực phẩm có trụ sở đặt tại Plovdiv Bulgaria, gồm 18 trường đại học từ các nước Pháp, Đức, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Bulgaria;… với mục đích hợp tác và trao đổi về NCKH, hỗ trợ lẫn nhau về các CTĐT tiên tiến và hướng vào việc mở các lớp chất lượng cao trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.

Ngày 08 tháng 05 năm 2017, Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 618/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp với mục tiêu: phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công

nghiệp thành trường đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập tại Trường. Đây chính là cơ hội quan trọng để Nhà trường có điều kiện tiếp tục nâng cấp chất lượng, mở rộng quy mô, phát triển đào tạo trình độ cao theo định hướng nhu cầu xã hội, từ đó hoàn thành sứ mạng của mình, vươn lên thành một trong những cơ sở đào tạo trọng điểm của cả nước.

1.1.2. Khái quát về Khoa Quản trị kinh doanh

Khoa QTKD tiền thân là Ban Kinh tế của Trường Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Nam Định, được thành lập từ năm 1986. Sau các giai đoạn nâng cấp và đổi tên, Khoa QTKD được thành lập, trực thuộc Trường ĐHKT-KTCN theo Quyết định số 274/QĐ-ĐH KT-KT CN ngày 14 tháng 5 năm 2012.

Để triển khai sứ mạng của Trường, Khoa QTKD đã xác định mục tiêu của khoa là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực QTKD, phát triển năng lực học tập, nghiên cứu. Tính đến 1/10/2021 Khoa QTKD đào tạo 2 CTĐT, và đã có 2.299 SV ngành QTKD.

Hiện tại của ngành QTKD với lưu lượng khoảng 600 SV/năm. Tổng số GV cơ hữu tính đến 1/10/2021 là 65 người trong đó 04 Tiến sỹ và 61 thạc sỹ. Ngoài ra, Khoa có GV kiêm nhiệm là 05, trong đó có 01 Tiến sỹ.

Ban chủ nhiệm khoa gồm có 2 người: 01 Chủ nhiệm khoa; 01 phó chủ nhiệm khoa. Hiện tại Khoa có 3 Bộ môn là: Bộ môn Quản trị; Bộ môn Thương mại; Bộ môn Marketing

Chương trình học được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp thông tin, kiến thức, được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng tác nghiệp, các kỹ năng mềm thông qua các học phần mang tính liên ngành, chuyên sâu của ngành QTKD và được liên tục cập nhật hiện đại. Khung CTĐT của Khoa được tham khảo khung chương trình của các trường đại học khác trong nước và trên thế giới bao gồm Trường đại học Kinh tế quốc dân, Học viện tài chính, Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế TP. HCM.

Khoa đã đào tạo 11 khóa SV tốt nghiệp hệ đại học chính quy và 26 khóa SV hệ cao đẳng chính quy. Khoa kết hợp cùng các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp và Phòng tuyển sinh và truyền thông trực thuộc Trường ĐH KT-KT CN tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi hội thảo nhằm bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng thực hành cho SV. Sự phối hợp này đã làm cho số lượng SV tốt nghiệp của Khoa được các cơ quan tuyển dụng ngày càng tăng.

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của cán bộ, GV và SV trong Khoa. Hiện nay, kết quả các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp cơ sở, cấp Bộ) của cán bộ, GV trong Khoa đều đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và phục vụ xã hội. Khoa thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội

thảo,… có sự tham gia của các cán bộ, GV, SV trong Khoa và các nhà khoa học. Kết quả NCKH của GV có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

Trong công tác NCKH, cán bộ, GV và SV của Khoa đang tập trung nghiên cứu các hướng chủ yếu sau: hoàn thiện các nội dung của công tác Quản trị trong các đơn vị.

Một trong các mục tiêu được khoa hết sức ưu tiên trong lĩnh vực hoạt động khoa học là tổ chức hội thảo khoa học. Trong thời gian qua, Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học theo nhiều nội dung khác nhau liên quan đến hoạt động đào tạo và NCKH (Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Kinh nghiệm viết bài báo đăng tạp chí quốc tế, Gắn kết nhà trường với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quản trị, Phát triển kỹ năng mềm cho SV ngành Quản trị trong bối cảnh Việt Nam tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN. Khoa Quản trị luôn quan tâm đến xây dựng môi trường để SV chủ động học tập và rèn luyện, tạo cơ hội tiếp thu tối đa những kiến thức trong quá trình học và tự học. Khoa có các bộ phận trợ lý, các CVHT, cùng với Liên Chi đoàn, Liên Chi hội, CLB khởi nghiệp luôn đồng hành và hỗ trợ các SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của mình để hoàn thiện cả về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác.

SV theo học tại Khoa được hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ thông tin về địa chỉ việc làm, thực tập, thực tế và các tư vấn khác nếu có nhu cầu. Ngoài ra, SV có cơ hội nhận học bổng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, nhận hỗ trợ của Khoa nếu gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Với môi trường giáo dục, đào tạo có tương tác, kết hợp NCKH, người học được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết và kỹ năng của mình trong quá trình đào tạo để đạt được những thành công sau tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh các CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau tốt nghiệp, SV của Khoa có thể làm việc ở các đơn vị khác nhau như các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo…

1.2. Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo từ xa

1.2.1 Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Thế kỷ XXI là giai đoạn bùng nổ công nghệ thông tin, cùng với cuộc cách mạng số 4.0 giáo dục từ xa đã thành một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nhu cầu học tập, nâng cao trình độ không còn giới hạn ở một khu vực nhất định mà còn mở rộng ra toàn quốc gia, lãnh thổ. Với việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công nghệ thông tin, đào tạo từ xa bằng phương thức đạo tạo trực tuyến đã mang lại nhiều ưu điểm cho người học cũng như cơ sở đào tạo. Chiến lược phát triển của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp cũng không nằm ngoài xu thế đó, điều đó đã được khẳng định trong Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 với mục tiêu chung là: "*Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục - đào tạo, nghiên*

cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước". Trong giai đoạn này, để phù hợp chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, Nhà trường tập trung mở rộng, đa dạng các loại hình đào tạo. Do đó, Việc mở ngành Kế toán đào tạo từ xa là phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đã được Hội đồng trường thông qua và đưa vào kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình, ngành nghề đào tạo và thúc đẩy đáp ứng yêu cầu thực tế.

Với nền tảng chương trình đào tạo kế toán hệ Đại học đã được thực hiện giảng dạy tại trường 15 năm, thường xuyên có sự điều chỉnh cập nhật cùng với hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường có thể đáp ứng tốt các điều kiện của chương trình đào tạo từ xa ngành Kế toán. Bên cạnh đó, trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp hiện nay cũng đang ứng dụng công nghệ giảng dạy trực tuyến Elearning như: LMS, classroom, zoom, google meeting…trong quá trình giảng dạy. Do đó, phương thức đào tạo từ xa ngành Kế toán hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và điều kiện thực tế của Nhà trường.

1.2.2 Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

Muốn đất nước phát triển bền vững và giàu mạnh thì mọi người cần ra sức rèn luyện và phấn đấu học tập để có thêm kiến thức, hiểu biết để góp phần vào quá trình hội nhập quốc tế để phát triển bản thân một cách toàn diện trở thành con người có ích cho bản thân, cho gia đình và xã hội, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Do đó, quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trong hiến pháp và luật giáo dục Việt Nam. Đào tạo từ xa là một trong những hình thức góp phần nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực và cơ hội học tập suốt đời cho mọi người. Hình thức đào tạo từ xa thu hút sự quan tâm của người dân vì điều kiện học tập thuận lợi, mở ra cơ hội học tập cho nhiều người. Đào tạo từ xa không bị hạn chế về thời gian, địa điểm, tăng khả năng tự học và người học không bị ràng buộc bởi thời gian eo hẹp khi bận công tác hoặc do hoàn cảnh gia đình. Với những người lao động do nhu cầu công việc cần phải được đào tạo nâng cao trình độ, cập nhật kỹ năng nghề nghiệp nhưng không có nhiều thời gian thì đào tạo từ xa là lựa chọn hợp lý. Đào tạo từ xa giảm khá nhiều chi phí bởi người dạy và người học không nhất thiết phải lên lớp trong suốt thời gian đào tạo. Đặc biệt với sự phát triển của công nghệ thông tin, đào tạo từ xa đã trở nên dễ dàng tiếp cận, tăng sự tương tác giữa người dạy và người học, chất lượng đào tạo được đảm bảo. Do đó, đào tạo từ xa ngày nay đã trở thành một phần không thể tách rời của hệ thống giáo dục ở nhiều nước trên thế giới.

Trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhu cầu nguồn chất lượng cao tăng mạnh. Từ bắc vào nam, phần đất liền của Việt Nam kéo dài 15 vĩ độ và gồm rất nhiều huyện đảo. Do đó, việc nâng cao dân trí, đạo tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các địa phương trở nên cấp thiết đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Do đó, đào tạo từ xa là một phần tất yếu và không thể thiếu được của hệ thống giáo dục Việt Nam, là chìa khóa để phát

triển kinh tế, cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là các địa phương vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

1.2.3 Kết quả khảo sát, phân tích đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Quản trị kinh doanh

Để phục vụ cho việc mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ đào tạo từ xa, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã tiến hành khảo sát để phân tích đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của các đơn vị sử dụng lao động; ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và các giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh của Nhà trường về sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ đào tạo từ xa.

- Mục tiêu khảo sát: Nhận biết thực trạng về nguồn nhân lực Quản trị kinh doanh tại các đơn vị được khảo sát, nhu cầu tuyển dụng đối với lao động trình độ đại học Quản trị kinh doanh về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu đối với vị trí việc làm tại đơn vị; định hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; đánh giá sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ đào tạo từ xa.

- Đối tượng khảo sát: Đại diện các đơn vị sử dụng lao động thuộc các Bộ, ngành và địa phương, các thành phần kinh tế; các chuyên gia trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh; cựu sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh; các giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

- Phương pháp khảo sát: Phiếu khảo sát được thiết kế với nội dung các câu hỏi phù hợp với mục đích khảo sát của từng đối tượng. Phiếu khảo sát sau khi được gửi đến các đối tượng khảo sát sẽ được thu về và kiểm tra tính hợp lệ sau đó tiến hành tổng hợp và phân tích thông tin thu được.

- Hình thức khảo sát: Khảo sát bằng hình thức phát phiếu trực tiếp, gửi email, gọi điện thoại và khảo sát online bằng google form.

- Số lượng phiếu khảo sát: Được thể hiện ở bảng 1.2

Bảng 1.2. Tổng hợp số lượng phiếu khảo sát

Đối tượng	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu về	Tỷ lệ (%)
Doanh nghiệp	55	48	87,3
Tổ chức xã hội	5	5	100
Chuyên gia	20	15	75,0
Giảng viên nhà trường	65	65	100
Cựu sinh viên	55	50	90,91
Cộng	**200**	**183**	**91,5**

Tổng số phiếu phát ra 200; số phiếu thu về là 183 (đạt 91,5%). Trong đó: số phiếu phát ra cho doanh nghiệp là 55 phiếu, thu về 48 phiếu, đạt 87,3%; số phiếu phát ra cho tổ chức xã hội là 5 phiếu, thu về đủ 5 phiếu đạt 100%; số phiếu phát ra cho chuyên gia 20, thu về 15 đạt 75%; số phiếu phát ra cho giảng viên của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là 65, thu về 65 đạt 100%; số phiếu phát ra cho cựu sinh viên là 55 thu về 50 đạt 90,91%.

a) Kết quả khảo sát chung:

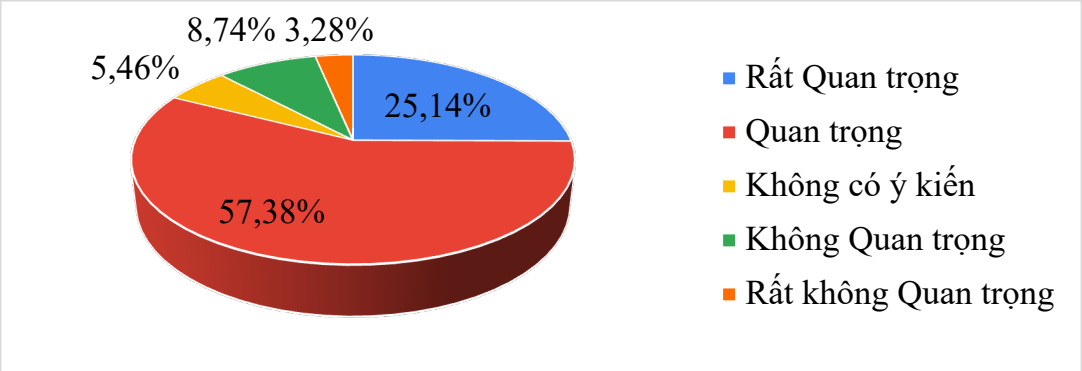
Kết quả khảo sát đối với DN, tổ chức xã hội cho thấy có 83,02% ý kiến đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nguồn nhân lực có trình độ chất lượng tốt cho ngành Quản trị kinh doanh và 75,47% ý kiến đồng ý với kế hoạch mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ đào tạo từ xa của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Kết quả khảo sát với các chuyên gia trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh và các GV của Khoa Quản trị kinh doanh cho thấy 100% ý kiến đồng ý với quan điểm cần bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chất lượng tốt cho ngành Quản trị kinh doanh cũng như 100% ý kiến đều đồng ý kế hoạch mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ đào tạo từ xa của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp..

Kết quả khảo sát đối với 50 cựu SV của Khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cho thấy: có 92,0% ý kiến đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nguồn nhân lực có trình độ chất lượng tốt cho ngành Quản trị kinh doanh và 94,0% ý kiến đồng ý với kế hoạch mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ đào tạo từ xa của trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp.

Bên cạnh đó, trả lời cho câu hỏi về tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành Quản trị kinh doanh cho thấy trong tổng số 183 phiếu khảo sát thu về có 25,14% ý kiến cho rằng việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành Quản trị kinh doanh là rất quan trọng, 57,38% ý kiến cho rằng là quan trọng, 8,74% ý kiến cho rằng không quan trọng, 5,46% không có ý kiến và chỉ có 3,28% ý kiến cho rằng rất không quan trọng. Như thế có thể thấy rằng đa số các ý kiến đều cho rằng việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành Quản trị kinh doanh là quan trọng.

Hình 1.1: Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành Quản trị kinh doanh



(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

b) Kết quả khảo sát trong các doanh nghiệp

Mục tiêu khảo sát: Doanh nghiệp hàng năm có nhu cầu tuyển dụng một nguồn nhân lực tương đối lớn trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, chính vì vậy đây được coi là đối tượng chính mà các cơ sở đào tạo hướng tới khi xây dựng chương trình đào tạo Quản trị

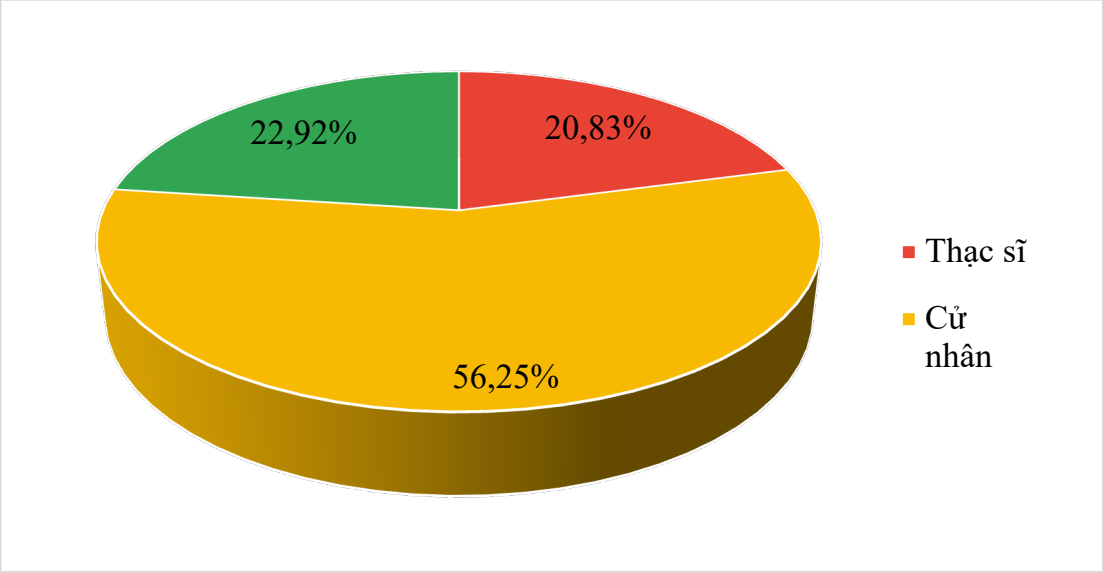
kinh doanh. Để phục vụ cho việc mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa, Khoa Quản trị kinh doanh đã tiến hành thu thập, khảo sát về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh có chất lượng tốt tại các DN, đánh giá chất lượng đối với nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh tại DN và Khảo sát về kế hoạch mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số lượng phiếu khảo sát phát ra 55 phiếu, thu về 48 phiếu hợp lệ đạt tỷ lệ 87,3% với kết quả như sau: Có 39 ý kiến tại các DN (chiếm tỷ lệ 81,25%) đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành Quản trị kinh doanh. Có 35 ý kiến (chiếm tỷ lệ 72,92%) đồng ý với kế hoạch mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Ý kiến đánh giá về thực trạng nguồn nhân lực trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa Quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp được khảo sát cho thấy: Hầu hết các đơn vị được khảo sát đều cảm thấy khó khăn trong việc tuyển dụng lao động có tay nghề, quản lý cấp trung và chuyên gia trong đó mức độ đánh giá khó khăn trong việc tuyển dụng chuyên gia ở mức cao nhất. Chất lượng nguồn nhân lực Quản trị kinh doanh hiện tại cũng được đánh giá chưa cao, trình độ chuyên môn của nhân lực Quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát còn cho thấy trình độ nhân lực Quản trị kinh doanh phổ biến tại các DN hiện nay chủ yếu ở trình độ Đại học (chiếm 56,25%); trình độ khác ngành Quản trị kinh doanh còn chiếm đến 22,92% trong tổng số nhân lực Quản trị kinh doanh hiện tại.

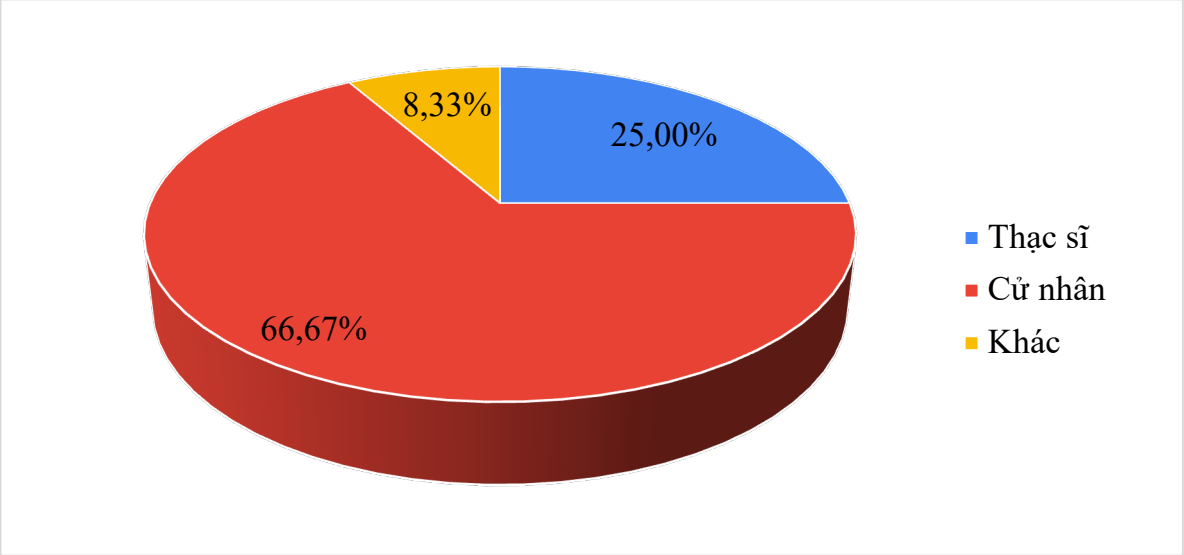
Hình 1.2: Kết quả khảo sát về trình độ chuyên môn nhân lực Quản trị kinh doanh hiện tại



(Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát)

Trả lời cho câu hỏi yêu cầu về trình độ chuyên môn nhân lực Quản trị kinh doanh tương lai, có 66,67% ý kiến đồng ý cho rằng yêu cầu về trình độ chuyên môn nhân lực Quản trị kinh doanh tương lai là trình độ Đại học Quản trị kinh doanh. Như vậy, có thể nói nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ có chất lượng của ngành Quản trị kinh doanh ở mức cao, đặt ra yêu cầu các sơ sở đào tạo phải xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo từ xa ngành Quản trị kinh doanh để đáp ứng được nhu cầu về nhân lực cho xã hội.

Hình 1.3: Kết quả khảo sát yêu cầu về trình độ chuyên môn nhân lực Quản trị kinh doanh tương lai



(Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát)

c) Kết quả khảo sát đối với các tổ chức xã hội

Mục tiêu khảo sát: Các tổ chức xã hội là những đơn vị có nhu cầu sử dụng nhân lực ngành Quản trị kinh doanh có chất lượng tốt. Do đó, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã tiến hành khảo sát, điều tra tại 5 tổ chức xã hội với mục đích điều tra về chất lượng nguồn nhân lực Quản trị kinh doanh cũng như nhu cầu tuyển dụng lao động nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh có trình độ Đại học trong tương lai của các tổ chức xã hội.

Số phiếu khảo sát phát ra 5 phiếu, thu về 5 phiếu hợp lệ, với kết quả như sau: 100% các đại diện tổ chức xã hội đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực có chất lượng tốt cho ngành Quản trị kinh doanh; 100% Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa của Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp.

d) Kết quả khảo sát đối với các chuyên gia

Mục tiêu khảo sát: Việc khảo sát các chuyên gia trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh kiểm toán nhằm đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh và Khảo sát về kế hoạch mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số phiếu khảo sát phát ra: 20 phiếu khảo sát, thu về 15 phiếu khảo sát hợp lệ, đạt 75%. Kết quả khảo sát cho thấy 100% phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành Quản trị kinh doanh; 100% phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo Đại học hệ đào tạo từ xa Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

e) Kết quả khảo sát đối với giảng viên

Mục tiêu khảo sát: Việc khảo sát các GV của khoa Quản trị kinh doanh nhằm đánh giá chất lượng đào tạo nhân lực Quản trị kinh doanh và khả năng đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo Đại học hệ đào tạo từ xa Quản trị kinh doanh của Khoa trong thời gian tới.

Số phiếu khảo sát phát ra: 65 phiếu, thu về 65 phiếu hợp lệ. Kết quả khảo sát cho thấy có 65 phiếu khảo sát (chiếm 100%) đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực có trình độ cao cho ngành Quản trị kinh doanh; 100% Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

f) Kết quả khảo sát đối với cựu sinh viên

Mục tiêu khảo sát: Việc khảo sát đối với cựu SV khoa Quản trị kinh doanh của nhà trường nhằm đánh giá chất lượng đào tạo nhân lực Quản trị kinh doanh và khả năng đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ Đại học hệ đào tạo từ xa của Khoa Quản trị kinh doanh trong thời gian tới. Kết quả khảo sát cho thấy 92,0% phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành Quản trị kinh doanh; 94,0% phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo Đại học hệ đào tạo từ xa Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

1.3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo từ xa

Chương trình đào tạo gồm 146 tín chỉ trong đó:

• Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ

• Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 106 tín chỉ

o Phần lý thuyết: 70 tín chỉ

o Phần thực hành, thực tập, đồ án: 27 tín chỉ

o Khoá luận tốt nghiệp: 9 tín chỉ

2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐTTX

2.1. Năng lực của khoa chuyên môn và các điều kiện cơ sở vật chất của Nhà Trường.

2.1.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

Số lượng giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh của Nhà trường là 70 giảng viên, đảm nhiệm 100% khối lượng giảng dạy theo chương trình đào tạo của ngành. Hiện tại, đội ngũ GV làm việc của Khoa Quản trị kinh doanh là 70 GV cơ hữu trong đó có 65 GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy và 5 GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý. 100% GV đều đạt trình độ từ thạc sĩ trở lên trong đó số GV đạt trình độ Tiến sĩ là 5 GV (chiếm 7,14%), thạc sĩ là 65 GV (chiếm 92.86%). Số lượng NCS của khoa hiện nay là 04

GV. Các GV của Khoa hầu hết đều là giảng viên giàu kinh nghiệm, nhiệt tình trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy. Các GV của Khoa luôn tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ để tạo ra tập thể mạnh về chuyên môn. Việc xây dựng các chương trình, viết giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập của học sinh, sinh viên luôn được quan tâm thực hiện. Trong những năm qua đội ngũ GV của Khoa đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận. Các GV đã tham gia nhiều công trình NCKH cấp cao như cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở cũng như đã công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín ở trong và ngoài nước. Nhiều GV đã tham gia giảng dạy cho hệ đào tạo sau đại học, hướng dẫn nhiều công trình NCKH chuyên sâu cho học viên cao học và SV được giới chuyên môn đánh giá cao.

Danh sách GV, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong CTĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
1	Lưu Khánh Cường	1973	Trưởng khoa QTKD	Tiến sĩ, 2010	Kinh tế thương mại	- Văn hóa kinh doanh - Marketing căn bản - Thực tập Marketing trong DN - Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường - Giao dịch và đàm phán kinh doanh - Thực tập marketing điện tử - Thực tập cuối khóa	
2	Nguyễn Thị Chi	1973	Phó Trưởng khoa QTKD	Tiến sĩ, 2016	Kinh tế thương mại	- Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Thực tập cuối khóa	
3	Vũ Đình Chuẩn	1975	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị doanh nghiệp thương mại - Quản trị chất lượng - Nghệ thuật lãnh đạo	
4	Hoàng Thị Chuyên	1980	Giảng viên	Thạc sỹ, 2008	Quản trị kinh doanh	- Quản trị hành chính văn phòng - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Thực tập cuối khóa	
5	Vũ Đại Đồng	1985	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị sản xuất/ Thực tập quản trị sản xuất - Quản trị dự án	
6	Trần Việt Dũng	1981	Phó trường bộ môn Marketing	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Thực tập Marketing trong DN - Quản trị Markting - Marketing dịch vụ - Thực tập cuối khóa - Quản tri thương hiệu	
7	Nguyễn Thúy Hải	1988	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị doanh nghiệp thương mại - Quản trị chuỗi cung ứng	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Giao dịch và đàm phán kinh doanh	
8	Phạm Trung Hải	1983	Phó trường bộ môn Quản trị	Thạc sỹ, 2011	Quản trị kinh doanh tổng hợp	- Quản trị học - Quản trị sản xuất/ Thực tập quản trị sản xuất - Quản trị chất lượng - Quản trị đổi mới sáng tạo - Thực tập cuối khóa - Quản trị rủi ro	
9	Trần Thị Minh Hải	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị nhóm làm việc - Quản trị doanh nghiệp thương mại	
10	Nguyễn Thị Hạnh	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Lịch sử các học thuyết kinh tế - Quản trị học - Quản trị bán hàng/ Thực tập quản trị bán hàng	
11	Nguyễn Thị Thanh Hoa	1987	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh - Thương mại điện tử	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
12	Trần Mạnh Hùng	1974	Phó trưởng Bộ môn Thương Mại	Thạc sỹ, 2007	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị kinh doanh quốc tế - Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế - Thực tập cuối khóa	
13	Đỗ Thị Thu Hương	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Thương mại	- Quản trị học - Marketing căn bản - Thực tập Marketing trong DN - Quản trị Markting - Marketing quốc tế - Thực tập marketing điện tử	
14	Nguyễn Thị Minh Hương	1979	Giảng viên	Thạc sỹ, 2010	Quản trị kinh doanh	- Marketing căn bản -Thực tập Marketing trong DN - Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Marketing quốc tế - Thực tập marketing điện tử - Thực tập cuối khóa	
15	Nguyễn Thị Thu Hương	1985	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011	Quản trị kinh doanh	- Văn hóa kinh doanh - Quản trị học - Quản trị bán hàng/ Thực tập quản trị bán hàng - Quản trị kinh doanh quốc tế - Quản trị Markting	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế - Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	
16	Lê Thị Huyền	1987	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Quản trị chất lượng	
17	Nguyễn Thị Huyền	1987	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Marketing căn bản - Thực tập Marketing trong DN - Quản trị chuỗi cung ứng/ thực tập quản trị chuỗi - Thực tập marketing điện tử - Thực tập cuối khóa	
18	Lưu Huỳnh	1979	Giảng viên	Thạc sỹ, 2007	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị dự án	
19	Nguyễn Văn Kỷ	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2016	Quản trị kinh doanh	- Văn hóa kinh doanh - Quản trị học - Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
20	Nguyễn Phương Linh	1983	Giảng viên	Thạc sỹ, 2010	Quản trị kinh doanh	- Lịch sử các học thuyết kinh tế - Marketing căn bản - Thực tập Marketing trong DN - Quản trị chuỗi cung ứng - Thực tập marketing điện tử	
21	Trần Thùy Linh	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2014	Tài chính ngân hàng	- Quản trị học - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD - Hệ thống thông tin quản lý - Nghệ thuật lãnh đạo	
22	Nguyễn Tiến Mạnh	1978	Giảng viên, Ủy viên BCH Công đoàn trường, Tổ trưởng công đoàn cơ sở Hà Nội.	Thạc sỹ, 2007	Tài chính ngân hàng	- Quản trị học - Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - Quản trị sản xuất/ Thực tập quản trị sản xuất - Quản trị nhóm làm việc - Quản trị đổi mới sáng tạo - Quản trị dự án - Thực tập cuối khóa	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	1990	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Marketing căn bản - Thực tập Marketing trong DN - Quản trị kinh doanh quốc tế - Quản trị Markting - Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế - Marketing quốc tế	
24	Nguyễn Thị Phượng	1980	Trưởng Bộ môn Thương mại	Tiến sĩ/ 2016	Quản trị kinh doanh	- Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường - Quản trị bán hàng/ Thực tập quản trị bán hàng - Quản trị du lịch và khách sạn - Marketing dịch vụ - Thực tập cuối khóa	
25	Trần Thị Kim Phượng	1983	Giảng viên	Thạc sỹ, 2012	Quản lý doanh nghiệp	- Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị doanh nghiệp thương mại	
26	Trần Đăng Quân	1976	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011	Quản lý kinh tế	- Lịch sử các học thuyết kinh tế - Quản trị học - Marketing căn bản	
27	Nguyễn Thanh Sơn	1979	Giảng viên	Thạc sỹ, 2009	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược	
28	Nông Mai Thanh	1987	Giảng viên	Thạc sỹ, 2014	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Thực tập Marketing trong DN - Quản trị Markting	
29	Vũ Thị Kim Thanh	1976	Giảng viên	Thạc sỹ, 2008	Quản trị kinh doanh	- Quản trị kinh doanh quốc tế - Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế	
30	Hoảng Hiếu Thảo	1978	Giảng viên	Thạc sỹ, 2009	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	
31	Phạm Thanh Thảo	1985	Giảng viên	Thạc sỹ, 2016	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị nhóm làm việc	
32	Đoàn Kim Thêu	1982	Giảng viên	Tiến sỹ, 2018	Quản trị kinh doanh	- Marketing căn bản - Thực tập Marketing trong DN	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD - Thực tập cuối khóa	
33	Mai Hoàng Thịnh	1978	Giảng viên	Thạc sỹ, 2010	Quản trị kinh doanh	- Văn hóa kinh doanh - Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh - Thực tập cuối khóa	
34	Nguyễn Thị Thu	1982	Giảng viên	Thạc sỹ, 2010	Quản trị kinh doanh	- Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị hành chính văn phòng - Quản trị sản xuất/ Thực tập quản trị sản xuất - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD - Quản trị logistics - Thực tập cuối khóa	
35	Nguyễn Thị Trang	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Lịch sử các học thuyết kinh tế - Giao dịch và đàm phán kinh doanh	
36	Nguyễn Thị Thu Trang	1986	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Nghệ thuật lãnh đạo - Marketing quốc tế - Quản trị dự án	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
37	Trần Ngọc Tú	1987	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Thương mại	Logicstic, Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, Nghiệp vụ hải quan, Kỹ	
38	Vũ Ngọc Tuấn	1962	Giảng viên	Thạc sỹ, 2010	Quản trị kinh doanh	- Văn hóa kinh doanh - Quản trị học - Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường - Quản trị thương hiệu	
39	Đan Thu Vân	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị bán hàng/ Thực tập quản trị bán hàng	
40	Nguyễn Thị Lan Anh	1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Nghệ thuật lãnh đạo - Quản trị chất lượng - Quản trị dự án	
41	Lê Thị Ánh	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2017	Quản trị kinh doanh	- Marketing căn bản - Quản trị hành chính văn phòng - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Hệ thống thông tin quản lý - Nghệ thuật lãnh đạo - Cơ sở hạ tâng logistics	
42	Nguyễn Viết Bình	1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị kinh doanh quốc tế	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Quản trị du lịch và khách sạn - Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế	
43	Trần Huy Bình	1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2008	Quản trị kinh doanh	- Quản trị Markting - Quản trị doanh nghiệp thương mại - Quản trị chuỗi cung ứng	
44	Trần Sĩ Định	1980	Giảng viên	Thạc sỹ, 2007	Quản trị kinh doanh	- Quản trị bán hàng/ Thực tập quản trị bán hàng - Quản tri học - Thương mại điện tử	
45	Nguyễn Thị Giang	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2014	Quản trị kinh doanh	- Marketing căn bản - Thực tập Marketing trong DN - Quản trị Markting	
46	Vũ Huy Giang	1979	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Marketing căn bản - Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị sản xuất/ Thực tập quản trị sản xuất - Thực tập cuối khóa	
47	Vũ Văn Giang	1989	Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sỹ, 2016	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị dự án - Cơ sở hạ tâng logistics	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Thực tập cuối khóa	
48	Nguyễn Văn Hải	1969	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính - Quản trị hành chính văn phòng - Quản trị nhóm làm việc - Quản trị doanh nghiệp thương mại	
49	Trần Thị Hằng	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Marketing căn bản - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính - Quản trị hành chính văn phòng - Quản trị chất lượng - Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	
50	Nguyễn Thị Hoài	1980	Giảng viên	Thạc sỹ, 2009	Quản trị kinh doanh	- Lịch sử các học thuyết kinh tế - Marketing căn bản - Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường - Quản trị Markting - Quản trị chuỗi cung ứng	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
51	Nguyễn Hưng	1982	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị nhóm làm việc - Quản trị dự án	
52	Nguyễn Văn Hưng	1990	Giảng viên	Thạc sỹ, 2016	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị sản xuất/ Thực tập quản trị sản xuất - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị chất lượng - Quản tri rủi ro	
53	Nguyễn Thị Hương	1987	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Marketing dịch vụ - Marketing căn bản - Quản trị bán hàng/ thực tập quản trị bán hàng - Thương mại điện tử	
54	Đỗ Thị Hường	1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2012	Quản lý kinh tế	- Quản trị bán hàng/ Thực tập quản trị bán hàng - Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh - Thương mại điện tử	
55	Trần Thọ Khải	1970	Giảng viên, Tổ trưởng tổ CĐ khoa	Thạc sỹ, 2007	Quản trị kinh doanh	- Văn hóa kinh doanh	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
			QTKD cơ sở NĐ			- Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường - Quản trị du lịch và khách sạn - Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế - Marketing quốc tế - Marketing dịch vụ	
56	Mai Thị Lụa	1980	Phó Bí thư chi Bộ- Phó trưởng Bộ môn Quản trị- Trưởng Ban nữ công CĐ Trường ĐHKT-KTCN cơ sở NĐ	Thạc sỹ, 2008	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD - Thực tập cuối khóa	
57	Đặng Thị Thu Phương	1989	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD - Quản trị chất lượng - Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	
58	Phan Thị Minh Phương	1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2010	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Quản trị sản xuất/ Thực tập quản trị sản xuất - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD	
59	Phạm Hương Thanh	1982	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Nghệ thuật lãnh đạo	
60	Trần Thị Thanh Thủy	1985	Giảng viên	Thạc sỹ, 2012	Quản trị kinh doanh	- Lịch sử các học thuyết kinh tế - Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường - Quản trị logistics - Giao dịch và đàm phán kinh doanh - Thực tập cuối khóa	
61	Đỗ Thu Trang	1982	Giảng viên	Thạc sỹ, 2009	Quản trị kinh doanh	- Văn hóa kinh doanh - Quản trị kinh doanh quốc tế - Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế	
62	Phạm Vũ Tuân	1984	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược - Phân tích HĐ KD/ Tiểu luận 2: Phân tích HĐ KD	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Tham gia giảng dạy các học phần	Ghi chú
						- Quản trị dự án	
63	Trần Thị Vân	1982	Giảng viên	Thạc sỹ, 2009	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị chiến lược/ Thực tập mô phỏng chiến lược	
64	Bùi Thị Xuân	1987	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011	Quản trị kinh doanh	- Quản trị học - Quản trị nhân lực/ Thực tập quản trị nhân lực - Quản trị tài chính/ Thực tập quản trị tài chính - Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	
65	Trần Mạnh Tiến	1977	Giảng viên	Thạc sỹ, 2015	Quản trị kinh doanh	Khai thác dữ liệu trên mạng Internet, Thương mại di động, Văn hóa kinh doanh, Marketing căn bản	

Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lưu Khánh Cường/1973/ Trưởng khoa QTKD	Tiến sỹ/2010	Kinh tế thương mại	
2	Nguyễn Thị Chi/1973/ Phó Trưởng khoa QTKD	Tiến sỹ/2016	Kinh tế thương mại	

Số TT	Học và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
3	Mai Thị Lụa/1980/ Phó trưởng bộ môn Quản trị, phụ trách bộ môn Quản trị	Thạc sỹ/2008	Quản trị kinh doanh	
4	Phạm Trung Hải/1982/ Phó trưởng bộ môn Quản trị	Thạc sỹ/2011	Quản trị kinh doanh	
5	Nguyễn Thị Phượng/ 1980/ Trưởng bộ môn Thương mại	Tiến sỹ/2016	Quản trị kinh doanh	
6	Trần Mạnh Hùng/1974/ Phó trưởng bộ môn Thương mại	Thạc sỹ/2007	Quản trị kinh doanh	
7	Trần Việt Dũng/ 1981/ Phó trưởng bộ môn Marketing, phụ trách bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2015	Quản trị kinh doanh	
8	Vũ Văn Giang/1989/ Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2016	Quản trị kinh doanh	

2.1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị.

a) Cơ sở vật chất chung của trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy)

Phòng học

Cơ sở vật chất của Nhà trường hiện nay bao gồm 4 địa điểm làm việc, giảng dạy, thực hành/thực tập với tổng diện tích xấp xỉ 29 ha; trong đó có 305 phòng học với tỷ lệ 2.92m2/1SV, 63 phòng thực hành/thí nghiệm. Trường tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành với các loại máy móc hiện đại; hệ thống máy tính của trường đã được nối mạng ADSL, wireless đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

Trường hiện có 2 cơ sở đào tạo tại Nam Định và Hà Nội. Tại cơ sở Nam Định có 2 địa điểm gồm 17.000m2 ở 353 Trần Hưng Đạo và 250.000m2 tại phường Mỹ Xá. Tại cơ sở Hà Nội có 2 địa điểm gồm 7.000m2 ở 456 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng và 20.000m2 tại phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai đã được Thành phố Hà Nội cấp phép xây dựng,

trong đó có 305 phòng học, giảng đường lớn, có tổng diện tích sử dụng 25.412 m2, số lượng máy tính trên 1500 bộ.

STT	Loại phòng học *(Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính…)*	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học lý thuyết	305	25.412	- Máy tính - Máy chiếu - Hệ thống tivi tương tác - Loa, Âm ly, micro	305 bộ 88 cái 200 cái 200 bộ	Các học phần lý thuyết
2	Phòng Máy tính	16		- Máy tính	1350 bộ	Thực hành học phần và các học phần thực hành máy tính

Trang thiết bị

Công tác đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy, hoạt động, NCKH luôn được nhà trường coi trọng. Phòng Studio được trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo cho việc quay phim, ghi hình, giảng dạy trực tuyến.

- Hệ thống studio sản xuất học liệu, cụ thể như sau:

+ Tổng diện tích: 381m2

+ Danh sách phòng chức năng như sau: Tất cả các phòng được thiết kế theo đúng chức năng và đảm bảo tiêu âm, cách âm:

- Phòng thu / quay bài giảng và giảng dạy online trực tiếp: 4 phòng;
- Trường quay lớn: 1 phòng;
- Phòng biên tập, chỉnh sửa: 1 phòng;
- Phòng Điều khiển trung tâm: 1 phòng;
- Phòng trang điểm: 1 phòng;
- Phòng thay đồ: 1 phòng;
- Kho: 2 phòng;
- Sảnh chờ: 1 sảnh;

- Phòng làm việc chung cho giảng viên: 1 sảnh.

+ Danh sách cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, hiện đại gồm các hạng mục sau:

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
I. Phòng quay bài giảng				**3**
Máy quay Sony HXR-NX100	Sony	Japan	Chiếc	1
Chân máy Benro Video Tripod KH26	Benro	China	Bộ	1
Bộ trộn hình ATEM Mini Pro ISO	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Hệ thống Đèn và phông xanh	China	China	Bộ	1
Tivi	Tivi Sony 4K 49 inch KD-49X7500H	Malaysia	Cái	1
Giá treo TV di động	NB AVA1500-60		Bộ	1
Rode Wireless GO Compact Wireless Omni Lavalier Microphone System Kit (Original, 2.4 GHz)	Rode	Australia	Bộ	3
II. Phòng hậu kỳ Video				
Máy tính dựng Video			Bộ	4
III. Phòng thu/Quay phụ				
Hệ đèn trường quay	China	China	Bộ	2
Máy quay Sony	Sony	Japan	Chiếc	4
Thẻ nhớ Sony 64GB SxS-1 G1C Series Memory Card (2-Pack)	Sony	Japan	Cái	8
Đầu đọc thẻ nhớ chuyên dụng SBAC-US30	Sony	Japan	Bộ	4
Sony BP-U70 Lithium-Ion Battery Pack	Sony	Japan	Chiếc	8
Sạc pin đôi BC-U2	Sony	Japan	Cái	4
Chân máy Libec LX10 Studio Two-Stage Aluminum Tripod System and H65B Head with Dual Pan Handles and Spreader Dolly	Libec	Taiwan	Bộ	4
Bộ nhắc lời ikan PT3700 17" Rod Mounted Teleprompter for Location and Studio	ikan	China	Bộ	1
Microphone cài ve Sennheiser EW 112P G4 Camera-Mount Wireless Omni Lavalier Microphone System	Sennheiser	Germany	Bộ	3
IV. Phòng điều khiển trung tâm				

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
Bộ trộn hình ATEM 4 M/E Broadcast Studio 4K	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Bàn điều khiển ATEM 2 M/E Advanced	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Bộ ghi hình ổ cứng SSD HyperDeck Studio 12G	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	4
Bộ chuyển đổi tín hiệu đa năng Teranex AV	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Hệ thống liên lạc Intercom Datavideo ITC-100 8-User Wired Intercom System with 4 Beltbacks & 4 Headsets	Datavideo	Taiwan	Bộ	1
GPI and Tally Interface	Blackmagic Design	Singapore	Chiếc	1
Tivi			Chiếc	3
Màn hình kiểm tra SmartScope Duo 4K 2	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Bộ chuyển đổi tín hiệu video Micro Converter HDMI to SDI wPSU	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Bộ chuyển đổi tín hiệu video Micro Converter SDI to HDMI wPSU	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Bộ định tuyến Smart Videohub 12G 40x40	Blackmagic Design	Singapore	Bộ	1
Máy tính xách tay			Bộ	4
Loa kiểm tra Genelec 8030C Active Two-Way 5" Studio Monitor (Single)			Bộ	2
Bàn điều khiển âm thanh số cao cấp MIDAS M32 Live	Midas	UK/China	Bộ	1
V. Trường quay lớn – Hệ thống âm thanh				
Loa treo line array RCF HDL 6A	RCF (ITALY)	Italy	Bộ	6
Loa kiểm tra sân khấu RCF ART 710-A MK4 - 10" 2-Way 1400W Active Speaker	RCF (ITALY)	Italy	Bộ	3
Loa siêu trầm RCF SUB 8003AS II	RCF (ITALY)	Italy	Bộ	1
Bàn điều khiển âm thanh số cao cấp MIDAS M32 Live	Midas	UK/China	Bộ	1
Thiết bị kết nối sân khấu và Mixer Midas DL32 32-input / 16-output Stage Box	Midas	UK/China	Gói	1

Nội dung / Trang thiết bị	Thương hiệu / Mã	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
Microphone không dây Sennheiser EW 100 G4-945-S Wireless Handheld Microphone System with MMD 945 Capsule	Sennheiser (Đức)	Germany	Bộ	6
Tủ cấp nguồn âm thanh 3PHA 100A, 12out 16A	Việt Nam		Chiếc	1
Dây tín hiệu âm thanh EuroCable	EuroCable		Mét	300
Jack tin hiệu cho hệ thống âm thanh	Neutrik - Liechtenstein	Liechtenstein	Chiếc	30
Chân Microphone	Việt Nam		Chiếc	4
Tủ để thiết bị 12U			Chiếc	1
PAR LED 54x3W	China		Chiếc	8
Bộ chia tín hiệu DMX	China		Chiếc	1
Bàn điều khiển ánh sáng			Bộ	1

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Hạ tầng mạng và đường truyền internet:
Danh sách máy chủ vật lý

TT	Tên máy chủ	Số lượng	Thông số cơ bản				Ghi chú
			CPU (Core vật lý)	RAM (GB)	HHD (GB)	SSD (GB)	
1	Dell 940	1	96	256	0	4800	
2	Dell 940	1	96	256	8400	1600	
3	Dell 940	1	96	256	3200	1600	
4	IBM M5	1	16	128	3500	0	
5	IBM M5	1	16	96	3500	0	
6	Dell 740	1	20	128	2000	0	
7	IBM M4	1	8	64	1800	0	

Bảng: Danh sách máy chủ vật lý do phòng Đào tạo quản lý

Danh sách máy chủ ảo sử dụng cho hệ thống đào tạo từ xa

+ Máy chủ Proxy 1:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 4 core CPU; 6 Gb Ram; 100 SSD
- Dịch vụ: Proxy Server: HAProxy / Nginx

+ Máy chủ Proxy 2:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 4 core CPU; 6 Gb Ram; 100 SSD
- Dịch vụ: Proxy Server: HAProxy / Nginx

+ Máy chủ Web LMS 1:

- OS: Ubuntu 18+
- 01 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 16 core CPU; 24 Gb Ram; 256 SSD
- Dịch vụ: Webserver2: Apche 2.4; PHP 7.2+; Moodle 3.8+, SSL

+ Máy chủ Web LMS 2:

- OS: Ubuntu 18+
- 01 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 16 core CPU; 24 Gb Ram; 256 SSD
- Dịch vụ: Webserver2: Apche 2.4; PHP 7.2+; Moodle 3.8+, SSL

+ Máy chủ Web Database 1 (Master vs slave):

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 16 core CPU; 16 Gb Ram; 192 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7

+ Máy chủ Web Database 2 (Master vs slave):

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 16 core CPU; 16 Gb Ram; 192 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7

+ Máy chủ VCR SERVER NODE 1:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 8 core CPU; 16 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7, SSL, HTML5, Bigbluebutton

+ Máy chủ VCR SERVER NODE 2:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 8 core CPU; 16 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7, SSL, HTML5, Bigbluebutton

+ Máy chủ VCR SERVER NODE 3:

- OS: Ubuntu 18+
- Tài nguyên: 8 core CPU; 16 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: Mysql 5.7, SSL, HTML5, Bigbluebutton

+ SAN / NAS: STORAGE

- Tài nguyên: 1000 HDD

Danh sách các máy chủ ảo vận hành phần mềm quản lý đào tạo, hành chính điện tử, công thông tin sinh viên …

+ Máy chủ Web: CỔNG THÔNG TIN HÀNH CHÍNH ĐIỆN TỬ

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 400 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: CỔNG THÔNG TIN SINH VIÊN

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 200 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: CỔNG THÔNG TIN KHẢO SÁT

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 200 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: TRA CỨU VĂN BẰNG

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 8 core CPU; 24 Gb Ram; 200 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ Web: THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ

- OS: Windown Server
- 1 Ip tĩnh
- Tài nguyên: 20 core CPU; 64 Gb Ram; 512 SSD
- Dịch vụ: IIS: SSL

+ Máy chủ phần mềm: Quản lý Đào tạo, Quản lý nhân sự

- OS: Windown Server
- Tài nguyên: 8 core CPU; 32 Gb Ram; 500 SSD
- Dịch vụ: SQL Server

Danh sách đường truyền internet ftth (cáp quang)

TT	CƠ SỞ	ĐỊA ĐIỂM	NHÀ CUNG CẤP ĐƯỜNG TRUYỀN CÁP QUANG	TÌNH TRẠNG	BĂNG THÔNG		MỤC ĐÍCH ĐƯỜNG TRUYỀN
					Trong nước	Quốc tế	
1	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	VNPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Cung cấp cho hệ thống máy chủ
2	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Cung cấp cho hệ thống máy chủ
3	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
4	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
5	Hà Nội	218 Lĩnh Nam, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
6	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
7	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
8	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Mạng VPN
9	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Internet - Cân bằng tải
10	Hà Nội	Số 456 Minh Khai, TP. Hà Nội	VIETTEL	Đang hoạt động	90 MB	8 MB	Internet - Cân bằng tải
11	Nam Định	Số 353 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định	FPT	Đang hoạt động	400 MB	18MB	Internet - Cân bằng tải
12	Nam Định	Số 353 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Mạng VPN
13	Nam Định	Mỹ Xá, TP. Nam Định	VNPT	Đang hoạt động	150 MB	8 MB	Internet

Hạ tầng phần mềm

Hệ thống quản lý học tập: Hệ thống quản lý đào tạo PMT-EMS của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Hệ thống học tập LMS

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sử dụng hệ thống quản lý nội dung học tập trên nền tảng Moodle, đây là một nền tảng cho học trực tuyến có mã nguồn mở có số lượng rất lớn người sử dụng. Moodle nổi bật là thiết kế hướng tới giáo dục, với giao diện trực quan, giảng viên chỉ mất một thời gian ngắn để làm quen và có thể sử dụng thành thạo. Moodle được viết bằng PHP và sử dụng cơ sở dữ liệu SQL, được cài đặt và chạy trên hệ điều hành Linux. Hệ thống quản lý nội dung học tập của Uneti có các tính năng chính sau:

+ Xem bài giảng tương tác: Tương tác trên bài giảng elearning chuẩn SCORM, Slide bài giảng, trên video (MP4) bài giảng.

+ Diễn đàn lớp học Forum: Trao đổi, tương tác thảo luận trên hệ thống, Công nghệ trao đổi theo phương pháp sư phạm định hướng,…

+ Bài luyện tập: có 16 định dạng khau, phản hồi kết quả ngay đến người học,…

+ Bài tập cá nhân, nhóm: Nộp bài tập với các định dạng: fiel hoặc online text, chấm bài tập online ngay trên hệ thống, chia nhỏ bài tập, nộp, chấm bài và nhận xét liên tục…

+ Help Desk (hỏi đáp): Hỗ trợ giải đáp 1-1 giữa học viên, sinh viên

+ Lớp học ảo trực tuyến (VCR): Lớp học ảo trực tuyến tương tác đa chiều: Công cụ giảng dạy đa dạng, chat, video, webcam, chia sẻ màn hình, chia nhóm học tập…

+ Hệ thống thông báo (Notification): Thông báo làm bài, nộp bài, nhiệm vụ học tập, sự kiện khóa học. Kết nối đa kênh giữa sinh viên, giảng viên trong thời gian thực.

+ Quản lý thiết kế khóa học: Quản trị danh mục, thông tin học phần, quản trị thiết lập các tỉ lệ, nhiệm vụ học tập tập trung, Tạo ra khóa học tự động theo kế hoạch có sẵn, Tự động đưa danh sách sinh viên vào khóa học.*b) Cơ sở vật chất của Khoa Quản trị kinh doanh*

Khoa QTKD hiện có 03 phòng làm việc trong đó: Cơ sở Nam Định có 02 phòng P602; 605 N.A2 mỗi phòng có diện tích 62 m2, là nơi làm việc của toàn bộ lãnh đạo, GV tại cơ sở Nam Định; Cơ sở Hà Nội có 01 phòng P 407 H.A11 với diện tích phòng 110 m2, nơi làm việc của toàn bộ lãnh đạo, GV tại cơ sở Hà Nội. Ban lãnh đạo Khoa hiện có 02 người (01 Trưởng khoa và 01 Phó trưởng khoa); Khoa hiện có 65 GV, tính trung bình tỷ lệ đạt 3,6 m^2/1 người.

Khoa sử dụng phòng học lý thuyết, phòng máy tính, ngoại ngữ chung với SV trong toàn Trường. Nhà trường có 63 phòng thực hành/thí nghiệm. Trong đó, Khoa QTKD (Khoa) được dùng chung 03 phòng thực hành ở cơ sở Hà Nội và 03 phòng thực hành ở cơ sở Nam Định. Bên cạnh đó, Khoa còn được dùng riêng 05 phòng thực hành ở hai cơ sở

này. Cụ thể các phòng thực hành riêng, có 03 phòng nằm ở tòa nhà HA10 số 218 Phố Lĩnh Nam- Hoàng Mai- Hà Nội và 02 phòng thực hành nằm ở tòa nhà NA2 số 353 Phố Trần Hưng Đạo- Nam Định. Các phòng thực hành Khoa được sử dụng có tổng số chỗ ngồi khoảng 500 chỗ ngồi/ buổi học, đủ đáp ứng nhu cầu thực hành, thực tập các học phần chuyên ngành của Khoa. Tất cả các phòng thực hành dùng chung và riêng ở hai cơ sở đào tạo đều được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Cụ thể, với 06 phòng thực hành dùng chung, mỗi phòng được trang bị khoảng 40- 50 máy tính để bàn với 40- 50 chỗ ngồi tương ứng, có đầy đủ hệ thống ánh sáng, quạt, điều hòa, bảng viết. Các phòng thực hành riêng của Khoa, với 03 phòng ở số 218 Phố Lĩnh Nam- Hoàng Mai- Hà Nội, mỗi phòng được trang bị 03 tủ 4 buồng để tài liệu, 06 máy tính để bàn, 01 Tivi TCL 50 inch, 01 bảng viết, treo tường sơ đồ thực hành cho các học phần. Ở cơ sở Nam Định, với 02 phòng thực hành mỗi phòng có 06 máy tính để bàn, 01 Tivi TCL 50 inch, các phòng thực hành riêng chưa được lắp 01 điều hòa, 01 bảng viết, treo tường sơ đồ thực hành cho các học phần. Các phòng thực hành này đều được kết nối mạng Internet và được cài đặt phần mềm AMIS để phục vụ nhu cầu học tập và đào tạo. 100% phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết: Hệ thống âm thanh, Tivi LCD màn hình 50 inch hoặc máy chiếu Projector; máy tính PC, máy tính xách tay, máy tính bảng. Các phòng học, phòng chức năng đảm bảo hệ thống ánh sáng, thông gió, vệ sinh và được quản lý theo quy trình, nguyên tắc quy định.

2.1.3 Hệ thống thư viện, giáo trình

a) Thư viện

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, nhà trường đã chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thư viện ở cả 2 cơ sở Hà Nội và Nam Định với tổng diện tích 1284m^2, trong đó: Địa điểm Minh khai có diện tích:179 m^2 được bố trí: 01 phòng đọc mở, 02 phòng kho; Địa điểm Lĩnh Nam có diện tích: 757 m^2 được bố trí 01 phòng đọc mở, 01 phòng kho và địa điểm Nam Định có diện tích: 348 m^2 được bố trí 01 phòng đọc mở phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Thư viện có 350 chỗ ngồi: Địa điểm Minh Khai là 72 chỗ ngồi với 12 bộ bàn ghế; Địa điểm Lĩnh Nam có 140 chỗ ngồi với 70 bộ bàn ghế và địa điểm Nam Định có 138 chỗ ngồi với 23 bộ bàn ghế; Thư viện có 01 phần mềm quản lý thư viện hiện đại (Kipos); 01 bộ máy chủ và 13 bộ máy tính nghiệp vụ và tra cứu trong đó: Địa điểm Minh Khai là 07 bộ, địa điểm Lĩnh Nam là 04 bộ và địa điểm Nam Định là 02 bộ; 03 cổng an ninh; 02 máy in; 01 máy photo và các thiết bị khác. Cổng thông tin điện tử của Thư viện là: www.lib.uneti.edu.vn;

Hiện tại Thư viện của Nhà trường có 7.467 đầu sách (47.677 bản in) và 1.896 bản tài liệu số hoá bao gồm: giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, từ điển, đề tài NCKH, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp… bằng tiếng Việt và ngoại văn. Ngoài ra, nhà trường liên kết được các tài liệu số trong nước của Đại học Quốc Gia Hà Nội; Thư viện Tạ Quang Bửu - trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và các cơ sở dữ liệu điện tử liên kết của

Dự án Thư viện điện tử dùng chung với đầu mối là Trường Đại học Kinh tế Quốc dân bao gồm các CSDL sách điện tử: IG publishing, Spinger, Elsevier; CSDL tạp chí điện tử: Emeral publishing, Sage publishing.

Đối với nhóm ngành kinh tế (trong đó có ngành Quản trị kinh doanh) có 2.136 đầu tài liệu tương ứng 6.825 bản, số lượng khóa luận tốt nghiệp của SV ngành Quản trị kinh doanh là 8 bản và số lượng luận án, luận văn của cán bộ, GV là 96 bản. Ngoài ra, hệ thống thư viện điện tử đã được Nhà trường xây dựng và đưa vào sử dụng. Các CSDL điện tử của Nhà trường được liên kết và chia sẻ với CSDL điện tử của Liên chi hội Đại học Khu vực phía Bắc và Công ty TNHH tài liệu trực tuyến Vi na, phần nào giúp SV và GV dễ dàng tiếp cận với các tài liệu học tập mới bao gồm cả tài liệu học tập nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của ngành ngành QTKD. Danh mục sách phục vụ đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh là 271 đầu sách, tài liệu học tập.

b) Sách, giáo trình, TLHT

Danh mục giáo trình của ngành Quản trị kinh doanh

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2020	5	Triết học Mác - Lênin
2	Tài liệu học tập học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	
3	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2020	5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
4	Tài liệu học tập học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008	5	
6	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2020	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
7	Tài liệu học tập học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	
8	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2020	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh
9	Tài liệu học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	
10	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2020	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
11	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2008	5	
12	Tài liệu học tập học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	3	
13	Tài liệu học tập Pháp luật đại cương	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	3	Pháp luật đại cương
14	Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Năm	NXB Tư pháp	2019	5	
15	Giáo trình luật hình sự, tập I, II	Nguyễn Ngọc Hòa	NXB Công an nhân dân	,2018	3	
16	Giáo trình luật hành chính	Trần Minh Hương	NXB Công an nhân dân	2019	3	
17	Giáo trình luật lao động	Lưu Bình Nhưỡng	NXB Công an nhân dân	2018	3	

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
18	Tài liệu học tập Đại số tuyến tính	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN		2019	3	Đại số tuyến tính
19	Xác suất thống kê	Trần Thị Hoàng Yến, Trần Chí Lê	NXB Lao Động	2016	5	Xác suất thống kê
20	Giáo trình Lý thuyết Xác suất & thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	NXB Thống kê	2005	4	
21	Tài liệu học tập Quy hoạch tuyến tính	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quy hoạch tuyến tính
22	Giáo trình Quy hoạch tuyến tính	Võ Văn Tuấn Dũng	NXB Thống kê	2007	5	
23	Market leader elementary third edition.	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Financial Times Publishing	2012	5	Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4
24	Very easy Toeic Introduction 1	Anne Taylor, Garett Byrne, Mary Chadwick, Sam Robinson	Compass Publishing	2019	3	Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2
25	Toeic upgrade	Peggy Anderson.	Compass Publishing	2019	3	Tiếng Anh 3
26	Pass the TOEIC Test Intermediate Course New edition	Miles Craven. 2019	First Press ELT	2019	5	Tiếng Anh 4
27	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế (Lưu hành nội bộ) - Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	TS. Nguyễn Thị Phượng, ThS. Nguyễn Thị Hoài, TS. Nguyễn Thị Chi	NXB Lao Động	2016		Lịch sử các học thuyết kinh tế
28	Giáo trình Kinh tế học vi mô	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản Lao động	2011	5	Kinh tế vi mô

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
29	Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Công	NXB Lao động	2012	4	Kinh tế vĩ mô
30	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2016	5	
31	Tài liệu học tập Văn hóa kinh doanh	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2020	5	Văn hóa kinh doanh
32	Giáo trình văn hóa kinh doanh	PGS.TS. Dương Thị Liễu	NXB ĐHKTQD	2010	5	
33	Giáo trình đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	NXB Lao động xã hội	2005	4	
34	Giáo trình văn hóa doanh nghiệp	PGS TS Đỗ Thị Phi Hoài	NXB Tài chính	2017	5	
35	Tài liệu học tập Nguyên lý kế toán	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	Lý thuyết hạch toán kế toán
36	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn và Trần Thị Thanh Hải	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2016	4	
37	Lý thuyết hạch toán kế toán	Bộ môn Nguyên lý kế toán	Nhà xuất bản Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2016	5	
38	Tài liệu học tập Quản trị học	Trần Mạnh Hùng	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	2019	4	Quản trị học
39	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	NXB Tài chính	2013	5	

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
40	Giáo trình Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2015	5	
41	Giáo trình lý thuyết Tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội	2017	5	Tài chính tiền tệ
42	Giáo trình Tài chính công	Trần Đức Cân	NXB Lao động	2016	4	
43	Giáo trình lý thuyết Tài chính Tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội	2014	5	
44	Tài liệu học tập Kế toán doanh nghiệp	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2020	5	Kế toán doanh nghiệp
45	Giáo trình Luật kinh tế	Phạm Thị Ngoan, Nguyễn Thuỵ Phương	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	2012	5	Pháp luật kinh tế
46	Tài liệu học tập Luật kinh tế	Phạm Thị Ngoan, Nguyễn Thuỵ Phương	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	2019	5	
47	Giáo trình Pháp luật Kinh tế	TS. Nguyễn Hợp Toàn	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2017	5	
48	Tài liệu học tập Thống kê kinh doanh	Khoa Kinh tế cơ sở	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2014	5	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh
49	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	TS. Chu Văn Tuấn	NXB Tài Chính	2010	5	

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
50	Giáo trình thống kê kinh tế	TS. Bùi Đức Triệu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010	5	
51	Giáo trình thống kê chất lượng	PGS.TS. Phan Công Nghĩa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	5	
52	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Công Nhự	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2017	3	
53	Tài liệu học tập Marketing Căn bản	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	Marketing căn bản
54	Giáo trình Marketing Căn bản	GS.TS. Trần Minh Đạo	NXB ĐH KTQD	2014	5	
55	Giáo trình Marketing căn bản	Ths Ngô Minh Cách	NXB Tài Chính	2008	5	
56	Tài liệu học tập Quản trị chuỗi cung ứng	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Nội bộ	2018	5	Quản trị chuỗi cung ứng
57	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	TS. Trương Đức Lực; Ths. Nguyễn Đình Trung	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2011	5	
58	Tài liệu học tập Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2018	5	Giao dịch và đàm phán kinh doanh
59	Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	PGS.TS Hoàng Đức Thân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	5	
60	Tài liệu học tập học phần tiểu luận 1	Khoa Quản trị kinh doanh	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)		5	Tiểu luận 1: Nghiên cứu

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
61	Giáo trình Marketing căn bản	PGS.TS. Trần Minh Đạo	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2017	5	và dự báo thị trường
62	Tài liệu học tập Thương mại điện tử	Mai Hoàng Thịnh	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2018	5	Thương mại điện tử
63	Tài liệu học tập Hệ thống thông tin quản lý	Vũ Văn Giang	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2019	5	Hệ thống thông tin quản lý
64	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	5	
65	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Trương Văn Tú, Trần Thị Song Minh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2000	3	
66	Tài liệu học tập Phân tích hoạt động kinh doanh	Ths. Mai Thị Lụa	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2019	5	Phân tích hoạt động kinh doanh
67	Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh	GVC Nguyễn Thị My	NXB Thống kê	2009	5	
68	Giáo trình phân tích kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Văn Công	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2015	5	
69	Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh	GS. TS. NGƯT. Bùi Xuân Phong	NXB Thông tin và truyền thông	2007	5	
70	Tài liệu học tập Quản trị tài chính	Ths Phan T.Minh Phương	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2018	5	Thực tập Quản trị tài chính
71	Tài liệu học tập Thực tập quản trị tài chính	Ths Phan T.Minh Phương	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2018	5	

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
72	Giáo trình Quản Trị Tài Chính doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Quang Trung	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2009	3	
73	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Đình Kiệm, TS. Bạch Đức Hiển	NXB Tài Chính	2008	5	
74	Giáo trình Quản trị tài chính	PGS.TS. Nguyễn Trung Trực	NXB Kinh tế TP.HCM		5	
75	Tài liệu học tập Quản trị thương hiệu	Khoa Quản trị kinh doanh	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN (nội bộ)	2019	5	Quản trị thương hiệu
76	Tài liệu học tập Xây dựng và phát triển thương hiệu	Khoa Quản trị kinh doanh	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	2019	5	
77	Giáo trình Quản trị thương hiệu	PGS.TS.Nguyễn Quốc Thịnh	NXB Chính trị quốc gia	2012	5	
78	Giáo trình Kinh tế lượng	GS.TS Nguyễn Quang Dong, PGS.TS Nguyễn Thị Minh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	5	Kinh tế lượng
79	Tài liệu học tập Quản trị nhân lực	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	Quản trị nhân lực
80	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Điềm & Nguyễn Ngọc Quân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	3	
81	Tài liệu học tập Quản trị tài chính	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quản trị tài chính

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
82	Tài liệu học tập thực tập Quản trị nhân lực	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	TT Quản trị nhân lực
83	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Điềm & Nguyễn Ngọc Quân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	5	
84	Tài liệu học tập Quản trị hành chính văn phòng	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quản trị hành chính văn phòng
85	Giáo trình quản trị văn phòng	Nguyễn Thành Độ	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	5	
86	Giáo trình quản trị hành chính văn phòng	Nguyễn Thị Ngọc An	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2009	5	
87	Tài liệu học tập Quản trị chiến lược	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	Quản trị chiến lược
88	Giáo trình Quản trị chiến lược	PGS.TS. Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	3	
89	Tài liệu học tập Quản trị sản xuất	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quản trị sản xuất
90	Giáo trình Quản trị sản xuất	Phương Mai Anh, Phạm Trung Hải	NXB Lao Động	2016	5	
91	Tài liệu học tập Quản trị tài chính	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quản trị bán hàng
92	Tài liệu học tập Quản trị kinh doanh quốc tế	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quản trị kinh doanh quốc tế
93	Tài liệu học tập thực tập quản trị sản xuất	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2020	5	TT Quản trị sản xuất

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
94	Giáo trình Quản trị sản xuất	Phương Mai Anh, Phạm Trung Hải	NXB Lao Động	2016	5	
95	Tài liệu học tập Quản trị marketing	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	Quản trị marketing
96	Giáo trình Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	3	
97	Tài liệu học tập thực tập Quản trị bán hàng	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	TT Quản trị bán hàng
98	Tài liệu học tập tin ứng dụng ngành QTKD	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	Tin ứng dụng ngành QTKD
99	Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo	Allan Afuah	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	5	Quản trị đổi mới sáng tạo
100	Giáo trình Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	5	
101	Tài liệu học tập Quản trị chất lượng	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quản trị chất lượng
102	Giáo trình Quản trị chất lượng	GS.TS. Đặng Đình Phan, TS. Đặng Ngọc Sự	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	3	
103	Giáo trình Quản trị chất lượng	PGS.TS Đỗ Thị Ngọc	NXB Thống kê	2015	5	
104	Giáo trình Quản trị chất lượng	TS. Ngô Phúc Hạnh	NXB Khoa học và kỹ thuật	2011	5	
105	Tài liệu học tập Quản trị dự án	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	Quản trị dự án

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
106	Tài liệu học tập Tiểu luận 2: Thực tập phân tích HĐKD	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Tiểu luận 2 TT phân tích HĐKD
107	Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh	GVC Nguyễn Thị My	NXB Thống kê	2009	5	
108	Giáo trình phân tích kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	5	
109	Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh	GS. TS. NGƯT. Bùi Xuân Phong	NXB Thông tin và truyền thông	2017	3	
110	Giáo trình Quản trị chiến lược	PGS.TS. Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	5	TT mô phỏng chiến lược
111	Tài liệu học tập TT mô phỏng chiến lược	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	
112	Tài liệu học tập Quản trị chiến lược	TLHT ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	TT cuối khóa
113	Tài liệu học tập Quản trị nhân lực	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	5	
114	Tài liệu học tập Quản trị tài chính	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	3	
115	Tài liệu học tập Thực hành quản trị bán hàng	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	Nội bộ	2018	3	
116	Giáo trình quản trị sản xuất	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	
117	Giáo trình Marketing Quốc tế	GS.TS. Trần Minh Đạo, PGS.TS Vũ Trí Dũng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2007	3	Marketing quốc tế

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
118	Giáo trình Marketing Quốc tế	Nguyễn Đông Phong	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2012	5	
119	Giáo trình Marketing Quốc tế	PGS.TS Nguyễn Trung Văn, TS Nguyễn Thanh Bình,TS Phạm Thu Hương, Ths Nguyễn Thu Hương	NXB Lao động xã hội	2008	5	
120	Marketing thương mại điện tử	Nguyễn Hoàng Việt & ctg	NXB Thống kê	2011	5	TT Marketing điện tử
121	Tài liệu học tập Quản lý quan hệ khách hàng	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Quản trị quan hệ khách hàng
122	Tài liệu học tập Truyền thông marketing tích hợp	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2020	5	Truyền thông Marketing tích hợp
123	Tài liệu học tập Marketing dịch vụ	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	Marketig dịch vụ
124	Giáo trình Quản trị Logistics	GS.TS. Đặng Đình Đào, PGS.TS Trần Văn Bảo, TS. Phạm Cảnh Huy, TS. Đặng Thí Thúy Hồng	NXB Tài Chính	2017	5	Quản trị Logistics

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
125	Giáo trình Quản trị Logistics kinh doanh	PGS.TS. An Thị Thanh Nhàn, PGS.TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Nguyễn Thông Thái	NXB Hà Nội	2019	5	
126	Giáo trình Logistics	PGS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	2018	3	
127	Tài liệu học tập Cơ sở hạ tầng Logistics	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2020	5	Cơ sở hạ tầng logistics
128	Giáo trình Logistics và vận tải quốc tế	Hoàng Văn Châu	NXB Thông tin và truyền thông	2009	3	
129	Giáo trình quản trị Logistics	Đặng Đình Đào, Trần Văn Bão, Phạm Cảnh Huy, Đặng Thị Thúy Hồng	NXB Lao động xã hội	2018	5	
130	Giáo trình quản trị hậu cần	Lê Công Hoa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	3	
131	Giáo trình quản trị Logistics kinh doanh	An Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái	NXB Hà Nội	2018	3	
132	Tài liệu học tập Quản trị chuỗi cung ứng	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2019	5	

TT	Tên giáo trình/ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
133	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	TS. Trương Đức Lực – Ths. Nguyễn Đình Trung	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2011	5	Thực tập quản trị chuỗi cung ứng
134	Tài liệu học tập Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2020	5	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế
135	Giáo trình Quản trị Logistics kinh doanh	An Thị Thanh Nhàn	NXB Hà Nội	2019	5	Logistics trong thương mại điện tử
136	Giáo trình Logistics	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	2018	5	
137	Quản trị rủi ro	ĐH Kinh tế-Kỹ thuật CN	Nội bộ	2020	5	Quản trị rủi ro
138	Giáo trình quản trị rủi ro	Trần Hùng	NXB Hà Nội	2017	5	

Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Số bản	Học phần sử dụng
1	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng cộng sản Việt Nam	2016	3	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Hồ Chí Minh, Toàn tập, bộ 15 tập		NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh

3	Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 1-69)	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997-2000	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
4	Hồ Chí Minh - Hành trình 79 mùa xuân	Đỗ Hoàng Linh	NXB Hồng Bàng, TP. Hồ Chí Minh, 2012	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	Tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2016)	Ngô Đăng Tri	NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội 2016.	3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
6	Hướng dẫn học tập tìm hiểu luật hôn nhân và gia đình Việt Nam,	Ngô Thị Hường	NXB Lao động, 2015	3	Pháp luật đại cương
7	Bộ luật Dân sự năm 2015	Quốc hội	NXB Lao động, 2017	3	
8	Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam (Năm 2013 – 1992 – 1980 – 1959 – 1946)	Quốc hội	NXB Lao động, 2017	3	
9	Toán cao cấp 2 - Đại số tuyến tính	Trần Lưu Cường, Nguyễn Đình Huy, Huỳnh Bá Lân, Nguyễn Bá Thi và Nguyễn Quốc Lân	2005	5	Đại số tuyến tính
10	Đại số tuyến tính qua các ví dụ và bài tập	Lê Tuấn Hoa	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006	3	
11	Toán học cao cấp, Tập 1	Nguyễn Đình Trí, Trần Việt Dũng, Trần Xuân Hiển và Nguyễn Xuân Thảo	Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, 2015.	5	

12	Linear Algebra and Its Applications	David C. Lay, Steven R. Lay, Judi J. McDonald	Pearson, 2016.	3	
13	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Giáo Dục, 2007	5	Xác suất thống kê
14	Hướng dẫn giải các bài toán Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Giáo Dục, 2007	4	
15	Bài tập Xác suất & thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2009	3	
16	Tối ưu hóa tuyến tính	Nguyễn Thành Cả	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2006	3	Quy hoạch tuyến tính
17	Mô hình toán kinh tế	Nguyễn Quang Dong, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn,	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2006	3	
18	Hướng dẫn giải bài tập toán kinh tế	Đặng Văn Thoan	Trường Đại học Thương mại, 2003	3	
19	Lý thuyết quy hoạch - Tập I - Quy hoạch tuyến tính	Hoàng Tụy	NXB Khoa học - Hà Nội, 1963	3	
20	Linear programming and Extensions	Dantzig G. B.,	Princeton University, 1963	3	
21	Introduction to operation research	Frederick S. Hillier, Gerald J. Lieberman	Stanford University, 2010	3	
22	Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS.PTS. Mai Ngọc Cường	NXB Thống kê, 1996	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế

23	Lịch sử các học thuyết kinh tế	TS. Hà Quý Tình, ThS. Trần Hậu Hùng	NXB Tài Chính, 2008	4	
24	Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS.TS. Trần Bình Trọng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008	3	
25	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trình	NXB Thống kê, 1997	3	
26	A Practical English Grammar	A.J. Thomson, A.V. Martinet	Oxford University Press, 1986	5	Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3
27	Key English Test 1 second edition	Cambridge	Cambridge University Press, 2003	5	Tiếng Anh 1
28	Life A1-A2. National Geographic Learning.	John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett	2010	5	Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4
29	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2017	5	Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4
30	Ready for PET	Nick Kenny, Anne Kelly.	Macmillan Publishers Limited, 2007	3	Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 4
31	Key English Test 3 second edition	Cambridge	Cambridge University Press, 2003	3	Tiếng Anh 3
32	Expanding Tactics for listening 3rd edition.	Jack C. Richards	Oxford University Press, 2016	5	Tiếng Anh 4
33	Luật thi đấu điền kinh	Tổng cục Thể dục Thể thao	NXB TDTT, 2010	3	Giáo dục thể chất 1,2
34	Luật cầu lông	Ủy ban Thể dục Thể thao	NXB TDTT, 2005	4	Giáo dục thể chất 3,4

35	Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vi mô	TS. Nguyễn Văn Dần	Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2006	5	Kinh tế vi mô
36	Nguyên lý về kinh tế học	Mankiw	Nhà xuất bản Thống kê, 2005	4	
37	Bài tập kinh tế vi mô chọn lọc	TS Vũ Kim Dung, TS Phạm Văn Minh, TS Cao Thúy Xiêm	Nhà xuất bản Thống kê 2003	3	
38	Kinh tế vi mô	PGS. TS Lê Thế Giới	NXB Tài chính, 2011	5	
39	Hệ thống câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN (nội bộ)	2018		
40	Kinh tế học vĩ mô	Damian Ward - David Begg	NXB Thống kê, 2011	3	Kinh tế vĩ mô
41	Hệ thống câu hỏi và bài tập Kinh tế vĩ mô	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN (nội bộ)	2019	5	
42	Bài tập Kinh tế học	Damian Ward - David Begg	NXB Thống kê, 2008	4	
43	Nguyên lý Kinh tế vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Lao động, 2011	5	
44	Nguyên lý kế toán	Quý Liên, Trần Văn Thuận, Phạm Thành Long	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, tái bản lần thứ 5, 2016	4	Lý thuyết hạch toán kế toán
45	Hướng dẫn làm bài tập và trắc nghiệm nguyên lý kế toán	Hà Xuân Thạch, Trần Phước, Vũ Thanh Long	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2016	5	
46	Quản trị học	Nguyễn Hải Sản	Thống kê, 2007	4	Quản trị học

47	Quản trị học trong xu thế hội nhập	Lưu Đan Thọ	NXB Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2016	5	
48	Câu hỏi và bài tập lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi	NXB Kinh tế quốc dân, 2014	5	Tài chính tiền tệ
49	Tiền tệ- Ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Kim Anh, Nguyễn Đác Hưởng	NXB Lao động, 2016	4	
50	Chuẩn mực kế toán Việt Nam và toàn bộ thông tư hướng dẫn các chuẩn mực	Bộ tài chính	Nhà xuất bản Thống kê, 2014	3	Kế toán doanh nghiệp
51	Kế toán doanh nghiệp	Võ Văn Nhị	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015	5	
52	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp– Lý thuyết và Thực hành	Trần Mạnh Dũng	Nhà xuất bản Tài chính, 2018	5	
53	Nguyên lý tiếp thị: Principles of Marketing	Philip Kotler, Gary Armstrong	NXB Lao động xã hội, 2012	3	Marketing căn bản
54	Marketing căn bản	Phan Thăng, Phan Đình Quyền	NXB Thống kê, 2000	3	
55	Contemporary Marketing plus	Louis E. Boone, David L. Kurtz	Harcourt Brace College, 1995	3	
56	Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế	GS.TS. NGƯT Đặng Đình Đào– TS. Nguyễn Minh Sơn	NXB Chính trị Quốc Gia, 2012	5	Quản trị chuỗi cung ứng

57	Quản trị chuỗi cung ứng	TS. Nguyễn Thành Hiếu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015	5	
58	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	F. Robert Jacobs & Richard B. Chase	NXB Kinh tế TP. HCM, 2015	5	
59	Quản trị chuỗi cung ứng - Những trải nghiệm tuyệt vời	David Blanchard	NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006	5	
60	Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng	Michael Hugos	NXB Tổng hợp TP.HCM, 2010	5	
61	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong kinh doanh	TS. Phạm Thùy Giang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2017	5	Giao dịch và đàm phán kinh doanh
62	Hợp đồng kinh tế và chế định về tài phán trong kinh doanh tại Việt Nam	ThS. Luật học Bùi Thị Khuyên, Luật gia Phạm Văn Phấn, Phạm Thị Thùy Dương	NXB Thống kê, 2000	3	
63	Bài giảng Quản trị nhóm làm việc	Bộ môn Quản trị doanh nghiệp	NXB Đại học Thương Mại, 2010	5	
64	Luật Thương mại 2005	Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	NXB Lao động – Xã hội, 2015	5	
65	Thuật Lãnh Đạo	Brian Tracy	NXB Thế giới, 2018	5	
66	Nghệ thuật đàm phán bất bại	Stuart Diamond	NXB Tri thức, 2010	3	
67	Nghệ thuật giao tiếp để thành công	Lei Londes	NXB Lao động – Xã hội, 2010	3	

68	Kinh tế lượng	PGS. TS. Nguyễn Quang Dong	NXB Giao thông vận tải, 2008	5	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường
69	Nguyên lý thống kê	PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Thúy	NXB Văn hóa Sài Gòn, 2006	5	
70	Dự báo trong kinh doanh	TS. Đinh Bá Hùng Anh	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh	5	
71	Thương mại điện tử căn bản	Trần Văn Hòe	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	5	Thương mại điện tử
72	Thương mại điện tử căn bản	Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Thoan	NXB Bách Khoa, 2013	5	
73	Marketing thương mại điện tử	Nguyễn Hoàng Việt	NXB Thống kê, 2011	5	
74	Thanh toán trong thương mại điện tử	Nguyễn Văn Thanh	NXB Thống kê, 2011	5	
75	Hệ thống thông tin quản lý	Phạm Thị Thanh Hồng	NXB Khoa học và kỹ thuật, *2007*	5	Hệ thống thông tin quản lý
76	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	NXB Thống kê, *2010*	5	Phân tích hoạt động kinh doanh
77	Quản trị thương hiệu	TS Phạm Thị Lan Hương (chủ biên)	NXB Tài Chính, 2018	5	Quản trị thương hiệu
78	Quản trị thương hiệu trực tuyến	Charlie Pownall (Người dịch: Lê Uyên Thảo)	NXB Thế giới, 2016	3	
79	Thương hiệu với nhà quản lý	Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung	NXB Lao động - Xã hội, 2009	5	
80	Branding 4.0	Philip Kotler (người dịch: Linh Vũ)	NXB Lao Động, 2018	3	

81	Giữ vững thương hiệu	Joeri Van Den Bergh & Mattias Behrer (người dịch: Trần Cung)	NXB Dân Trí, 2018	5	
82	Bài giảng Kinh tế lượng	TS Nguyễn Quang Dong	NXB Giao Thông vận tải, 2008	3	Kinh tế lượng
83	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Điềm & Nguyễn Ngọc Quân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012	3	Quản trị nhân lực
84	Quản trị Nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Tài chính, 2018	5	
85	Quản Trị Tài Chính doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Quang Trung	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012	5	Quản trị tài chính
86	Tài chính doanh nghiệp	PGS,TS Nguyễn Đình Kiệm, TS. Bạch Đức Hiển	NXB Tài chính, 2008	3	
87	Quản trị tài chính, Khoa Quản trị kinh doanh	PGS, TS. Nguyễn Quang Thu	NXB Đại Học Kinh tế TP.HCM, 2013	3	
88	Quản trị Nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Tài chính, 2018	5	TT Quản trị nhân lực
89	Quản trị Nguồn nhân lực – Bài tập và nghiên cứu tình huống	Bùi Văn Danh	NXB Phương Đông, 2011	3	
90	Quản trị hành chính văn phòng	Đồng Thị Thanh Phương	NXB Thống kê, 2005	3	Quản trị hành chính văn phòng
91	Quản trị hành chính văn phòng	Nguyễn Hữu Thân	NXB Thống kê, 2004	3	
92	Chiến lược kinh doanh và kế hoạch hóa nội bộ doanh nghiệp	PGS.TS Phan Thị Ngọc Thuận	NXB Khoa học kỹ thuật, 2005	3	Quản trị chiến lược
93	Quản trị chiến lược	PGS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê, 2010	5	

94	Quản trị sản xuất và dịch vụ	Đồng Thị Thanh Phương	NXB Lao động Xã hội, 2011	3	Quản trị sản xuất
95	Quản trị vận hành hiện đại	Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ	NXB Tài Chính 2015	3	
96	Chào hàng chuyên nghiệp để bán hàng thành công	Lưu Chí Văn	NXB Thanh Niên, 2016	5	Quản trị bán hàng
97	Quản trị bán hàng	Bùi Văn Danh và cộng sự	NXB Phương Đông, 2012	5	
98	Quản trị bán hàng (Sales Management)	James M.Comer	NXB Thống kê, 1995	3	
99	Quản trị kinh doanh quốc tế	TS. Bùi Lê Hà	NXB Lao động Xã hội, 2010	3	Quản trị kinh doanh quốc tế
100	Kinh doanh quốc tế	PGS.TS Tạ Lợi, PGS.TS Nguyễn Thị Hường	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017	5	
101	Tài chính quốc tế	PGS.TS Đinh Trọng Thịnh	NXB Tài chính, 2006	3	
102	Marketing hiện đại Kinh nghiệm toàn cầu	John A. Quelch	NXB Tri thức, 2008	3	
103	Quản trị sản xuất và dịch vụ	Đồng Thị Thanh Phương	NXB Lao động Xã hội, 2011	5	TT Quản trị sản xuất
104	Quản trị vận hành hiện đại	Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ	NXB Tài Chính, 2015	5	
105	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng (bản dịch)	F. Robert Jacobs & Richard B. Chase	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015	3	
106	Quản trị Marketing hiện đại	Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật	NXB Tài chính, 2016	5	Quản trị Marketing
107	Quản trị Marketing	Lê Thế Giới, Nguyễn Xuân Lãn	NXB Giáo dục, 2010	5	

108	Quản trị marketing	Phạm Thị Huyền, Trương Đình Chiến	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012	3	
109	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	3	
110	Chào hàng chuyên nghiệp để bán hàng thành công	Lưu Chí Văn	NXB Thanh Niên, 2016	5	TT Quản trị bán hàng
111	Quản trị bán hàng	Bùi Văn Danh và cộng sự	NXB Phương Đông, 2012	5	
112	Quản trị bán hàng (Sales Management)	James M.Comer	NXB Thống kê, 1995	3	
113	Thuật quản lý bán hàng	Brian Tracy	NXB Thế giới, 2015	3	
114	Tự học Excel 2003 trong 10 tiếng	Trí Việt, Hà Thành	NXB Văn hóa – Thông tin, 2011	5	Tin ứng dụng ngành QTKD
115	Quản trị khách hàng và nhân viên trên máy vi tính	Hoàng Nguyên	NXB Tổng hợp TP HCM, 2005	5	
116	Hướng dẫn sử dụng Excel Visual Basic (bản dịch)	Reed Jacobson	NXB Trẻ, 2000	3	
117	Hướng dẫn sử dụng Excel Visual Basic (bản dịch mới)	Reed Jacobson	NXB Trẻ, 2005	3	
118	Quản lý tính sáng tạo và đổi mới	Cẩm nang kinh doanh Harvard Người dịch: Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu	NXB Tổng hợp TP HCM, 2019	5	Quản trị đổi mới sáng tạo
119	Giải pháp cho đổi mới và sáng tạo	Clayton M. Christensen, Michael E. Raynor (Hoàng Ngọc Bích dịch)	NXB Thế giới, 2018	3	

120	Thống Kê Chất Lượng	PGS.TS. Phan Công Nghĩa	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009	3	Quản trị chất lượng
121	Quản trị chất lượng	Nguyễn Kim Định	NXB Tài chính, 2010	3	
122	Quản lý dự án	Đinh Văn Hải	NXB Bộ tài chính, 2013	5	Quản trị dự án
123	Lập và quản lý dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Thống kê, 2005	5	
124	Quản lý dự án cơ sở lý thuyết và thực hành	Nguyễn Văn Phúc	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008	3	
125	Quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	3	
126	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	NXB Thống kê, 2010	3	Tiểu luận 2 TT phân tích HĐKD
127	Chiến lược kinh doanh và kế hoạch hóa nội bộ doanh nghiệp	PGS.TS Phan Thị Ngọc Thuận	NXB Khoa học kỹ thuật 2005	5	TT mô phỏng chiến lược
128	Quản trị chiến lược	PGS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê, 2010	5	
129	Các chiến lược và kế hoạch Marketing xuất khẩu	Dương Hữu Hạnh	NXB Thống kê, 2005	5	Marketing quốc tế
130	Bí quyết thành công	Lý Quý Trung, *Franchise*	NXB Trẻ, 2005	3	
131	TS Phạm Thu Hương, Ths Nguyễn Văn Thoan	Ứng dụng Marketing điện tử trong kinh doanh	NXB Khoa học kỹ thuật, 2009	5	TT Marketing điện tử
132	Marketing thương mại điện tử	Nguyễn Bách Khoa	NXB Thống kê, 2003	5	
133	Quản lý quan hệ khách hàng	Nguyễn Quang Hưng	NXB Bưu Điện, 2007	5	Quản trị quan hệ khách hàng

134	Quản lý quan hệ khách hàng	Nguyễn Văn Dũng	NXB Giao Thông Vận Tải, 2008	5	
135	Phân tích kinh tế dự án đầu tư	Peppers and M. Rogers, Managing Customer Relationships: A Strategic Framework, 20045. Vũ Công Tuấn	NXB Tài chính, 2007	3	
136	Quản trị marketing	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014	3	Truyền thông Marketing tích hợp
137	Quản trị chiêu thị	TS Trần Thị Ngọc Trang	NXB Lao động – xã hội, 2008	5	
138	Truyền thông marketing tích hợp (IMC)	PGS.TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	5	
139	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	Lưu Đan Thọ	NXB Tài chính, 2015	5	
140	Marketing dịch vụ	Lưu Văn Nghiêm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2008	5	Marketig dịch vụ
141	Marketing Du lịch	Nguyễn Văn Mạnh và Nguyễn Đình Hòa	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	3	
142	Marketing dịch vụ	PGS.TS Phạm Thị Huyền và TS Nguyễn Hoài Long	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	3	
143	Bài giảng Quản trị Logistics	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	2020	5	Quản trị Logistics

144	Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế	GS.TS. Đặng Đình Đào, PGS.TS. Tạ Văn Lợi, TS. Nguyễn Minh Sơn, TS. Đặng Thí Thúy Hồng	NXB Chính trị quốc gia, 2017	5	
145	Logistics Khả năng ứng dụng và phát triển trong kinh doanh dịch vụ vận tải giao nhận Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Như Tiến	NXB giao thông vận tải, 2018	5	
146	Logistics những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam	Đặng Đình Đào, Vũ Thị Minh Loan, Nguyễn Minh Ngọc, Đặng Thu Hương, Phạm Thị Minh Thảo	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011	5	Cơ sở hạ tầng logistics
147	Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế	Đặng Đình Đào, Tạ Văn Lợi, Nguyễn Minh Sơn, Đặng Thị Thúy Hồng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011	5	
148	Quản trị chuỗi cung ứng	Nguyễn Thành Hiếu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	5	
149	Logistics những vấn đề cơ bản	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động xã hội, 2010	5	
150	Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế	GS.TS. NGƯT Đặng Đình Đào – TS. Nguyễn Minh Sơn	NXB Chính trị Quốc Gia, 2012	5	Thực tập quản trị chuỗi cung ứng
151	Quản trị chuỗi cung ứng	TS. Nguyễn Thành Hiếu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015	3	

152	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	F. Robert Jacobs & Richard B. Chase	NXB Kinh tế TPHCM, 2015	5	
153	Quản trị chuỗi cung ứng - Những trải nghiệm tuyệt vời	David Blanchard	NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006	5	
154	Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng	Michael Hugos	NXB Tổng hợp TP.HCM 2010	5	
155	Vận tải và giao nhận trong ngoại thương	PGS. TS. Nguyễn Như Tiến	NXB Khoa học kỹ thuật, 2015	3	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế
156	Nghiệp vụ giao nhận vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Phạm Mạnh Hiền	NXB Lao động – Xã hội, 2012	3	
157	Bài giảng Logistics trong thương mại điện tử	ĐH Kinh tế- Kỹ thuật CN	2020	5	Logistics trong thương mại điện tử
158	Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế	Đặng Đình Đào, Nguyễn Minh Sơn	NXB Chính trị quốc gia, 2017	5	
159	Logistics Khả năng ứng dụng và phát triển trong kinh doanh dịch vụ vận tải giao nhận Việt Nam	Nguyễn Như Tiến	NXB giao thông vận tải, 2018	5	
160	Quản trị Rủi ro doanh nghiệp	Nguyễn Thị Liên Diệp	NXB Hồng Đức, 2018	3	Quản trị rủi ro
161	Bài giảng quản trị rủi ro	Phan Thị Thu Hà	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	3	
162	Quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014	5	
163	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động – Xã hội, 2013	5	

2.1.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

a) Hoạt động nghiên cứu khoa học

Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa chủ quản liên quan đến ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện

Số TT	Tên đề tài NCKH / Chuyển giao công nghệ / Dự án sản xuất	Cấp quyết định, mã số	Năm thực hiện	Kết quả nghiệm thu	Ghi chú
I	**Đề tài khoa học cấp Bộ (13)**				
1	Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: những vấn đề lý luận và thực tiễn	Cấp bộ	2005	Tốt	TS.Lưu Khánh Cường
2	Vận dụng chiến lược Marketing trong xây dựng chiến lược phát triển kinh tế địa phương (qua khảo sát một số tỉnh phía bắc)	Cấp Bộ	2008	Tốt	TS.Lưu Khánh Cường
3	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu da giầy trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Cấp Bộ	2009	Khá	TS.Lưu Khánh Cường
4	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp da giầy Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	Cấp Bộ	2009	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng
5	Giải pháp phát triển các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Logistics trong quá trình hội nhập Kinh tế quốc tế	Cấp Bộ	2011	Xuất sắc	TS.Lưu Khánh Cường
6	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Logistics ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Cấp Bộ	2011	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng
7	Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển mô hình đào tạo tại chỗ cho các doanh nghiệp công nghiệp trong bối cảnh hội nhập	Cấp Bộ	2011	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng
8	Nghiên cứu xây dựng văn hóa kinh doanh để nâng cao khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam	Cấp Bộ	2012	Xuất sắc	TS.Lưu Khánh Cường
9	Nghiên cứu xây dựng văn hoá kinh doanh để nâng cao khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam	Cấp Bộ	2012	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng

10	Nghiên cứu xây dựng văn hóa kinh doanh để nâng cao khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam	Cấp Bộ	2012	Xuất sắc	Ths. Phạm Trung Hải
11	Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong chuyển đổi cơ cấu ngành Dệt may theo hướng tăng trưởng bền vững	Cấp Bộ	2014	Tốt	Ths. Phạm Trung Hải
12	Nâng cao hiệu quả quản trị chuỗi cung ứng đối với ngành công nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam	Cấp Bộ	2015	Tốt	Ths. Phạm Trung Hải
13	Nghiên cứu đề xuất cơ chế và mô hình hợp tác công tư phục vụ quá trình phát triển một số ngành công nghiệp tại khu vực đồng bằng sông hồng	Cấp Bộ	2016	Xuất sắc	TS. Nguyễn Thị Phượng
II	**Đề tài khoa học cấp tỉnh (1)**				
1	Chính sách hỗ trợ nông dân thực thi tại tỉnh nam Định trong điều kiện thực hiện các cam kết WTO về nông nghiệp	Cấp tỉnh	2012	Xuất sắc	TS.Lưu Khánh Cường
III	**Đề tài khoa học cấp cơ sở**				
	Năm học 2002-2003				
1	Ứng dụng các phương pháp dự báo trong hoạch định chiến lược và kế hoạch SXKD của doanh nghiệp	Cấp Cơ sở	2003	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng
	Năm học 2003-2004				
2	Một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu da giầy trên địa bàn Hà Nội, đáp ứng với tiến trình hội nhập AFTA, tiến tới WTO	Cấp Cơ sở	2004	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng
	Năm học 2004-2005				
3	Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ ở làng nghề truyền thống trong giai đoạn hiện nay	Cấp cơ sở	2005	Tốt	TS.Lưu Khánh Cường
4	Xây dựng kế hoạch SXKD của doanh nghiệp May vừa và nhỏ tại địa bàn Hà Nội	Cấp cơ sở	2005	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng
	Năm học 2005-2006				

5	Nghiên cứu và quyết định lựa chọn chiến lược sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo trên địa bàn Hà Nội	Cấp cơ sở	2006	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng
	Năm học 2006-2007				
6	Các giải pháp nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề truyền thống ở Hà Nội và các tỉnh lân cận	Cấp cơ sở	2007	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng
	Năm học 2007-2008				
7	Xây dựng chương trình đào tạo khởi nghiệp	Cấp cơ sở	2008	Tốt	TS.Lưu Khánh Cường
8	Nâng cao năng lực cạnh tranh của mặt hàng thuỷ sản xuất khẩu Việt Nam	Cấp cơ sở	2008	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng
	Năm học 2008-2009				
9	Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp Vừa và nhỏ Việt Nam	Cấp cơ sở	2009	Xuất sắc	TS.Lưu Khánh Cường
10	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp vượt rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế đối với các doanh nghiệp Việt Nam	Cấp Cơ sở	2009	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng
11	Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam	Cấp Cơ sở	2009	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng
	Năm học 2009-2010				
12	Xây dựng và bảo vệ thương hiệu cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Cấp cơ sở	2010	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng Ths.Trần Đăng Quân
13	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tại Khoa Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Cấp cơ sở	2010	Tốt	Ths. Nguyễn Thị Hoài
	Năm học 2010-2011				
14	Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2011	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng
15	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về tập trung kinh tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam	Cấp cơ sở	2011	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng

16	Văn hoá kinh doanh ở Công ty phát hành sách Hà Nội -Thực trạng và giải pháp	Cấp cơ sở	2011	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng
17	Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing tại công ty Cổ phần gạch ốp lát Việt Ý.	Cấp cơ sở	2011	Tốt	Ths. Nguyễn Thị Hoài
18	Văn hoá kinh doanh ở Công ty phát hành sách Hà nội- Thực trạng và giải pháp	Cấp cơ sở	2011	Xuất sắc	Ths. Nguyễn Tiến Mạnh
	Năm học 2011-2012				
19	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của các siêu thị trên địa bàn Hà Nội	Cấp cơ sở	2012	Tốt	TS. Nguyễn Thị Chi
20	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp tới sự cam kết gắn bó với tổ chức của nhân viên làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội	Cấp cơ sở	2012	Tốt	Ths. Phạm Trung Hải
21	Giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý đối với hệ thống chợ trên địa bàn các quận của Hà Nội trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2012	Khá	Ths. Trần Đăng Quân
22	Vận dụng phương pháp thống kê nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng của hãng hàng không quốc gia Việt Nam (VNA)	Cấp cơ sở	2012	Tốt	Ths. Trần Đăng Quân
	Năm học 2012-2013				
23	Giải pháp nâng cao giá trị doanh nghiệp với vai trò của văn hóa kinh doanh	Cấp cơ sở	2013	Xuất sắc	TS.Lưu Khánh Cường
24	Giải pháp phát triển kinh doanh bằng hình thức kinh doanh nhượng quyền thương mại tại các doanh nghiệp Việt Nam	Cấp cơ sở	2013	Xuất sắc	TS. Nguyễn Thị Chi
25	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của một số mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU trong điều kiện hiện nay	Cấp Cơ sở	2013	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng Ths. Trần Đăng Quân
26	Giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý đối với hệ thống chợ trên địa bàn các quận của Hà Nội trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2013	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng
27	Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thương mại của Việt	Cấp cơ sở	2013	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng

	Nam nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu thế hội nhập kinh tế quốc tế				
28	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2013	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng
29	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành da giầy trên địa bàn thành phố Hà Nội trong điều kiện gia nhập WTO	Cấp cơ sở	2013	Tốt	Ths. Mai Hoàng Thịnh
30	Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nam Định trong giai đoạn 2013 – 2020.	Cấp cơ sở	2013	Tốt	Ths. Nguyễn Thị Hoài
31	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNVVN tỉnh Nam Định trong quá trình hội nhập KTQT	Cấp cơ sở	2013	Tốt	Ths. Đỗ Thu Trang
32	Giải pháp thu hút và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển các làng nghề tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam định	Cấp cơ sở	2013	Tốt	Ths. Trần Thị Vân
	Năm học 2013-2014				
33	Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng phong cách doanh nhân cho lãnh đạo các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam	Cấp cơ sở	2014	Tốt	TS.Lưu Khánh Cường
34	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu nông sản Việt Nam hiện nay	Cấp cơ sở	2014	Tốt	TS. Nguyễn Thị Chi
35	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Giầy Thượng Đình trên thị trường các nước EU	Cấp cơ sở	2014	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng
36	Nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại các DN	Cấp cơ sở	2014	Khá	Ths. Nguyễn Tiến Mạnh
37	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Giầy Thượng Đình trên thị trường các nước EU	Cấp cơ sở	2014	Khá	Ths. Trần Đăng Quân

38	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty Cổ phần may Nam Hà đến năm 2020	Cấp cơ sở	2014	Tốt	Ths. Mai Thị Lụa
39	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực tại Công ty cổ phần TASCO	Cấp cơ sở	2014	Tốt	Ths. Trần Thị Vân
	Năm học 2014-2015				
40	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Thương mại nhỏ và vừa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.	Cấp cơ sở	2015	Tốt	TS.Lưu Khánh Cường
41	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu chè Việt Nam trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2015	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng
42	Phát triển ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội	Cấp cơ sở	2015	Khá	TS. Nguyễn Thị Chi
43	Đẩy mạnh ứng dụng e-marketing trong quảng bá xúc tiến du lịch ở Việt Nam	Cấp cơ sở	2015	Khá	Ths. Nguyễn Thị Minh Hương
44	Hoàn thiện mô hình đào tạo tại chỗ trong các DN dệt may Việt Nam (NC điển hình các DN phía Bắc)	Cấp cơ sở	2015	Khá	Ths. Vũ Thị Kim Thanh
45	Giải pháp thu hút và tuyển dụng nguồn nhân lực cho ngành dệt may của tỉnh Nam Định trong giai đoạn hiện nay	Cấp cơ sở	2015	Xuất sắc	Ths. Mai Thị Lụa
	Năm học 2015-2016				
46	Giải pháp vượt hàng rào phi thuế quan đối với các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam hiện nay.	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	TS.Lưu Khánh Cường
47	Hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn 2016 – 2020	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	Ths. Trần Mạnh Hùng
48	Phát triển xuất khẩu sản phẩm thuỷ sản trong quá trình CNH,HĐH	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	TS. Nguyễn Thị Chi
49	Nâng cao sự hài lòng của khách du lịch Nhật Bản khi đến Việt Nam	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	Ths. Hoàng Thị Chuyên
50	Vận dụng phương pháp 3P trong xây dựng hệ thống lương tại các doanh nghiệp Việt Nam	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	Ths. Nguyễn Thị Minh Hương

51	Đẩy mạnh phát triển thị trường mua bán - sáp nhập của doanh nghiệp Việt Nam	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	Ths. Nguyễn Tiến Mạnh
52	Giải pháp phát triển sản xuất nguyên liệu dệt may của tỉnh Nam Định trong tiến trình gia nhập hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	Ths. Mai Thị Lụa
53	Nâng cao năng lực cạnh tranh tại chuỗi các siêu thị bán lẻ trên địa bàn Hà Nội	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	Ths. Nguyễn Tiến Mạnh
54	Giải pháp phát triển xuất khẩu bền vững sản phẩm giầy dép của Việt Nam đến năm 2020	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	TS. Nguyễn Thị Phượng
55	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ty cổ phần may Sông Hồng	Cấp cơ sở	2016	Xuất sắc	Ths. Vũ Văn Giang
56	Một số giải pháp thúc đẩy việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nam Định trong giai đoạn 2015-2025.	Cấp cơ sở	2016	Khá	Ths. Nguyễn Thị Hoài
	Năm học 2016-2017				
57	Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ Marketing trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam	Cấp cơ sở	2017	Xuất xắc	TS.Lưu Khánh Cường
58	Phát triển xuất khẩu bền vững sản phẩm cà phê của VN trong quá trình tham gia hiệp định TPP	Cấp cơ sở	2017	Xuất xắc	TS. Nguyễn Thị Chi
59	Đẩy mạnh thực hiện trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn WRAP đối với các doanh nghiệp ngành may Việt Nam	Cấp cơ sở	2017	Xuất xắc	Ths. Hoàng Thị Chuyên
60	Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện chương trình phát triển thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020	Cấp cơ sở	2017	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng Ths. Trần Đăng Quân
61	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp đẩy mạnh hội nhập quốc tế của du lịch Việt Nam trong Asean	Cấp cơ sở	2017	Xuất xắc	Ths. Nguyễn Thị Minh Hương
62	Hoàn thiện chính sách thương mại nhằm phát triển xuất khẩu bền vững sản phẩm Túi, ví, vali của Việt Nam trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2017	Xuất xắc	TS. Nguyễn Thị Phượng
63	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hình thức truyền miệng trực tuyến trên mạng xã hội tại Việt Nam	Cấp cơ sở	2017	Xuất xắc	Ts. Đoàn Kim Thêu

64	Giải pháp phát triển kinh doanh theo hình thức B2C tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định	Cấp cơ sở	2017	Khá	Ths. Nguyễn Thị Hoài
65	Phân tích cơ hội, thách thức và đề xuất giải pháp nhằm tận dụng cơ hội cho các doanh nghiệp dệt may của tỉnh Nam Định khi tham gia hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)	Cấp cơ sở	2017	Khá	Ths. Mai Thị Lụa
66	Giải pháp nâng cao năng lực lao động của lao động nữ tại một số doanh nghiệp may trên địa bàn thành phố Nam Định	Cấp cơ sở	2017	Khá	Ths. Trần Thị Vân
67	Giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm của các siêu thị tại Hà nội thông qua chất lượng dịch vụ	Cấp cơ sở	2017	Xuất xắc	Ths. Nguyễn Tiến Mạnh
	Năm học 2017-2018				
68	Giải pháp cho hàng nông sản Việt nam thích ứng với hàng rào kỹ thuật thương mại của thị trường Hoa Kỳ	Cấp cơ sở	2018	Xuất xắc	TS.Lưu Khánh Cường
69	Hoàn thiện công tác xây dựng chiến lược kinh doanh tại các DNVVV trên địa bàn thành phố HN	Cấp cơ sở	2018	Xuất xắc	TS. Nguyễn Thị Chi
70	Giải pháp nâng cao chất lượng cán bộ quản lý cấp sở trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020	Cấp cơ sở	2018	Khá	Ths. Trần Mạnh Hùng Ths. Trần Đăng Quân
71	Nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng tại thị trường Hàn Quốc đối với sản phẩm thực phẩm Việt Nam	Cấp cơ sở	2018	Xuất xắc	Ths. Hoàng Thị Chuyên Ths. Nguyễn Thị Minh Hương
72	Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm da giầy xuất khẩu của Việt Nam trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2018	Xuất xắc	TS. Nguyễn Thị Phượng
73	Giải pháp thúc đẩy hành vi xem quảng cáo trên mạng xã hội tại Việt Nam	Cấp cơ sở	2018	Xuất xắc	TS. Đoàn Kim Thêu
74	Áp dụng mô hình khoảng cách chất lượng dịch vụ của Parasuraman và cộng sự nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tại khách sạn Vị Hoàng thành phố Nam Định	Cấp cơ sở	2018	Khá	Ths. Trần Thọ Khải

75	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững làng nghề tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định	Cấp cơ sở	2018	Khá	Ths. Mai Thị Lụa
76	Vận dụng các học thuyết X, Y, Z vào hoàn thiện chính sách quản trị nhân lực của các công ty xây dựng tại Nam định	Cấp cơ sở	2018	Khá	Ths. Trần Thị Vân
77	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh lữ hành tại công ty cổ phần du lịch Tasco	Cấp cơ sở	2018	Khá	Ths.Nguyễn Viết Bình
	Năm học 2018-2019				
78	Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm cao su xuất khẩu của Việt Nam	Cấp cơ sở	2019	Tốt	TS. Nguyễn Thị Chi
79	Giải pháp nâng cao sự hài lòng của Sinh viên Đại học ngành Quản trị kinh doanh đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp trong điều kiện đổi mới cơ chế hoạt động	Cấp cơ sở	2019	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng Ths. Nguyễn Thúy Hải
80	Phát triển xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU dưới tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU.	Cấp cơ sở	2019	Tốt	TS. Nguyễn Thị Phượng
81	Đẩy mạnh hoạt động du lịch lữ hành của Việt Nam trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2019	Tốt	Ths. Nguyễn Tiến Mạnh
	Năm học 2019-2020				
82	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển chợ truyền thống ở khu vực Đồng Bằng Sông Hồng trong điều kiện hiện nay	Cấp cơ sở	2020	Xuất xắc	TS. Nguyễn Thị Phượng
83	Tạo động lực làm việc cho các giảng viên khối kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Cấp cơ sở	2020	Tốt	Ths. Trần Mạnh Hùng
84	Nâng cao năng lực cạnh tranh tại chuỗi các siêu thị bán lẻ trên địa bàn Hà nội	Cấp cơ sở	2020	Tốt	Ths. Nguyễn Tiến Mạnh
	Năm học 2020-2021				
85	Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường Đại Học Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp trong giai đoạn 2021-2025	Cấp cơ sở	2021	Tốt	Ths.Vũ Đình Chuẩn

86	Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam	Cấp cơ sở	2021	Tốt	Ths. Mai Hoàng Thịnh
87	Giải pháp Marketing – mix (7P's) nhằm phát triển dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng tại Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	Cấp cơ sở	2021	Tốt	Ths. Lê Thị Ánh
88	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên khối ngành kinh tế - Trường đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp	Cấp cơ sở	2021	Tốt	Ths. Trần Thọ Khải Ths. Nguyễn Văn Hưng

Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
I	**Năm học 2016 – 2017**			
I.1	**Tạp chí trong nước (56)**			
1	Doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh tham ga hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP	Lưu Khánh Cường	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số tháng 5/2016	
2	Phát triển hoạt động thương mại điện tử trong các DN trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Chi	2016 Khoa học công nghệ	
3	Thực trạng hệ thống quản trị chất lượng tại các doanh nghiệp sản xuất và một số giải pháp	Vũ Đình Chuẩn	2016 Tạp chí Công Thương	
4	Văn hóa doanh nghiệp và một số vấn đề đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thuý Hải	Kỳ 1 – Tháng 12/2016 Tạp chí Tài Chính	
5	Vai trò của Marketing và vấn đề tiêu thụ sản phẩm	Nguyễn Thuý Hải	Số 11 – Tháng 11/2016 Tạp chí Công Thương	
6	Thực trạng và giải pháp giảm thất nghiệp ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Hạnh	Số 1- Tháng 12/2016 Tạp chí Công Thương	
7	Nghiên cứu thị trường mạng di động Việt Nam những năm gần đây và những định hướng cho quá trình phát triển	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2016 Tạp chí Công Thương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
8	Ngành bán lẻ Việt Nam trước thách thức bị các tập nước ngoài thâu tóm	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2016 Tạp chí Công Thương	
9	Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020	Trần Mạnh Hùng	2016 Tạp chí Công Thương	
10	Giải pháp thúc đẩy thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 - 2025	Trần Mạnh Hùng	2016 Tạp chí Công Thương	
11	Triển vọng xuất khẩu bền vững giầy dép của Việt Nam khi tham gia FTA	Trần Mạnh Hùng	2016 Tạp chí Công Thương	
12	Tình hình quản lý nợ công tại Việt Nam những năm gần đây	Đỗ Thị Thu Hương	2016 Tạp chí Công Thương	
13	Bàn về hoạch định chiến lược Marketing	Lê Thị Huyền	2016 Tạp chí Công Thương	
14	Thực trạng quản trị nguồn nhân lực Việt Nam	Lê Thị Huyền	2016 Tạp chí Công Thương	
15	Chính sách tiền lương, tiền công trong thời gian qua	Nguyễn Thị Huyền	9/2016 Tạp chí Công Thương	
16	Tính đúng tính đủ giá dịch vụ y tế, góp phần thực hiện cải cách tài chính công	Lưu Huỳnh	2016 Tạp chí Tài Chính	
17	Văn hóa doanh nghiệp và giải pháp xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn hiện nay	Nguyễn Văn Kỷ	2016 Tạp chí Tài Chính	
18	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với dịch vụ quảng cáo trên Internet ở Việt Nam hiện nay.	Nguyễn Phương Linh	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
19	Đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong thời kỳ hội nhập thế giới.	Trần Thùy Linh	Tháng 11/2016 Tạp chí Công Thương - Các kết quả Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
20	Đẩy mạnh phát triển thị trường mua bán – sáp nhập, yếu tố quyết định thành công của Doanh nghiệp	Nguyễn Tiến Mạnh	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
21	Vấn đề phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam hiện nay	Nông Mai Thanh	Kỳ II, tháng 2/2016 (627) Tạp chí Công Thương	
22	Giải pháp nguồn nhân lực chất lượng cao ngành ngân hàng để phát triển bền vững	Nông Mai Thanh	Số 11 - Tháng 11/2016 Tạp chí Công Thương	
23	Giải pháp nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng ngành công nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam	Vũ Thị Kim Thanh	2016 Tạp chí kinh tế Châu Á THÁI BÌNH DƯƠNG	
24	Kinh nghiệm của một số nước phát triển trong việc kiểm soát nhập khẩu máy móc thiết bị, công nghệ cũ, các sản phẩm có ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng bài học cho Việt Nam	Vũ Thị Kim Thanh	2016 Tạp chí Công Thương	
25	Nâng cao năng lực cạnh của doanh nghiệp Việt Nam	Phạm Thanh Thảo	Số 647 – Kỳ 2- Tháng 12/2016 Tạp chí Tài Chính	
26	Sự khác biệt của hình thức quảng cáo trên mạng xã hội tại Việt Nam	Đoàn Kim Thêu	Số 468 tháng 4 năm 2016. Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
27	Nghiên cứu đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử của Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Trang	2016 Tạp chí Công Nghiệp	
28	Phân tích diễn biến thị trường xuất nhập khẩu trong những năm gần đây	Nguyễn Thị Thu Trang	2016 Tạp chí Công Nghiệp	
29	Hoàn thiện công tác lập kế hoạch nhân sự tại Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tâng đô thị	Lê Thị Ánh	2016 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
30	Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo ĐH-CĐ	Trần Sĩ Định	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
31	Quản lý chất lượng đào tạo và phương pháp quản lý chất lượng đào tạo	Trần Sĩ Định	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
32	Các chỉ tiêu đo lường sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng	Trần Sĩ Định	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
33	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng	Trần Sĩ Định	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
34	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của tổng công ty cổ phần May 10	Vũ Huy Giang	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
35	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ty cổ phần may Sông Hồng	Vũ Văn Giang	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
36	Một số giải pháp phòng ngừa đình công ở VN trong bối cảnh toàn cầu hóa	Trần Thị Hằng	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
37	Một số giải pháp thực hiện chính sách tác động đến cung cầu lao động tại VN trong bối cảnh toàn cầu hóa	Trần Thị Hằng	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
38	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhân sự tại nhà máy Dệt Nam Định	Trần Thị Hằng	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
39	Giải pháp thúc đẩy thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2025	Nguyễn Thị Hoài	Số 5 – 5/2016 Tạp chí Công Thương	
40	Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020	Nguyễn Thị Hoài	Số 5 – 5/2016 Tạp chí Công Thương	
41	Thị trường bán lẻ Việt Nam: sức hấp dẫn lớn đối với các doanh nghiệp ngoại	Nguyễn Văn Hưng	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
42	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu da giầy Việt Nam	Nguyễn Thị Hương	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
	trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế			
43	Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu da giầy cho các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Thị Hương	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
44	Giải pháp sử dụng có hiệu quả nguồn lao động ở nông thôn hiện nay	Đỗ Thị Hường	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
45	Tìm lời giải cho ngành nguyên phụ liệu dệt may tỉnh Nam Định	Mai Thị Lụa	2016 Tài chính	
46	Giải pháp cho doanh nghiệp dệt may tỉnh Nam Định tận dụng tốt cơ hội từ hội nhập	Mai Thị Lụa	2016 Tài chính	
47	Giải pháp hoàn thiện công tác tạo động lực cho người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Tỉnh Nam Định	Đặng Thị Thu Phương	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
48	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực để hội nhập TPP từ thực trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm của một số nước	Đặng Thị Thu Phương	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
49	Hiệp định TPP: cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam	Phan Thị Minh Phương	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
50	Xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU: Cơ hội và thách thức đặt ra	Trần Thị Thanh Thủy	Tháng 3, năm 2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
51	Thực trạng xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang thị trường EU trong thời gian qua	Trần Thị Thanh Thủy	Tháng 5, năm 2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
52	Tăng cường xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện cam kết TPP	Trần Thị Vân	2016 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
53	Xây dựng chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong bối cảnh gia nhập Hiệp định TPP-	Bùi Thị Xuân	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số cuối tháng, tháng 4 năm 2016	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
	Đề xuất xây dựng chiến lược tại công ty TNHH thiết bị đo lường và công nghiệp Tân Hoàng Mai			
54	Xây dựng chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong bối cảnh gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương – Thực trạng tại Công ty TNHH thiết bị đo lường và công nghiệp Tân Hoàng Mai	Bùi Thị Xuân	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số cuối tháng, tháng 3 năm 2016	
55	Thị trường bảo hiểm Việt Nam và giải pháp công nghệ thông tin	Trần Mạnh Tiến	2016 Tạp chí Tài Chính	
56	Yêu cầu về vốn tối thiểu- ngân hàng gặp khó khi thực hiện Basel II	Trần Mạnh Tiến	2016 Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán	
I.2	**Tạp chí trường (1)**			
57	Đẩy mạnh ứng dụng e-marketing trong quảng bá xúc tiến du lịch ở Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Hương	2016 Tạp chí Khoa học &Công nghệ ĐH KTKTCN	
II.	**Năm học 2017-2018**			
II.1	**Tạp chí trong nước(73)**			
58	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Marketing trong các DN vừa và nhỏ Việt Nam	Lưu Khánh Cường	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số tháng 5/2017	
59	Một số vấn đề đặt ra trong hoạt động xuất khẩu nông sản của các DNVN	Nguyễn Thị Chi	2017 Tạp chí Khoa học công nghệ	
60	Vai trò của việc xây dựng thương hiệu đối với doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay	Vũ Đình Chuẩn	2017 Tạp chí Tài Chính	
61	Nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp Việt Nam: thực trạng và giải pháp	Vũ Đình Chuẩn	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
62	Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường Đại Học Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp trong giai đoạn 2021-2025	Vũ Đình Chuẩn	2021 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
63	Vài trao đổi về ứng dụng mô hình Marketing hiện đại	Trần Việt Dũng	2017 Tạp chí Tài Chính	
64	Một số giải pháp phát triển bền vững thị trường bất động sản	Trần Việt Dũng	2017 Tạp chí Tài Chính	
65	Xuất khẩu gạo tiếp tục gặp khó khăn và giải pháp tháo gỡ	Nguyễn Thúy Hải	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
66	Giải pháp tài chính thu hút và giữ chân người tài ở DN khởi nghiệp vừa và nhỏ	Nguyễn Thúy Hải	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
67	Thực trạng và giải pháp chuyển giao công nghệ ở Việt Nam	Phạm Trung Hải	2017 Tạp chí Tài Chính	
68	Tình hình đầu tư FDI ở Việt Nam trong thời gian qua	Trần Thị Minh Hải	2017 Tạp chí Công Thương	
69	Phân tích tình hình thị trường bảo hiểm Việt Nam và một số giải pháp	Nguyễn Thị Hạnh	2017 Tạp chí Công Thương	
70	Giải pháp thúc đẩy ngành ôtô Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2017 Tạp chí Công Thương	
71	Giải pháp phát triển thương mại điện tử Thành phố Hà Nội	Trần Mạnh Hùng	2017 Tạp chí Công Thương	
72	Tác động của cuộc cách mạng 4.0 tới giáo dục Việt Nam	Trần Mạnh Hùng	2017 Tạp chí Công Thương	
73	Hội nhập ASEAN_ Cơ hội và thách thức đối với Du lịch Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Hương	2017 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
74	Ngành du lịch trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Thu Hương	2017 Tạp chí Công Thương	
75	Nợ công ở Việt Nam thực trạng và giải pháp	Nguyễn Thị Thu Hương	2017 Tạp chí Công Thương	
76	Một số thách thức về vấn đề sở hữu trí tuệ khi Việt Nam gia nhập EVFTA và kiến nghị giải pháp	Nguyễn Thị Huyền	2017 Tạp chí Công Thương	
77	Giải pháp xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam	Lưu Huỳnh	2017 Tạp chí Công Thương	
78	Rào cản di chuyển lao động có kỹ năng trong cộng đồng kinh tế ASEAN.	Nguyễn Phương Linh	2017 Tạp chí Bộ Công Thương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
79	Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào Việt Nam.	Nguyễn Phương Linh	2017 Tạp chí Bộ CôngThương	
80	Một số biện pháp quản lý và thu hút kiều hối ở Việt Nam.	Trần Thùy Linh	2017 Tạp chí Công Thương - Các kết quả Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ	
81	Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	Trần Thùy Linh	2017 Tạp chí Công Thương	
82	Giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm của các siêu thị tại Hà Nội thông qua chất lượng dịch vụ	Nguyễn Tiến Mạnh	2017 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
83	Nhu cầu nhân lực quản trị trong các Doanh nghiệp ở Việt Nam	Nguyễn Tiến Mạnh	2017 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
84	Nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp thông qua kỹ năng làm việc theo nhóm	Nguyễn Tiến Mạnh	2017 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
85	Chiến lược Việt Nam trong ký kết hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn quốc (VKFTA)	Trần Thị Kim Phượng	2017 Tạp chí Công Thương	
86	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nguyễn Thanh Sơn	2017 Tạp chí Tài Chính	
87	Khẳng định vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế Việt Nam	Nguyễn Thanh Sơn	2017 Tạp chí Tài Chính	
88	Giải pháp tạo động lực khởi nghiệp mạnh mẽ cho các doanh nhân trẻ	Nông Mai Thanh	2017 Tạp chí Công Thương	
89	Thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam	Nông Mai Thanh	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
90	Những điều cần lưu ý đối với doanh nghiệp VN khi xâm nhập thị trường Nhật	Vũ Thị Kim Thanh	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
91	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh tham gia Hiệp	Vũ Thị Kim Thanh	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
	định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương			
92	Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2016	Hoàng Hiếu Thảo	2017 Tạp chí Công Thương	
93	Phân tích sự phát triển của công nghiệp với kinh tế Việt Nam	Hoàng Hiếu Thảo	2017 Tạp chí Công Thương	
94	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch Việt Nam trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá	Phạm Thanh Thảo	2017 Tạp chí Công Thương	
95	Các nhân tố ảnh hưởng đến quảng cáo trên mạng xã hội tại Việt Nam",	Đoàn Kim Thêu	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương,	
96	Xem quảng cáo trên mạng xã hội: Các yếu tố thúc đẩy mối quan hệ từ thái độ đến ý định thực hiện hành vi	Đoàn Kim Thêu	2017 Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Đại học Kinh tế quốc dân.	
97	Quan hệ kinh tế thương mại Việt Mỹ những năm gần đây	Mai Hoàng Thịnh	2017 Tạp chí Công Thương	
98	Ảnh hưởng xấu đến môi trường do phát triển kinh tế nóng mang lại	Mai Hoàng Thịnh	2017 Tạp chí Công Thương	
99	Nhân lực quản trị của Viễn thông Viettel Nam Định	Bùi Thị Xuân	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, số cuối tháng, tháng 5 năm 2017	
100	Toàn cầu hóa và vấn đề nhân lực quản lý ở các doanh nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thị Thu	2017 Tạp chí Tài Chính	
101	Khát nhân lực ngành Logictics	Nguyễn Thị Thu	2017 Tạp chí Tài Chính	
102	Phát triển kinh doanh trực tuyến ở Việt Nam và một số đề xuất	Vũ Ngọc Tuấn	2017 Tạp chí Tài Chính	
103	Một số giải pháp siet chặt hoạt đông kinh doanh đa cấp tại Việt Nam	Vũ Ngọc Tuấn	2017 Tạp chí Tài Chính	
104	Giải pháp giúp doanh nghiệp Việt Nam giữ vững thị trường hàng tiêu dùng trong nước	Đan Thu Vân	2017 Tạp chí Công Thương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
105	Chiến lược Marketing cho các doanh nghiệp lữ hành theo cam kết FTA	Đan Thu Vân	2017 Tạp chí Tài Chính	
106	Phân tích thực trạng hoạt động marketing mix (4P's) cho dòng sản phẩm chăn ga gối đệm tại công ty cổ phần may Sông Hồng	Lê Thị Ánh	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
107	Một số giải pháp marketing – mix nâng cao lợi thế cạnh tranh cho dòng sản phẩm chăn ga gối đệm tại công ty cổ phần may Sông Hồng	Lê Thị Ánh	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
108	Phát triển logistics và chiến lược cạnh tranh giữa các công ty logistics trong nước	Trần Huy Bình	2017 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
109	Hệ thống "Đúng thời điểm" và khả năng vận dụng đối với các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam	Trần Huy Bình	2017 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
110	Một số vấn đề nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản ở Nam Định	Nguyễn Thị Giang	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
111	Giải pháp phát triển thương hiệu công ty may Ngọc Hòa- Nam Định	Nguyễn Thị Giang	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
112	Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam trong điều kiện thực hiện lộ trình AFTA – CEPT	Vũ Huy Giang	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
113	Các hoạt động chuẩn bị để thực hiện CEPT/ AFTA của Việt Nam.	Vũ Huy Giang	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
114	Đề xuất chiến lược kinh doanh cho Tổng công ty cổ phần may Việt Tiến	Nguyễn Văn Hải	2017 Tạp chí Tài Chính	
115	Đề xuất chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần Sữa Việt Nam	Nguyễn Văn Hải	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
116	Đề xuất giải pháp nguồn nhân lực tỉnh tại tỉnh NĐ	Nguyễn Hưng	2017	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
			Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
117	Những khó khăn trong hoạt động M&A tại thị trường Việt Nam	Nguyễn Văn Hưng	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
118	Tham gia chuỗi giá trị toàn cầu: các doanh nghiệp Việt hiện đang ở đâu?	Nguyễn Văn Hưng	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
119	Giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản của huyện Giao Thủy Nam Định	Nguyễn Thị Hương	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
120	Giải pháp phát triển thương hiệu công ty may Ngọc Hòa Nam Định	Nguyễn Thị Hương	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
121	Kem đánh răng Dạ Lan: bài học về thương hiệu	Đỗ Thị Hường	2017 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
122	Đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững các làng nghề tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định	Mai Thị Lụa	2017 Công Thương	
123	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản uất và kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản cho các doanh nghiệp Việt Nam	Đặng Thị Thu Phương	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
124	Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản trị tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam	Đặng Thị Thu Phương	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
125	Đẩy mạnh ứng dụng email marketing trong Quản trị kinh doanh	Phạm Hương Thanh	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
126	Phát triển doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Phạm Hương Thanh	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
127	Brexit tác động đến thị trường tài chính Việt Nam	Trần Thị Thanh Thủy	2017 Kinh tế, Châu ÁThái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
128	Nghiên cứu cơ hội đầu tư ngành khách sạn tại địa bàn tỉnh Nam Định trong thời kỳ hội nhập	Đỗ Thu Trang	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
129	Thương hiệu và giá trị doanh nghiệp : vấn đề quan trọng trong hội nhập kinh tế quốc tế	Đỗ Thu Trang	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
130	Giải pháp nâng cao năng lực cho lao động nữ tại một số doanh nghiệp may trên địa bàn thành phố Nam định	Trần Thị Vân	2017 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
III	**Năm học 2018-2019**			
III.1	**Tạp chí quốc tế(1)**			
131	Facilitators to the relationship from attitude to intention to view advertising in social networks: A multiple-sample study in Vietnam	Đoàn Kim Thêu	2018 1st International conference on Contemporary Issues In economics, management and business.	
III.2	**Tạp chí trong nước(77)**			
132	Một số vấn đề về hàng rào kỹ thuật đối với hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Mỹ	Lưu Khánh Cường	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số tháng 5/2018	
133	Một số vấn đề đặt ra trong hoạt động xây dựng chiến lược của các DN vừa và nhỏ	Nguyễn Thị Chi	2018 Tạp chí Khoa học công nghệ	
134	Nâng cao năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp logistics Việt Nam trong điều kiện hội nhập	Hoàng Thị Chuyên	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
135	Nâng cao quản trị thương hiệu doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hiện nay	Vũ Đại Đồng	2018 Tạp chí Tài Chính	
136	Xây dựng chiến lược marketing dịch vụ cho các doanmh nghiệp du lịch VN khi tham gia FTA	Trần Việt Dũng	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
137	Phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn hội nhập	Trần Việt Dũng	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
138	Quản trị đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp Việt Nam hiện nay	Phạm Trung Hải	2018 Tạp chí Tài Chính	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
139	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành TCNH	Trần Thị Minh Hải	2018 Tạp chí Công Thương	
140	Thị trường bán lẻ Việt Nam gia tăng sức hấp dẫn	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2018 Tạp chí Công Thương	
141	Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước từ một số quốc gia Châu Á và bài học cho thành phố Hà Nội	Trần Mạnh Hùng	2018 Tạp chí Công Thương	
142	Hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Trần Mạnh Hùng	2018 Tạp chí Công Thương	
143	Gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực ngành quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Minh Hương	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
144	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU : Cơ hội và thách thức đối với ngành dịch vụ phân phối Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Hương	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
145	Cách mạng công nghiệp 4.0 và những tác động đến chuỗi cung ứng	Nguyễn Thị Huyền	2018 Tạp chí Công Thương	
146	Một số kiến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động R&D tại các doanh nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thị Huyền	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
147	Nghiên cứu về đặc trưng của lãnh đạo doanh nghiệp ảnh hưởng đến đầu tư phát triển trong doanh nghiệp	Lưu Huỳnh	2018 Tạp chí Công Thương	
148	Thực Trạng Và Giải Pháp Xây Dựng Văn Hóa Học Đường Trong Giai Đoạn Hiện Nay	Nguyễn Văn Kỷ	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
149	Thực trạng quản trị nhân sự tại công ty Vinaconex 1.	Nguyễn Phương Linh	2018 Tạp chí Bộ Công Thương	
150	Quản trị vốn tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên điện tử Sao Mai	Nguyễn Phương Linh	2018 Tạp chí Bộ Công Thương	
151	Rủi ro trong vấn đề sở hữu chéo của ngân hàng thương mại	Trần Thùy Linh	2018	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
			Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
152	Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm da giầy xuất khẩu của Việt Nam: Nội dung và các nhân tố ảnh hưởng	Nguyễn Thị Phượng	2018 Tạp chí Công Thương	
153	Công tác quản trị nhân sự tại chi nhánh Viettel Hà Nội	Trần Thị Kim Phượng	2018 Tạp chí Công Thương	
154	Phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam	Trần Thị Kim Phượng	2018 Tạp chí Công Thương	
155	Tập đoàn Samsung - Một điển hình của việc thu hút FDI của Việt Nam	Trần Đăng Quân	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
156	Hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Trần Đăng Quân	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
157	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến phát triển hệ thống phân phối hàng nông sản vùng kinh tế	Vũ Thị Kim Thanh	2018 Tạp chí kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
158	Thực trạng và giải pháp xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường một số nước Đông Âu	Vũ Thị Kim Thanh	2018 Tạp chí kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
159	Khó khăn trong định giá thương hiệu tại các doanh nghiệp của Việt Nam và giải pháp	Hoàng Hiếu Thảo	2018 Tạp chí Công Thương	
160	Thực trạng hoạt tham gia kinh doanh quốc tế của Công ty Vinamilk	Hoàng Hiếu Thảo	2018 Tạp chí Công Thương	
161	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện nay	Phạm Thanh Thảo	2018 Tạp chí Kinh Tế Châu Á Thái Bình Dương	
162	Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị cung ứng nguyên vật liệu tại công ty cổ phần bao bì và in nông nghiệp	Mai Hoàng Thịnh	2018 Tạp chí Công Thương	
163	Đánh giá thực trạng công tác quản trị tại công ty truyền thông CMH	Mai Hoàng Thịnh	2018 Tạp chí Công Thương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
	và giải phá phát triển trong thời gian tới			
164	Hiệp định CPTPP: Cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam	Nguyễn Thị Thu	2018 Tạp chí Tài Chính	
165	Cơ hội và thách thức đối với ngành chăn nuôi khi hiệp định CPTPP được thực thi	Nguyễn Thị Thu	2018 Tạp chí Tài Chính	
166	Cách mạng công nghiệp 4.0- Tác động đối với lao động Việt Nam và định hướng phát triển cho các trường Đại học tại Việt Nam	Nguyễn Thị Trang	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
167	Thực trạng hoạt động của taxi Vinasun trước sự phát triển mạnh mẽ của Uber và Grab	Nguyễn Thị Thu Trang	2018 Tạp chí Công Nghiệp	
168	Quản trị hệ thống siêu thị tại chi nhánh Công ty Xuất nhập khẩu Intimex	Nguyễn Thị Thu Trang	2018 Tạp chí Công Nghiệp	
169	Định giá thương hiệu doanh nghiệp tại Việt Nam	Vũ Ngọc Tuấn	2018 Tạp chí Tài Chính	
170	Du lịch có trách nhiệm của các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ trong thời kỳ hội nhập5/2018	Đan Thu Vân	2018 Tạp chí Tài Chính	
171	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp khách sạn trong thời kỳ hội nhập	Đan Thu Vân	2018 Tạp chí Tài Chính	
172	Xây dựng quy trình chiến lược Marketing cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Nguyễn Thị Lan Anh	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
173	Xác định các nhân tố ảnh hưởng tới tạo động lực cho người lao động tại các doanh nghiệp hiện nay	Nguyễn Thị Lan Anh	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
174	Chiến lược Marketing của Unilever tại thị trường Việt Nam	Lê Thị Ánh	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
175	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hành chính văn phòng	Lê Thị Ánh	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
176	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh lữ hành tại công ty cổ phần du lịch Tasco	Nguyễn Viết Bình	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
177	Ứng dụng cách tiếp cận quản lý chuỗi cung ứng trong tổ chức kinh doanh ở doanh nghiệp Việt Nam	Trần Huy Bình	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
178	Thực trạng công nghiệp Việt Nam thời gian qua và Những giải pháp phát triển công nghiệp Việt Nam	Trần Huy Bình	2018 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
179	Tình hình triển khai các chính sách hỗ trợ, ưu đãi với HTX nông nghiệp sau khi thi hành Luật HTX năm 2012	Trần Sĩ Định	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
180	Vai trò của khu vực kinh tế Ngoài quốc doanh trong nền kinh tế thị trường	Trần Sĩ Định	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
181	Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Đất Việt	Nguyễn Thị Giang	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
182	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty cổ phần Lâm sản Nam Định	Nguyễn Thị Giang	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
183	Thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia hiệp định hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Vũ Huy Giang	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
184	Một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia hiệp định hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương(CPTPP)	Vũ Huy Giang	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
185	Văn hóa doanh nghiệp công ty cổ phần sữa Việt Nam -Vinamilk	Nguyễn Văn Hải	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
186	Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng may mặc của Tổng công ty May 10 sang thị trường Mỹ	Nguyễn Văn Hải	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
187	Đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập	Nguyễn Văn Hải	2018 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
188	Giải pháp hạn chế tình trạng chảy máu chất xám nhân lực quản lý ở các doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa	Nguyễn Văn Hải	2018 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
189	Kinh nghiệm và một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong bối cảnh Việt Nam gia nhập hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP	Trần Thị Hằng	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
190	Cơ sở lý luận về chất lượng đào tạo nghề	Nguyễn Hưng	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
191	Thách thức và cơ hội đối với GMS trong thời kỳ hội nhập	Nguyễn Văn Hưng	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
192	Những thách thức trong xuất khẩu nông sản của Việt Nam	Nguyễn Văn Hưng	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
193	Giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản của huyện Nghĩa Hưng-Nam Định	Nguyễn Thị Hương	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
194	Chiến lược kinh doanh cho các doanh nghiệp sản xuất gốm sứ Bát Tràng	Nguyễn Thị Hương	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
195	Ưu điểm của dịch vụ ngân hàng điện tử tại Việt Nam	Đỗ Thị Hường	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
196	Điều kiện phát triển ngân hàng điện tử tại Việt Nam	Đỗ Thị Hường	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
197	Một số giải pháp nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp dệt may tỉnh Nam Định	Đặng Thị Thu Phương	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
198	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản cho các doanh nghiệp Việt Nam	Đặng Thị Thu Phương	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
199	Đôi điều về kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp hiện nay	Phan Thị Minh Phương	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
200	Doanh nghiệp còn thờ ơ việc bảo vệ tài sản của mình	Phan Thị Minh Phương	2018 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
201	Các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp	Phạm Hương Thanh	2018 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
202	Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam trong thời đại công nghiệp 4.0	Trần Thị Thanh Thủy	2018 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
203	Thuận lợi và khó khăn khi Việt Nam gia nhập CPTPP	Trần Thị Thanh Thủy	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
204	Định vị sản phẩm gạo Toản Xuân của công ty TNHH Toản Xuân tại thành phố Nam Định	Đỗ Thu Trang	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
205	Đánh giá công tác duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm Dệt May Tỉnh Nam Định từ đó tìm ra nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại	Phạm Vũ Tuân	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
206	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nhằm duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm Dệt May Tỉnh Nam Định	Phạm Vũ Tuân	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
207	Vận dụng học thuyết X, Y của tác giả DOUGLAS MC GREGOR học thuyết Z của tác giả WILLIAM G. “BILL” OUCHI vào hoàn thiện các chính sách quản trị nhân lực	Trần Thị Vân	2018 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
208	Để DNNN thực sự là đầu tàu kinh tế	Trần Mạnh Tiến	2018 Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán	
IV	**Năm học 2019-2020**			
IV.1	**Tạp chí trong nước(82)**			
209	Tác động công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năng lực cạnh tranh sản phẩm nông sản xuất khẩu của Việt Nam	Nguyễn Thị Chi	2019 Tạp chí Khoa học công nghệ	
210	Một số vấn đề đặt ra trong huy động nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp	Vũ Đại Đồng	2019 Tạp chí Tài Chính	
211	Kinh doanh trên nền tảng di động ở Việt Nam và một số khuyến nghị	Vũ Đại Đồng	2019 Tạp chí Tài Chính	
212	Xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	Trần Việt Dũng	2019 Tạp chí Tài Chính	
213	Quản trị nhân sự doanh nghiệp ở Việt Nam thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0	Trần Việt Dũng	2019 Tạp chí Tài Chính	
214	Marketing online cho DN vừa và nhỏ	Nguyễn Thúy Hải	2019 Tạp chí Tài Chính	
215	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam thời kỳ hội nhập	Nguyễn Thúy Hải	2019 Tạp chí Tài Chính	
216	Thực trạng và giải pháp nâng cao sự hài lòng của SV Đại học ngành QTKD đối với chất lượng đào tạo của Trường ĐH KTKTCN	Nguyễn Thúy Hải	2019 Tạp chí kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
217	Phát triển ngành dịch vụ logistics tại Việt Nam	Phạm Trung Hải	2019 Tạp chí Tài Chính	
218	Một số vấn đề về đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam	Phạm Trung Hải	2019 Tạp chí Tài Chính	
219	Xu hướng mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trong ngành Logistics Việt Nam	Phạm Trung Hải	2019 Tạp chí Tài Chính	
220 221	Phát hiện và ngăn chặn chuyển giá tại các Doanh nghiệp	Trần Thị Minh Hải	2019 Tạp chí Công Thương	
222	Thực trạng quản lý và sử dụng công nợ ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Hạnh	2019 Tạp chí Công Thương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
223	Những thành tựu trong đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt	Nguyễn Thị Hạnh	2019 Tạp chí Công Thương	
224	Thực trạng và giải pháp nâng cao sự hài lòng của Sinh viên đại học ngành Quản trị kinh doanh đối với chất lượng đào tạo của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Trần Mạnh Hùng	2019 Tạp chí Công Thương	
225	Áp dụng tiêu chuẩn VTOS_ Giải pháp chuẩn hóa nguồn nhân lực du lịch	Nguyễn Thị Minh Hương	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
226	Nâng cao vai trò của người lao động trong việc cải thiện điều kiện làm việc tại doanh nghiệp	Nguyễn Thị Minh Hương	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
227	Sự gia nhập của Amazon vào thị trường thương mại điện tử Việt Nam	Lưu Huỳnh	2019 Tạp chí Công Thương	
228	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động du lịch lữ hành của Việt Nam trong điều kiện hiện này	Nguyễn Tiến Mạnh	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
229	Vấn đề đặt ra đối với việc vận dụng marketing dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	2019 Tạp chí Công Thương	
230	Một số vấn đề đặt ra cho phát triển xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU khi tham gia Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU	Nguyễn Thị Phượng	2019 Tạp chí khoa học và công nghệ	
231	Một số tồn tại cần khắc phục của ngành logistics tại Việt Nam giai đoạn hiện nay để đáp ứng được sự phát triển của ngành thương mại điện tử	Trần Đăng Quân	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
232	Hệ thống phân phối hàng hóa trong Quản trị kinh doanh	Trần Đăng Quân	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
233	Đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp nông thôn Việt Nam	Nguyễn Thanh Sơn	2019 Tạp chí Công Thương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
234	Thương mại điện tử ở Việt Nam: tiềm năng phát triển và thách thức đặt ra	Nông Mai Thanh	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
235	Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến hoạt động quản trị nhân lực trong giai đoạn hiện nay	Vũ Thị Kim Thanh	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
236	Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến phát triển bền vững của doanh nghiệp	Vũ Thị Kim Thanh	2019 Tạp chí Tài Chính	
237	Ứng dụng công nghệ 4.0 nhằm tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp	Hoàng Hiếu Thảo	2019 Tạp chí Công Thương	
238	Giải pháp thu hút dự án FDI an toàn cho môi trường	Hoàng Hiếu Thảo	2019 Tạp chí Công Thương	
239	Ứng dụng công nghệ 4.0 trong ngành nông nghiệp	Mai Hoàng Thịnh	2019 Tạp chí Công Thương	
240	Giải pháp tạo liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước	Mai Hoàng Thịnh	2019 Tạp chí Công Thương	
241	Giải pháp nâng cao trình độ nguồn nhân lực để đáp ứng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thời kỳ 4.0	Nguyễn Thị Thu	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
242	Sử dụng mô hình đánh giá tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến năng lực cạnh tranh của ngân hàng trong nước và xây dựng chiến lược cạnh tranh	Nguyễn Thị Trang	2019 Tạp chí Công Thương	
243	Vấn đề tái cấu trúc tài chính trong Doanh nghiệp dưới tác động hội nhập kinh tế	Nguyễn Thị Thu Trang	2019 Tạp chí Công nghiệp	
244	Vấn đề quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia	Nguyễn Thị Thu Trang	2019 Tạp chí Công Nghiệp	
245	Tác động của việc thực thi cam kết về thương mại dịch vụ của Việt Nam khi gia nhập AEC	Trần Ngọc Tú	2019 Tạp chí Công Thương	
246	Hoạt động bán lẻ ở Việt Nam trong bối cảnh công nghệ số	Vũ Ngọc Tuấn	2019 Tạp chí Tài Chính	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
247	Xuất khẩu qua thương mại điện tử và một số khuyến nghị	Vũ Ngọc Tuấn	2019 Tạp chí Tài Chính	
248	Hoàn thiện cơ chế kiểm soát, giám sát tài chính doanh nghiệp nhằm tối đa hóa giá trị	Đan Thu Vân	2019 Tạp chí Công Thương	
249	Thực trạng năng lực cạnh tranh của ngân hàng thương mại Việt Nam trước bối cảnh hội nhập	Đan Thu Vân	2019 Tạp chí Công Thương	
250	Những thay đổi lớn của ngành bán lẻ Việt Nam trong kỷ nguyên 4.0	Nguyễn Thị Lan Anh	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
251	Bài toán nhân lực cho ngành bán lẻ Việt Nam	Nguyễn Thị Lan Anh	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
252	Thực trạng truyền thông của công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ	Lê Thị Ánh	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
253	Một số giải pháp truyền thông của công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ	Lê Thị Ánh	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
254	Kinh tế Hàng hải tỉnh Nam Định: Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Viết Bình	2019 Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương	
255	Xây dựng thương hiệu quốc gia Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế	Trần Huy Bình	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
256	Thương hiệu và giá trị doanh nghiệp vấn đề quan trọng của các doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế	Trần Huy Bình	2019 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
257	Ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định	Trần Sĩ Định	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
258	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nam Định	Trần Sĩ Định	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
259	Giải pháp nhằm duy trì và thị trường sản phẩm của Công ty Teseco	Nguyễn Thị Giang	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
260	Chính sách xúc tiến sản phẩm gạo tại các doanh nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thị Giang	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
261	EVFTA cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam	Vũ Huy Giang	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
262	Cơ hội từ hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA)	Vũ Huy Giang	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
263	Thực trạng hoạt động Marketing – mix tại công ty Cổ phần VNLight	Nguyễn Văn Hải	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
264	Một số giải pháp Marketing – mix tại công ty Cổ phần VNLight	Nguyễn Văn Hải	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
265	Tái cấu trúc hợp tác xã nhằm nâng cao quản trị trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định	Vũ Văn Giang	2019 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
266	Giải thể doanh nghiệp tại tỉnh Nam Định,thực trạng và kiến nghị	Vũ Văn Giang	2019 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
267	Cách mạng công nghiệp 4.0 – Những thách thức đối với nguồn nhân lực Việt	Trần Thị Hằng	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
268	Những kỹ năng cần thiết đối với người lao động thời 4.0 !	Trần Thị Hằng	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
269	Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động Marketing tín dụng tại ngân hang TMCP Á Châu	Nguyễn Thị Hoài	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
270	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần sản xuất, thương mại và dịch vụ Minh Hằng	Nguyễn Thị Hoài	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
271	Sự cần thiết phải áp dụng phần mềm quản trị khách hàng- CMR đối với doanh nghiệp	Nguyễn Hưng	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
272	Đặc trưng và các hoạt động cơ bản của kinh doanh đa cấp	Nguyễn Hưng	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
273	Đầu tư lớn vào nông nghiệp: tiềm năng đã được khai thác xứng đáng?	Nguyễn Văn Hưng	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
274	Xúc tiến bán hàng trong thời kỳ công nghệ 4.0	Nguyễn Thị Hương	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
275	Giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản của huyện Hải Hậu- Nam Định	Nguyễn Thị Hương	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
276	Bán hàng trong thời kỳ cách mạng 4.0	Đỗ Thị Hường	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
277	Thực trạng phát triển thương mại Việt Nam và thế giới	Đỗ Thị Hường	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
278	Hạn chế trong việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 tại các doanh nghiệp ngành xây dựng Tỉnh Nam Định và giải pháp khắc phục	Đặng Thị Thu Phương	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
279	Những rủi ro tiềm tàng trong giao dịch quốc tế đối với doanh nghiệp	Phan Thị Minh Phương	2019 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
280	Ảnh hưởng của đổi mới văn hóa doanh nghiệp đến đổi mới quản lý doanh nghiệp	Phan Thị Minh Phương	2019 Tạp chí Công Thương	
281	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và một số đề xuất	Phạm Hương Thanh	2019 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
282	Dệt may và da giày của Việt Nam dưới tác động của Hiệp định CPTPP - Cơ hội, thách thức	Phạm Hương Thanh	2019 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
283	Thực trạng kỹ năng đàm phán của sinh viên trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0	Trần Thị Thanh Thủy	2019 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
284	Phân tích ảnh hưởng của ngành Thép Việt Nam trước cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung	Trần Thị Thanh Thủy	2019 Công Thương	
285	Giao việc và ủy quyền trong thời đại công nghệ 4.0	Đỗ Thu Trang	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
286	Kích thích tinh thần làm việc của người lao động thông qua công tác tổ chức tiền lương	Trần Thị Vân	2019 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
287	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bùi Thị Xuân	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, số cuối tháng, tháng 5 năm 2019	
288	Nghị quyết số 39-NQ/TW: Phát huy các nguồn lực của đất nước	Trần Mạnh Tiến	2019 Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán	
289	Nâng cao năng lực sản xuất của doanh nghiệp - Yêu cầu để kinh tế Việt Nam thăng hạng	Trần Mạnh Tiến	2019 Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán	
290	Quản lý thuế các nền tảng đặt phòng trực tuyến trong nền kinh tế chia sẻ	Trần Mạnh Tiến	2019 Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán	
IV.2	**Tạp chí trường (2)**			
291	Kinh nghiệm duy trì và thúc đẩy người lao động làm việc ở một số nước trên thế giới và bài học cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam	Mai Thị Lụa	2019 Khoa học&Công nghệ Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
292	Giải pháp tạo lập lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời kỳ hội nhập	Mai Thị Lụa	2019 Khoa học&Công nghệ Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
IV.3	**Kỷ yếu, hội thảo (10)**			
293	Thực trạng năng suất của Việt Nam nói chung và ngành nông	Nguyễn Thị Thu Hương	2019	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
	nghiệp nói riêng và ảnh hưởng của đổi mới sáng tạo		Hội thảo khoa học quốc gia – NXB Lao động xã hội	
294	Cơ hội và thách thức của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trước yêu cầu cuộc cách mạng 4.0	Nguyễn Thị Thu Hương	2019 Hội thảo khoa học quốc gia – NXB Lao động xã hội	
295	Các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề quản trị nhân sự trong các trường phổ thông	Lê Thị Huyền	2019 Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
296	Đánh giá các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam.	Nguyễn Phương Linh	2019 Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia- ĐH Kinh tế quốc dân	
297	Giải pháp mua sắm công xanh thúc đẩy chuỗi cung ứng xanh kinh nghiệm quốc tế và bài học Việt Nam	Trần Thị Kim Phượng	2019 Kỷ yếu hội thảo quốc gia xanh hóa chuỗi cung ứng hàng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	
298	Chính sách đào tạo nghề cho lao động vùng dân tộc thiểu số	Nông Mai Thanh	2019 Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia	
299	Chuỗi cung ứng bền vững của thị trường xuất khẩu cá Rô Phi Trung Quốc	Phạm Thanh Thảo	2019 Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia -Nhà xuất bản lao động xã hội	
300	Thực trạng phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay	Nguyễn Thị Trang	2019 Kỷ yếu hội thảo quốc gia "Khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam cơ hội phát triển bền vững"	
301	Yếu tố ảnh hưởng và quy định liên quan đến định mức lao động, kỹ thuật đối với giáo viên phổ thông	Nguyễn Thị Hạnh	2019 Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
302	Một số yếu tố tác động đến lòng TTTH của NTD Việt Nam đối với sản phẩm Đông Nam dược	Trần Ngọc Tú	2019 Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Phát triển TM trong	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
			bối cảnh CN4.0: Năng suất và bền vững	
V	**Năm học 2020-2021**			
V.1	**Tạp chí quốc tế(43)**			
303	Impact of Tobacco Control to Sustainable Evelopment Goals: Literature Review	Đan Thu Vân	2020 Case Studies Journal	
304	Proposed an Expected Research Model of Factors Affecting Employee Satisfaction	Nguyễn Thúy Hải	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
305	Relationship between International Trade and Circular Economy: Literature Review	Trần Thị Minh Hải	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
306	Circular Economy in China and Lessons to Vietnam	Trần Thị Minh Hải	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
307	The Theories of Competitiveness and Stability	Nguyễn Thị Hạnh	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
308	Wages in the Enterprise	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2020 International Journal of Management Sciences and Business Rearch	
309	Corporate Social Responsibility in European	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2020 International Journal of Management Sciences and Business Rearch	
310	Overview of Commercial Bank Loans to Business and Individual Customers	Đỗ Thị Thu Hương	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
311	Covariance Matrix for Portfolio Selection on Vietnam Stock Market	Đỗ Thị Thu Hương	2020	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
			International Journal of Management Sciences and Business Research	
312	Evaluation of Real Situation of Enterprise Resource Planning in Vietnam	Đỗ Thị Thu Hương	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
313	Experience in Application of Enterprise Resource Planning In the World and Lessons for VietNam	Đỗ Thị Thu Hương	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
314	Study Attracting International Tourism in Vietnam	Nguyễn Thị Minh Hương	2020 Impact Factor 3.582 Case Studies Journal ISSN (2305-509X) – Volume 9, Issue 4–April-2020	
315	Overview on Labor Productivity	Nguyễn Thị Thu Hương	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
316	Overview of Foreign Direct Investment and Foreign Direct Investment's Effect on Employment	Nguyễn Thị Thu Hương	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
317	International and Domestic Experiences In the Development of Vocational Training For Rural Labors in Agriculture 4.0	Lê Thị Huyền	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
318	Relationship between Intellectual Property and Global Innovation Index: Literature Review	Lê Thị Huyền	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
319	International Experience in the Improvement of the Positive Impact of FDI on Import and Export for Vietnam	Nguyễn Thị Huyền	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
320	Relationship between Intellectual Property and Global Innovation Index: Literature Review	Nguyễn Thị Huyền	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
321	Proposed Study Model Effects of Competitive Capability on Vietnam Enterprises Stability	Lưu Huỳnh	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
322	Building Corporate Culture to Improve Competitiveness of Small and Medium Enterprises in Vietnam	Nguyễn Văn Kỷ	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
323	Communication Skill of educational manages	Trần Thị Kim Phượng	2020 Case studies journal	
324	Cicular economy in China and Lessons to Viet Nam	Trần Thị Kim Phượng	2020 International Journal of Management Siences and Business Research	
325	Overview of Trade Facilitation Agreemen	Nông Mai Thanh	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
326	Overview of Arbitration and Online	Nông Mai Thanh	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
327	Situations of Smart Contracts and Blockchain Application in Vietnam	Phạm Thanh Thảo	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
328	Understanding of Block chain Application and Smart Contracts	Phạm Thanh Thảo	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
329	The Theories of Competitiveness and Stability	Nguyễn Thị Trang	2020	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
			International Journal of Management Science and Business Research	
330	Trade and Circular Economy in Vietnam	Nguyễn Phương Linh	2021 International Journal of Management Sciences and Business Research	
331	The Impact of the Pricing Strategy, Selling Price, and Time of Sale on the Ability to Sell Real Estate in Vietnam	Nguyễn Phương Linh	2021 Case Studies Journal	
332	Strategy of Householding Price, Sale, Time to Sell, and Ability to Sell Housing: Research Overview	Nguyễn Phương Linh	2021 Case Studies Journal	
333	Real Situation of Construction of New Rural Resoures in Vietnam River Delta	Trần Thùy Linh	2021 American Based Research Journal.	
334	The Effects of the Participation of Rural Residents to New Rural Construction in Vietnam Red River Region	Trần Thùy Linh	2021 American Based Research Journal.	
335	Overview about Enterprise Resource Planning	Trần Thị Minh Hải	2021 Case Studies Journal	
336	Enterprise Resource Planning Success Model in Vietnam	Trần Thị Minh Hải	2021 Case Studies Journal	
337	Strategy of Householding Price, Sale, Time to Sell, and Ability to Sell Housing: Research Overview	Nguyễn Thị Thu Hương	2021 Case Studies Journal	
338	Relationship between Intellectual Property and Global Innovation Index: Literature Review	Lê Thị Huyền	2020 International Journal of Management Sciences and Business Research	
339	Theoretical Basis of Interest Channel Effect in Operation of Money Policy	Lê Thị Huyền	2021 Case Studies Journal	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
340	Factors Affecting the Effect of Interest Channel in Operation of Monetary Policy in Vietnam	Lê Thị Huyền	2021 Case Studies Journal	
341	Real Situation of Construction of New Rural Resoures in Vietnam River Delta	Nông Mai Thanh	2021 American Based Research Journal	
342	The Effects of the Participation of Rural Residents to New Rural Construction in Vietnam Red River Region	Nông Mai Thanh	2021 American Based Research Journal	
343	Enterprise Resource Planning Success Model in Vietnam	Phạm Thanh Thảo	2021 Case Studies Journal	
345	The impact of Corporate Social Marketing on Brand Equity Ingredients	Nguyễn Thị Trang	2021 International Journal of Management Science and Business Research	
V.2	**Tạp chí trong nước(107)**			
346	Kẽ hở trong cổ phần hóa DNNN và vai trò của kiểm toán	Trần Mạnh Tiến	2021 Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán	
347	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập	Phạm Vũ Tuân	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
348	Những thuận lợi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khi tham gia vào nền kinh tế số tại Việt Nam	Trần Thị Vân	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
349	Giải pháp giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua khó khăn trong điều kiện kinh tế số	Trần Thị Vân	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
350	"Định vị vốn tâm lý nhân viên trong công tác quản trị nguồn nhân lực"	Bùi Thị Xuân	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, số 586, tháng 4 năm 2021	
351	"Đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế số"	Bùi Thị Xuân	Tạp chí Công Thương, số 6, tháng 3 năm 2021.	
352	Giải pháp tái cơ cấu nhân lực trên cơ sở tái cấu trúc doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay	Mai Thị Lụa	2021 Châu ÁThái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
353	Giải pháp hoàn thiện dịch vụ khách hàng cho các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Tỉnh Nam Định	Đặng Thị Thu Phương	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
354	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Tỉnh Nam Định	Đặng Thị Thu Phương	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
355	Những tác động của rủi ro tài chính đối với doanh nghiệp	Phan Thị Minh Phương	2021 Tạp chí kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
356	Các giải pháp phục hồi kinh tế Việt Nam sau đại dịch Covid-19	Phạm Hương Thanh	2021 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
357	Thực trạng việc làm trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và một số giải pháp	Phạm Hương Thanh	2021 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
358	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU : cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp dệt may Nam Định	Đỗ Thu Trang	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
359	Xây dựng và phát triển thương hiệu công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Đỗ Thu Trang	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
360	Giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh trong đấu thầu tại các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn tỉnh Nam Định	Phạm Vũ Tuân	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
361	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tại Thành phố Nam Định	Nguyễn Văn Hưng	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
362	Một số giải pháp xây dựng và phát triển thương hiệu công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Nam Định	Nguyễn Thị Hương	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
363	Xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Nguyễn Thị Hương	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
364	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên khối nhành kinh tế - Trường Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp	Trần Thọ Khải	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
365	Kỹ năng viết CV, phỏng vấn, thuyết trình đối với sinh viên mới tốt nghiệp trong giai đoạn hiện nay	Th. Trần Thọ Khải	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
366	Các nhân tố của môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động marketing– mix (7P's) dịch vụ chứng thực chữ ký số của tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Lê Thị Ánh	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
367	Hoàn thiện quy trình kinh doanh lữ hành trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Viết Bình	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
368	Nội dung phát triển kinh tế tập thể trong xây dựng nông thôn mới	Trần Sĩ Định	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
369	Các nhân tố ảnh hưởng tới công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty cổ phần may Sông Hồng	Nguyễn Văn Hải	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
370	Một số lý luận cơ bản về đào tạo nghề	Vũ Văn Giang	2021 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
371	Quy trình quản trị bán hàng trong doanh nghiệp	Vũ Văn Giang	2021 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
372	Thực trạng nền kinh tế số Việt Nam	Trần Thị Hằng	2021 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
373	Một số lý luận cơ bản về đào tạo nghề	Nguyễn Thị Hoài	2021 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
374	Một số phương thức mua bán chủ yếu trong thương mại hàng hóa	Nguyễn Thị Hoài	2021 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
375	Chi số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)-công cụ theo dõi, giám sát thực thi chính sách hiệu quả	Nguyễn Thị Phượng	2021 Tạp chí Công Thương	
376	Giải pháp phát triển dịch vụ hỗ trợ tư vấn marketing xuất khẩu cho các doanh nghiệp	Nguyễn Tiến Mạnh	2021 Tạp chí Khoa học công nghệ	
377	Hội nhập khinh tế về thương mại của Việt Nam	Trần Đăng Quân	2021 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
378	Nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống siêu thị VinMart tại thành phố Hà Nội hiện nay	Trần Đăng Quân	2021 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
379	Giải pháp quản trị rủi ro trong triển khai công nghệ chuỗi khối Blockchain tại Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hương	2021 Tạp chí Công Thương	
380	Giải pháp đẩy mạnh cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến tại Bắc Giang	Nguyễn Thị Thu Hương	2021 Tạp chí Công Thương	
381	Nâng cao giá trị xuất khẩu sản phẩm chủ lực của Tây Nguyên	Nguyễn Thanh Sơn	2021 Tạp chí Công Thương	
382	Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng không nung	Nguyễn Thanh Sơn	2021 Tạp chí Công Thương	
383	Nghiên cứu một số góc nhìn lý thuyết giải thích hành vi tiêu dùng xanh	Đoàn Kim Thêu	2021 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
384	Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam	Mai Hoàng Thịnh	2021 Tạp chí Công Thương	
385	Nghiên cứu mô hình đánh giá năng lực cạnh tranh của DN kinh tế tư nhân thuộc khu vực đồng bắng sông Hồng	Nguyễn Thị Chi	2020 Tạp chí Khoa học công nghệ	
386	Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử bối cảnh dịch bệnh Covid 19	Vũ Đại Đồng	2020 Tạp chí Tài Chính	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
387	Phát triển nguồn nhân lực của các doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế số ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Thu	2021 Tạp chí Công Thương	
388	Dịch vụ lưu trú chia sẻ trong ngành du lịch tại Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Trang	2021 Tạp chí Công Thương	
389	Phương thức kinh doanh mới – nền kinh tế chia sẻ	Nguyễn Thị Thu Trang	2021 Tạp chí Công Thương	
390	Sử dụng biện pháp phi thuế quan trên thế giới và những tác động đối với XK của Việt Nam	Trần Ngọc Tú	2021 Tạp chí Tài Chính	
391	Ưu tiên giải ngân phục vụ phòng, chống dịch bệnh covid 19	Trần Ngọc Tú	2021 Tạp chí Tài Chính	
392	Một số vấn đề liên quan đến LTTTH của KH tại thị trường thuốc cổ truyền Việt Nam	Trần Ngọc Tú	2021 Tạp chí khoa học công nghệ	
393	Xu hướng bảo hộ thương mại trên thế giới và kiến nghị đối với Việt Nam	Nguyễn Thị Lan Anh	2021 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
394	Tác động của hoạt động chuyển giá đối với nền kinh tế Việt Nam	Nguyễn Thị Lan Anh	2021 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
395	Một số giải pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Trần Việt Dũng	2020 Tạp chí kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
396	Giải pháp thúc đẩy thương mại điện tử trong doanh nghiệp Việt Nam hiện nay	Trần Việt Dũng	2020 Tạp chí kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
397	Phát triển dịch vụ logistics xanh ở Việt Nam cho tăng trưởng bền vững	Phạm Trung Hải	2020 Tạp chí Tài Chính	
398	Quản trị doanh nghiệp gia đình _ Thách thức và giải pháp	Nguyễn Thị Minh Hương	2020 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
399	Chất lượng nguồn nhân lực tại doanh nghiệp nhỏ và vừa: điều kiện để phát triển doanh nghiệp bền vững	Nguyễn Tiến Mạnh	2020 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
400	Năng lực cạnh tranh trong các doanh nghiệp bán lẻ của Việt Nam	Nguyễn Tiến Mạnh	2020 Tạp chí Khoa học công nghệ	
401	Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước về phát triển chợ truyền thống và bài học cho Việt Nam	Nguyễn Thị Phượng	2020 Tạp chí khoa học và công nghệ	
402	Hoàn thiện hệ thống Logistic nhằm thúc đẩy việc xuất khẩu nông sản sang thị trường EU trong điều kiện thực hiện hiệp định EVFTA	Trần Đăng Quân	2020 Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
403	Nhìn lại bức tranh tài khóa Việt Nam năm 2019 những thành tựu và hạn chế	Nguyễn Thanh Sơn	2020 Tạp chí Công Thương	
404	Phát triển chuỗi cung ứng xanh cho nông sản Việt Nam	Vũ Thị Kim Thanh	2020 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
405	Tác dụng của đại dịch COVID -19 và giải pháp ứng phó của DN hoạt động trong lĩnh vực Du lịch	Vũ Thị Kim Thanh	2020 Tạp chí Tài Chính	
406	Hướng phát triển doanh nghiệp thương mại trong bối cảnh mới	Vũ Ngọc Tuấn	2020 Tạp chí Tài Chính	
407	Thực trạng cạnh tranh không lành mạnh trong doanh nghiệp và một số kiến nghị	Vũ Ngọc Tuấn	2020 Tạp chí Tài Chính	
408	Giải pháp thu hút và giữ chân người lao động ở các doanh nghiệp siêu nhỏ	Nguyễn Thị Thu	2020 Tạp chí Châu Á – Thái Bình Dương	
409	Hợp tác đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành Logictics giữa doanh nghiệp và nhà trường	Nguyễn Thị Thu	2020 Tạp chí Tài Chính	
410	Quy trình xây dựng thương hiệu sản phẩm cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong thời kỳ hội nhập	Nguyễn Thị Lan Anh	2020 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
411	Một số giải pháo cơ bản nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Thị Lan Anh	2020 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
412	Các công cụ tạo động lực cho người lao động tại doanh nghiệp	Lê Thị Ánh	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
413	Vai trò của quản lý Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Viết Bình	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
414	Những mục tiêu của Chương trình khuyến công giai đoạn 2021-2025	Trần Huy Bình	2020 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
415	Xây dựng kế hoạch năm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận ròng thích hợp trong cơ chế thị trường	Trần Huy Bình	2020 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
416	Một số kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính tại tỉnh Nam Định	Trần Sĩ Định	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
417	Một số giải pháp đổi mới,phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Nam Định	Trần Sĩ Định	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
418	Các yếu tố môi trường vĩ mô ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của công ty Nam Hà	Nguyễn Thị Giang	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
419	AHKFTA cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam	Vũ Huy Giang	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
420	Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác tuyển dụng nhân lực tại doanh nghiệp	Nguyễn Văn Hải	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
421	Hoạt động mua hang trên 5 mạng xã hội phổ biến ở Việt Nam hiện nay	Vũ Văn Giang	2020 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
422	Những rủi ro gây ảnh hưởng đến hành vi mua hang trực tuyến của người tiêu dung Việt Nam	Vũ Văn Giang	2020 Kinh tế Châu ÁThái Bình Dương	
423	Một số kỹ năng trong giải quyết xung đột của nhà quản trị trong tổ chức	Trần Thị Hằng	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
424	Logistic trong tiêu thụ nông sản Việt	Trần Thị Hằng	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
425	Quản trị nhân sự dưới ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0	Nguyễn Thị Hoài	2020 Tạp chí Công Thương	
426	Áp dụng chỉ số đo lường hiệu suất cốt yếu (KPI) trong đánh giá thành tích tại các doanh nghiệp.	Nguyễn Thị Hoài	2020 Tạp chí Công Thương	
427	Một số vấn đề lý luận về đội ngũ cán bộ quản lý trong doanh nghiệp	Nguyễn Hưng	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
428	Đánh giá năng lực cán bộ quản lý trong DN	Nguyễn Hưng	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
429	EVFTA: Cơ hội và khả năng tận dụng của các doanh nghiệp Việt Nam	Nguyễn Văn Hưng	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
430	Đổi mới sáng tạo: "Giải pháp từ việc đẩy mạnh liên kết và hợp tác với các trường Đại học"	Nguyễn Văn Hưng	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
431	Giải pháp phát triển du lịch sinh thái vườn quốc gia xuân thủy- giao thủy- nam định	Nguyễn Thị Hương	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
432	Một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty cổ phần xây lắp I nam định	Nguyễn Thị Hương	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
433	Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển từ thực trạng ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm của một số nước	Mai Thị Lụa	2020 Công Thương	
434	Mô hình quản lý chất lượng 5S – Thực trạng và giải pháp cho các doanh nghiệp Dệt May tỉnh Nam Định	Đặng Thị Thu Phương	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
435	Tác động và lộ trình của việc áp dụng chuẩn mực khung rủi ro tín dụng trong các ngân hàng thương mại Việt Nam	Phan Thị Minh Phương	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
436	Chiến lược Marketing của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	Phan Thị Minh Phương	2020 Tạp chí Công Thương	
437	Lợi thế cạnh tranh xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Phan Thị Minh Phương	2020 Tạp chí Công Thương	
438	Nâng cao năng suất lao động tại Việt Nam trong bối cảnh tự do hóa thương mại và Cách mạng công nghiệp 4.0	Phạm Hương Thanh	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
439	Thực trạng phát triển nông nghiệp công nghiệp cao ở Việt Nam	Trần Thị Thanh Thủy	2020 Công Thương	
440	Giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam	Trần Thị Thanh Thủy	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
441	Marketing trên mạng xã hội	Đỗ Thu Trang	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
442	Kinh nghiệm phát triển du lịch thông minh thời 4.0 và bài học cho Tỉnh Nam Định	Phạm Vũ Tuân	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
443	Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung: Cơ hội, thách thức và giải pháp đối với kinh tế Việt Nam	Phạm Vũ Tuân	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
444	Bảo vệ thương hiệu đèn gỗ trang trí LIA trên mạng xã hội: khó khăn và giải pháp	Trần Thị Vân	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
445	Giải pháp thực hiện chiến lược thâm nhập thị trường của sản phẩm đèn gỗ trang trí LIA	Trần Thị Vân	2020 Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	
446	Một số giải pháp chủ yếu góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả chiến lược kinh doanh của các công ty du lịch vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Nam Định sau mùa dịch Covid-19	Bùi Thị Xuân	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 565, tháng 5 năm 2020	
447	Chiến lược kinh doanh của các công ty du lịch vừa và nhỏ trên địa	Bùi Thị Xuân	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 563, tháng 4 năm 2020	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
	bàn tỉnh Nam Định trong mùa dịch Covid-19			
448	Cải cách hành chính công: Kinh nghiệm của thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam	Trần Mạnh Tiến	2020 Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán	
449	Vai trò của Kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế các tỉnh miền Trung	Nguyễn Thị Chi	2021 Tạp chí Tài Chính	
450	Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ Logistics Việt Nam	Phạm Trung Hải	2021 Tạp chí Khoa học Công nghệ	
451	Chi phí Logistics tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị	Phạm Trung Hải	2021 Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán	
452	Hỗ trợ pháp luật phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại VN	Nguyễn Thị Chi	2021 Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương	
V.3	**Tạp chí trường(4)**			
453	Mô hình kinh tế chia sẻ-xu hướng mới của một nền kinh tế số tại Việt Nam	Mai Thị Lụa	2020 Khoa học&Công nghệ Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
454	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đề án 1956 trên địa bàn tỉnh Nam Định: Kết quả và bài học kinh nghiêm	Nguyễn Viết Bình	2021 Khoa học&Công nghệ Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
455	Ảnh hưởng của quảng cáo trên mạng xã hội đến ý định mua hàng của người tiêu dùng tại Việt Nam	Đoàn Kim Thêu	2021 Khoa học&Công nghệ Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
456	Xây dựng văn hóa kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam	Nguyễn Văn Kỷ	2021 Khoa học&Công nghệ Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
V.4	**Kỷ yếu, hội thảo(11)**			

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
457	Vấn đề phát triển dân tộc thiểu số ở Việt Nam	Nguyễn Thị Huyền	2020 Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia - Bộ GD&ĐT - Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
458	Tác động của FTA thế hệ mới đến doanh nghiệp vừa và nhỏ - Thực trạng và Giải pháp	Trần Thùy Linh	2020 Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia -Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật	
459	Phát triển du lịch cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	2020 Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia	
460	Giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc	Mai Hoàng Thịnh	2020 Kỷ yếu hội thảo quốc gia ĐH KTQD	
461	Hiệu quả đào tạo nghề ngắn hạn với đồng bào dân tộc thiểu số	Nguyễn Thị Thu Trang	2020 Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc: định hướng và giải pháp chính sách đến 2030"	
462	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hiệp định Thương Mại Tự Do thế hệ mới	Đan Thu Vân	2020 Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia	
463	Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát triển KTTN trong bối cảnh kinh tế số tại VN	Nguyễn Thị Chi	2021 Hội Thảo quốc gia	
464	Phát triển nhân lực ngành du lịch	Vũ Đại Đồng	2021 Kỷ yếu hội thảo quốc gia	
465	Giải pháp phát triển thị trường vốn cho khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam	Trần Thị Minh Hải	2021 Kỷ yếu hội thảo: Phát triển mạng lưới nghiên cứu về khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo tại Việt Nam	
466	Tác động của đại dịch Covid-19 và giải pháp giúp doanh nghiệp dệt	Mai Thị Lụa	2021	

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
	may Việt Nam ứng phó để phát triển bền vững		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
467	Quan điểm và giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành du lịch địa phương	Trần Thị Thanh Thủy	2021 Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia	

b) Hoạt động hợp tác quốc tế

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có quan hệ với các nước phát triển như Úc, Đài Loan, vv... và các nước trong khối ASEAN như Lào, vv... Thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đưa mối quan hệ với các đối tác quốc tế hiện có đi vào chiều sâu và mở rộng với các đối tác mới, như: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Trường Đại học KHCN (NTUST), đại học FengChia, đại học TaYeh, học viện Lee Ming của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria, vv… Đặc biệt, Nhà trường đã tham gia và là thành viên chính thức của Hiệp hội Quốc tế các trường đại học về KHCN thực phẩm có trụ sở đặt tại Plovdiv Bulgaria, gồm 18 trường đại học từ các nước Pháp, Đức; Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Bulgaria; vv… với mục đích hợp tác và trao đổi về NCKH, hỗ trợ lẫn nhau về các CTĐT tiên tiến và hướng vào việc mở các lớp chất lượng cao trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. cũng có nhiều các hoạt động tích cực.

Trong năm 2021 có đại diện của Khoa Quản trị kinh doanh tham dự Diễn đàn giáo dục Việt Nam - Đài Loan trực tuyến trên Zoom vào tháng 06/2021, tham dự các Hội thảo, trao đổi trực tuyến các kế hoạch hợp tác trong tương lai với các đối tác đến từ Hàn Quốc, Đài Loan.

Ngoài ra, Khoa tham gia vào các chuỗi các hoạt động hợp tác giữa Nhà trường - Doanh nghiệp: các Doanh nghiệp Hàn Quốc tuy đã đăng ký hoạt động nhưng do dịch bệnh Covid 19 kéo dài và bùng phát nhiều đợt tại Hàn Quốc nên hoạt động của các doanh nghiệp này tại Nhà trường vẫn đóng băng. Mặc dù vậy, Nhà trường vẫn tích cực hợp tác với các Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam như: Foxconn, Wistron, Compal, Pegatron, Evergreen, Acer ….. và Doanh nghiệp có vốn nước ngoài qua đó giúp nâng cao chương trình đào tạo, bổ sung chương trình cho phù hợp với thực tiễn, là cầu nối kết nối với các Doanh nghiệp nước ngoài để tăng cường hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên, phát triển việc thực hành, thực tập cho sinh viên. Đặc biệt, vào tháng 01/2021, trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp tham dự Hội nghị đối thoại giữa các doanh nghiệp Đài Loan và các trường đào tạo của Bộ Công Thương để trao đổi hợp tác với các doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam và tại Đài Loan, mở rộng cơ hội việc làm cho sinh viên Nhà trường trong tương lai.

2.2. Tóm tắt chương trình đào tạo từ xa và kế hoạch đào tạo

2.2.1 Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu chung

Mục tiêu chung CTĐT ngành Quản trị kinh doanh*:* Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có khả năng ứng dụng nghề nghiệp sát với thực tiễn trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh phục vụ phát triển KT-XH của đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể CTĐT ngành Quản trị kinh doanh: Đào tạo cho người học phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng, về mức tự chủ và trách nhiệm; Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; Có trình độ CNTT và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; Nắm vững kiến thức chuyên sâu về hoạch định và quản trị các hoạt động của một đơn vị kinh doanh; Có năng lực tổ chức, điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động quản trị trong các loại hình doanh nghiệp cụ; Có năng lực tự nghiên cứu, phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học quản trị.

2.2.2 Chuẩn đầu ra

a) Kiến thức

- Hiểu và vận dụng được những nguyên lý, kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nghề nghiệp và cuộc sống.

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của tổ chức.

- Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT).

- Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

- Nắm vững những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước và có sức khoẻ tốt để học tập, làm việc suốt đời.

- Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế học, pháp luật trong kinh tế, nguyên lý kế toán, phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.

- Hiểu và vận dụng được những nguyên lý chung của khoa học quản trị và vận hành doanh nghiệp, bao gồm những kiến thức nền tảng về kế toán, tài chính, marketing, kinh tế lượng làm cơ sở lý luận và thực tiễn của quản trị kinh doanh.

- Vận dụng các kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh,... để phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, xây dựng các mục tiêu kinh doanh, và hoạch định, tổ chức triển khai và kiểm soát quá trình thực thi chiến lược sản xuất - kinh doanh.

- Vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu của marketing như: quản trị marketing, quản trị bán hàng, marketing quốc tế, marketing dịch vụ,... để thu thập và phân tích thông tin trong quá trình nghiên cứu, lập kế hoạch, triển khai thực hiện và kiểm soát các chương trình marketing thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ,...

- Vận dụng được các kiến thức đã học liên quan đến quản trị dự án, quản trị rủi ro, quản trị thương hiệu, giao dịch và đàm phán kinh doanh,... để khởi sự kinh doanh và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

- Nắm vững các kiến thức nền tảng, nâng cao về nghiên cứu và dự báo thị trường, hệ thống thông tin quản lý, ứng dụng tin học trong kinh doanh, thương mại điện tử,... để tổ chức thẩm định, đánh giá và triển khai các dự án thương mại điện tử trong doanh nghiệp.

- Phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức thực tế, thực tập về các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng về nghề nghiệp.

- Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, hoàn thành được một đề tài nghiên cứu mang tính thực tiễn.

b) Kỹ năng

Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Có thể tổ chức điều hành các hoạt động chức năng cụ thể của doanh nghiệp như sản xuất, nhân lực, tài chính, marketing, bán hàng,...

- Có kỹ năng quản trị sự thay đổi và giải quyết vấn đề mới phát sinh trong quản trị doanh nghiệp.

- Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin môi trường kinh doanh và thị trường để phát hiện đánh giá và lựa chọn cơ hội đầu tư.

Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ.

- Có kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc theo nhóm (team work).

- Có kỹ năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học.

- Sử dụng tốt một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh và phần mềm chuyên dụng như phần mềm quản trị doanh nghiệp hợp nhất (AMIS).

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, đồng thời có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

- Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.

d) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

- Nhóm 1: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách; chuyên viên hoạch định, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực; quản lý thị trường và thương mại,...

- Nhóm 2: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị trí: trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu,... triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh cho mọi tổ chức thuộc chính phủ, phi chính phủ và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- Nhóm 3: Các doanh nghiệp sản xuất

Vị trí: có thể đảm nhận tốt các vị trí nhân viên/ trợ lý viên/ chuyên viên tại các bộ phận chức năng sau của doanh nghiệp:

+ Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh

+ Bộ phận quản trị dự án kinh doanh

+ Bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực

+ Bộ phận quản trị tác nghiệp

+ Bộ phận quản trị tài chính

+ Bộ phận quản trị chất lượng,...

Sau thời gian làm việc, tích lũy kinh nghiệm, có thể đảm nhận những vị trí cao cấp như: giám sát/quản lý/trưởng phòng/giám đốc tại các công ty trong nước và nước ngoài.

- Nhóm 4: Doanh nghiệp thương mại

Vị trí: làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp:

+ Bộ phận thuộc chức năng như marketing, bán hàng, logistics,...

+ Bộ phận nghiên cứu và dự báo thị trường,...

- Nhóm 5: Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Vị trí: sau khi tốt nghiệp người học có thể là chuyên viên có năng lực, có khả năng tự bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm để trở thành chuyên gia có trình độ cao, có năng lực tự chủ kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp.

e) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

***2.2.3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**:* 146 tín chỉ

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 106 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *70 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *27 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *9 tín chỉ*

2.2.4 Đối tượng tuyển sinh:

- Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định.

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở đào tạo.

Các đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo theo quy định của Chính phủ.

b) Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, người có công với cách mạng.

đ) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

e) Con nạn nhân chất độc màu da cam.

(Người dự thi thuộc đối tượng ở mục a) phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền).

Chính sách ưu tiên

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi cho môn cơ bản.

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của 1 đối tượng cao nhất.

2.2.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Thông tư số: 10/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28 tháng 04 năm 2017 ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học và Quyết định số:…/QĐ-ĐHKTKTCN ngày…tháng…năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học

2.2.6. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 4

Cách thức đánh giá thực hiện theo Thông tư số: 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18 tháng 03 năm 2021 ban hành quy chế trình đào tạo trình độ đại học và Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (quyết định số ……/QĐ-ĐHKTKTCN ngày ….. tháng ….. năm ….. của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

2.2.7. Nội dung chương trình:

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương **(40 tín chỉ)** *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*						
	7.1.1. Lý luận chính trị			**11**		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	Học phần giúp cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận và vận dụng một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.	LLCT	3	(33, 24, 90)	x
001536	1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	LLCT	2	(21, 18, 60)	x
001537	2. CNXH Khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội, những căn cứ lý luận khoa học để hiểu quan điểm, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lý giải và có thái độ thực tiễn xã hội nâng cao lòng tin vững chắc vào con đường đi lên chủ	LLCT	2	(21, 18, 60)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		nghĩa xã hội, con đường mà Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.				
000573	3. Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.	LLCT	2	(21, 18, 60)	x
001538	4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới.	LLCT	2	(21, 18, 60)	x
	7.1.2. Khoa học xã hội			**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân - gia đình và Luật Lao động.	KHCB	2	(26, 8, 60)	x
	7.1.3. Nhân văn - Nghệ thuật			**0**		
	7.1.4. Khoa học tự nhiên – Toán học			**7**		
001053	1. Đại số tuyến tính	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về: Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian véc tơ; Ánh xạ tuyến tính; Giá trị riêng, véc tơ riêng và dạng toàn phương.	KHCB	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
001102	2. Xác suất thống kê	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.	KHCB	3	(36, 18, 90)	x
001264	3. Quy hoạch tuyến tính	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các bài toán quy hoạch tuyến tính, các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính, quy hoạch tuyến tính đối ngẫu, bài toán toán vận tải và thuật toán thế vị, lý thuyết sơ đồ mạng và ứng dụng trong việc quản trị dự án theo thời gian.	KHCB	2	(26, 8, 60)	x
	7.1.5. Ngoại ngữ			**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	NN	4	(48,24,120)	x
	7.1.6. Kiến thức bổ trợ			**4**		

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
	1. Nhập môn Internet và E-learning	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về internet, E-learning, quy trình và phương pháp học tập e-learning. Thông qua đó, người học sẽ vận dụng các kiến thức và kỹ năng học e-learning để áp dụng cho các học phần sau một cách hiệu quả		3	(39, 12, 90)	x
000566	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các học thuyết kinh tế cơ bản thời kỳ cổ đại và trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Marx - Lenin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỳ XIX đến nay.	QTKD	2	(26, 8, 60)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHCB	1	(15, 0, 30)	
002151	4. Kỹ năng nhận thức bản thân	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về nhận thức bản thân.	KHCB	1	(15, 0, 30)	
7.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (106 tín chỉ)						
	7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			**27**		
	7.2.1.1. Kiến thức bắt buộc			*23*		
000564	1. Kinh tế vi mô	Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của	DLKS	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
		nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô				
000519	3. Văn hoá kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa kinh doanh như: triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, cách thức và kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa cho doanh nghiệp.	QTKD	2	(26, 8, 60)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về kế toán như: Khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc và đối tượng của kế toán; các phương pháp kế toán và vận dụng chúng vào hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp	KT	3	(39, 12, 90)	x
001201	5. Quản trị học	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và toàn diện về quản trị, nhà quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo và chức năng kiểm tra) và một số vấn đề trong quản trị học hiện đại.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001109	6. Tài chính tiền tệ	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính	TCNH	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính.	KT	3	(39, 12, 90)	x
000568	8. Pháp luật kinh tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm hai nội dung chính: - Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật kinh tế Việt Nam và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế - Những chế định cơ bản của Luật kinh tế Việt Nam: Pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật.	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001195	9. Kinh tế lượng	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về xây dựng, ước lượng, phân tích mô hình hồi quy một phương trình và sử dụng mô hình để dự báo khi biết giá trị của biến độc lập nhằm trợ giúp cho việc ra quyết định trong hoạt động kinh tế, kinh doanh. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ thuật sử dụng biến giả trong phân tích tác động của biến định tính đối với biến định lượng cũng như giúp người học hiểu rõ bản chất, hậu quả, cách phát hiện và biện pháp khắc phục các khuyết tật có thể gặp phải trong một mô hình hồi quy để từ đó có thể xây dựng được mô hình	DLKS	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		kinh tế lượng tốt nhất nhằm hỗ trợ một cách có hiệu quả trong việc ra quyết định quản lý ở tầm vĩ mô và vi mô.				
	7.2.1.2. Kiến thức tự chọn (tự chọn 4 tín chỉ)			*4*		
001269	10. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và phương pháp thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
002056	11. Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức kỹ năng về lãnh đạo và tổ chức quản lý	QTKD	2	(26, 8, 60)	
	7.2.2. Kiến thức chung của ngành			**54**		
	7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc			*39*		
001104	1. Marketing căn bản	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.	QTKD	3	(39, 12, 90	x
000497	2. Quản trị nhân lực	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các triết lý quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, bố trí và đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động.	QTKD	3	(39, 12, 90	x

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
000970	3. Quản trị tài chính	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: mức tiền mặt và tồn kho tối ưu,phân tích thông tin về chi phí để kiểm soát, các biện pháp tiết kiệm chi phí hạ giá thành, quản trị doanh thu và lợi nhuận trong doanh nghiệp, các chính sách tín dụng bán hàng, khai thác các nguồn tài trợ và đầu tư ngắn hạn hiệu quả nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai	QTKD	3	(39, 12, 90	x
001345	4. Thực tập quản trị nhân lực	Học phần trang bị những kỹ năng cơ bản và những ứng dụng thực tế trong doanh nghiệp về công tác quản trị nhân lực bao gồm: phân tích công việc, lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, bố trí nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá sự thực hiện công việc của người lao động, thù lao lao động và tìm hiểu Bộ luật lao động, giải quyết các mối quan hệ trong lao động.	QTKD	3	(0, 90, 90)	x
001349	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và dự báo thị trường, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích số liệu, ứng dụng số liệu phân tích vào dự báo nhu cầu thị trường và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu được trong các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, sẽ làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược tiếp theo của doanh nghiệp.	QTKD	2	(0, 60, 60)	x

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
000492	6. Quản trị hành chính văn phòng	Học phần quản trị hành chính văn phòng trang bị cho sinh viên những kiến thức về chức năng quản trị hành chính văn phòng, bao gồm hoạch định và tổ chức, điều hành và kiểm tra công việc hành chính văn phòng và các nghiệp vụ hành chính trong các văn phòng doanh nghiệp, bao gồm: công tác văn thư, công tác lưu trữ - hủy bỏ tài liệu, tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác lễ tân.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001426	7. Quản trị chiến lược	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược và các kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược (kế hoạch máy móc thiết bị, kế hoạch khoa học- công nghệ, kế hoạch lao động, kế hoạch vật tư, kế hoạch chi phí giá thành, kế hoạch vốn); đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định của doanh nghiệp.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001427	8. Quản trị sản xuất	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức và kiểm soát quá trình sản xuất trong doanh nghiệp, trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Ngoài phần giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất, học phần tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò và phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo nhu cầu sản phẩm; thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quá trình sản xuất; hoạch định công suất; định vị doanh nghiệp; bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ;	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		hoạch định tổng hợp; điều độ sản xuất; quản trị tồn kho và hoạch định nhu cầu vật tư.				
001392	9. Quản trị bán hàng	Nội dung học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Kỹ thuật bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001108	10. Thực tập Quản trị tài chính	Học phần vận dụng các kiến thức đã học ở học phần quản trị tài chính giúp sinh viên thành thạo trong việc quản lý vốn cố định, vốn lưu động; dự toán chi phí , giá thành, doanh thu, lợi nhuận, lập bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh. Xây dựng được các chính sách tín dụng bán hàng mang lại lợi ích kinh tế cao nhất. Phân tích khai thác các nguồn tài trợ và đầu tư ngắn hạn mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.	QTKD	3	(0, 90, 90)	x
001324	11. Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng; nắm được tình hình sử dụng các nguồn lực đầu vào; kiểm soát chi phí thông qua biến động giá thành sản phẩm; phân tích được quá trình tiêu thụ, lợi nhuận; hiểu được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo tài chính từ đó đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn, khả năng	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.				
001106	12. Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, marketing quốc tế, hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế, chiến lược sản xuất, quản trị các yếu tố của hoạt động kinh doanh quốc tế (nhân lực, vật tư, thiết bị công nghệ, tài chính), hợp đồng kinh doanh quốc tế.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
000480	13. Hệ thống thông tin quản lý	Học phần trang bị cho sinh viên khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh bằng các Hệ thống thông tin quản lý dựa trên cơ sở công nghệ thông tin một cách có hệ thống. Mặt khác, học phần đề cập đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cập nhật nhất về quản trị các Hệ thống thông tin quản lý, quản trị các nguồn lực và vấn đề an toàn hệ thống thông tin quản lý.	QTKD	2	(26, 8, 60)	x
001325	14. Thực tập quản trị sản xuất	Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất, tổ chức cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động quản trị sản xuất của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định quản trị vận hành theo những nội dung sau: dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm; phân tích và ra quyết định thiết kế và tổ chức hệ thống sản xuất; xây dựng kế hoạch tổng hợp; xây dựng kế hoạch điều độ sản xuất; quản trị tồn kho và xây dựng hệ thống hoạch định nhu cầu vật tư.	QTKD	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
	7.2.2.2. Kiến thức tự chọn			*15*		
001107	1. Quản trị Marketing	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về marketing và việc ứng dụng các chức năng quản trị vào lĩnh vực marketing gồm: Hoạch định chiến lược marketing; Quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Phân tích môi trường marketing; Phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Các chiến lược cạnh tranh và phát triển; Quản trị các chương trình marketing bao gồm Quản trị sản phẩm và thương hiệu, Quản trị giá bán sản phẩm Quản trị kênh phân phối và Quản trị truyền thông marketing tích hợp; Tổ chức thực hiện và kiểm tra marketing.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001373	2. Thực tập quản trị bán hàng	Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý bán hàng, xây dựng mục tiêu và tổ chức lực lượng bán hàng, triển khai bán hàng, đánh giá hiệu quả bán hàng và chăm sóc khách hàng.	QTKD	3	(0, 90, 90)	x
001105	3. Tin ứng dụng ngành QTKD	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các kiểu dữ liệu trên bảng tính, sắp xếp và đặt lọc dữ liệu, phân tích dữ liệu, tạo bảng tổng hợp để báo cáo, áp dụng các tính năng cao cấp có sẵn để giải một số bài toán tối ưu liên quan đến vật tư, nhân công và tiền lương dựa trên phần mềm bảng tính.	QTKD	3	(36, 18, 90)	x
001370	4. Quản trị chuỗi cung ứng	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng; các thành phần của chuỗi cung ứng và những đóng góp của các thành phần này vào hoạt động chung của chuỗi cung ứng; những chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động của một	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		chuỗi cung ứng, ý nghĩa của công nghệ thông tin trong hoạt động của chuỗi, từ đó người học có thể hiểu quản trị chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế và xu thế hội nhập quốc tế trên thế giới hiện nay. Học phần tập trung nghiên cứu sâu về các thành phần của chuỗi cung ứng bao gồm hoạch định, cung ứng và thu mua, sản xuất và phân phối; logistics và vai trò của logistics trong chuỗi cung ứng; các nhóm chỉ số đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng.				
002062	5. Quản trị đổi mới sáng tạo	Học phần bao gồm những nội dung chính sau: Căn bản về đổi mới sáng tạo thông qua việc tập trung giải thích các khái niệm chính liên quan đến đổi mới sáng tạo và quản trị đổi mới sáng tạo theo quá trình. Đồng thời phân tích vai trò của đổi mới sáng tạo đối với hoạt động kinh doanh và các mô hình đổi mới sáng tạo. Chiến lược đổi mới sáng tạo thông qua việc cung cấp kiến thức về chiến lược đổ mới sáng tạo; đặc điểm cũng như ưu thế và hạn chế của từng loại hình chiến lược đổi mới để từ đó lựa chọn các chiến lược đổi mới cho doanh nghiệp; nội dung các bước cơ bản của mô hình chiến lược đổi mới trong doanh nghiệp; lựa chọn được các chiến lược đổi mới để đạt mục tiêu. Thiết kế và phát triển sản phẩm để đổi mới sáng tạo dựa trên khai thác những kiến thức về thiết kế và phát triển sản	QTKD	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		phẩm mới như quan điểm của các nhà quản trị công nghệ và quản trị đổi mới; công cụ và kỹ thuật cần thiết trong quá trình này như công cụ và kỹ thuật truyền thông, công cụ và kỹ thuật phát triển sản phẩm mới bền vững và công cụ đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án thiết kế, phát triển sản phẩm mới. Quy trình và thương mại hóa cho đổi mới sáng tạo dựa trên những kiến thức, mô hình căn bản về Thương mại hóa cho sản phẩm đổi mới: quá trình thương mại hóa cho đổi mới trải qua những bước nào, với các sản phẩm đổi mới khác nhau, doanh nghiệp nên lựa chọn các mảng thị trường nào để có thể cạnh tranh. Đồng thời học phần cung cấp cho người học các chiến lược, công cụ cần thiết để tiến hành hoạt động thương mại hóa cho các sản phẩm/dịch vụ đổi mới.				
	7.2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modun)			**25**		
	7.2.3.1. Modun 1: Quản trị kinh doanh			*25*		
001254	1. Quản trị chất lượng	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm/dịch vụ, quản trị chất lượng và hệ thống quản trị chất lượng trong doanh nghiệp, kiểm soát quá trình quản trị chất lượng trong doanh nghiệp, trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống quản trị chất lượng tối ưu. Ngoài phần giới thiệu tổng quan về quản trị chất lượng, học phần tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò và phương pháp thực hiện các nội dung: Tổng quan về chất lượng sản phẩm/dịch vụ; Quá trình phát triển quản lý chất	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		lượng; Hệ thống quản lý chất lượng; Kiểm tra và đánh giá chất lượng; Các công cụ thống kê sử dụng trong quản lý chất lượng; Một số kỹ thuật quản trị chất lượng hiện đại.				
001253	2. Quản trị dự án	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị dự án, từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc dự án. Trong giai đoạn khởi xướng dự án bao gồm các vấn đề như xem xét đánh giá để lựa chọn dự án, thiết kế tổ chức dự án. Trong giai đoạn tổ chức thực hiện dự án bao gồm việc lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực, tìm hiểu và nhận diện các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án để kiểm soát và quản lý rủi ro một cách tốt nhất và giai đoạn cuối cùng là kết thúc dự án.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược theo những nội dung sau: sản xuất, tiêu thụ và tài chính.	QTKD	2	(0, 60, 60)	x
001893	4. Thực tập mô phỏng chiến lược	Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học của học phần lý thuyết "Quản trị chiến lược" vào thực tiễn thông qua các nội dung cụ thể: nhận diện chiến lược doanh nghiệp đang theo đuổi; phân tích và lựa chọn chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp; đề xuất các chính sách quan trọng phục vụ cho việc tổ chức thực hiện chiến lược; xây dựng	QTKD	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		các kế hoạch bộ phận để hỗ trợ triển khai một ý tưởng kinh doanh cụ thể.				
000899	Thực Tập Cuối Khóa	Học phần trang bị cho người học kinh nghiệm ứng dụng những lý thuyết quản trị kinh doanh trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp, cụ thể như: Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); Đánh giá cơ cấu tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay; Mô tả và đánh giá các hoạt động quản trị của doanh nghiệp theo các chức năng: Tài chính, Sản xuất, Chất lượng, Marketing, Nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp.	QTKD	5	(0, 300, 0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp**	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận	**QTKD**	**9**	**(0/540/0)**	**x**

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.				
001288	5. Thương mại điện tử	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các mô hình kinh doanh TMĐT, phân tích khách hàng trên mạng, E-marketing và E-payment, nghiên cứu thị trường thương mại điện tử, phòng chống các rủi ro khi tham gia thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh TMĐT (qua 3 phần mềm CRM, SCM, ERP), cơ sở pháp lý để phát triển TMĐT và một số vấn đề kỹ thuật trong TMĐT.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001612	6.Quản trị thương hiệu	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về thương hiệu, chiến lược xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu, quản trị danh mục thương hiệu, các vấn đề về định giá thương hiệu và bảo vệ thương hiệu trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay ở Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn cập nhật thêm các kiến thức về thương hiệu trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001289	7.Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức về giao tiếp của con người trong lĩnh vực kinh tế; nghiên cứu những hành vi và kỹ năng trong giao tiếp; nghiên cứu hoạt động đàm phán trong kinh doanh, những kỹ thuật tổ chức đàm phán. Nắm được cách thức làm việc theo nhóm; những phương pháp và phong cách lãnh đạo, các kỹ năng lãnh đạo nhằm mang lại thành công trong công việc nói chung và cả trong giao dịch kinh doanh nói riêng. Từ đó khái quát hóa lý luận	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		thành chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật giao dịch, đàm phán.				
	7.2.3.2. Modun 2: Quản trị Marketing			*25*		
001611	1. Marketing quốc tế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản Marketing quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, Môi trường Marketing quốc tế, Chiến lược thâm nhập thị trường thế giới, Chiến lược cạnh tranh quốc tế, Chiến lược 4P quốc tế, Tổ chức hoạt động Marketing quốc tế.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001610	2. Nghiên cứu Marketing	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cốt lõi nhằm tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu Marketing thông qua việc thiết kế, triển khai thực hiện một dự án nghiên cứu Marketing nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ra các quyết định của nhà quản trị Marketing. Học phần sẽ trình bày quy trình thực hiện dự án nghiên cứu, bao gồm: Phát hiện vấn đề và xác định mục tiêu nghiên cứu, thiết kế dự án nghiên cứu, thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu, báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001609	3. Thực tập E-Marketing (Marketing điện tử)	Học phần Thực tập Marketing điện tử tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ E-marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các hoạt động marketing trên môi trường kỹ	QTKD	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		thuật số, hành vi khách hàng và các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động E- marketing.				
000516	4. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược theo những nội dung sau: sản xuất, tiêu thụ và tài chính.	QTKD	2	(0, 60, 60)	x
000899	**Thực Tập Cuối Khóa**	Học phần trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng những lý thuyết về quản trị Marketing trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp bao gồm: xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); đánh giá cơ cấu tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; đánh giá chung tình hình kinh doanh của doanh nghiệp; mô tả và đánh giá các hoạt động quản trị marketing của doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, ngoài việc ứng dụng các kiến thức đã học và tự trang bị trong thực tế để giải quyết các vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp, sinh viên cần hiểu sâu cơ cấu tổ chức và nắm rõ được sự vận hành của doanh nghiệp trong nhằm đáp ứng khả năng hội nhập nhanh với thực tế ở doanh nghiệp khi đi làm việc chính thức. Kết thúc đợt thực tập, sinh viên sẽ có các kiến thức học thuật về chuyên	QTKD	5	(0, 300, 0)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		ngành đào tạo và kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để sẵn sàng làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức.				
001604	**Khóa luận tốt nghiệp**	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.	QTKD	**9**	**(0/540/0)**	**x**
001423	5. Quản trị quan hệ khách hàng	Môn học nghiên cứu tổng thể về quản trị quan hệ khách hàng (CRM) gồm chiến lược, những đo lường marketing, tổ chức, sử dụng cơ sở dữ liệu khách hàng... Qua việc phối hợp lý thuyết và thực hành, môn học giúp sinh viên trả lời được các câu hỏi như: Thế nào là CRM? CRM giúp ta đạt được gì và đạt được như thế nào? Cách thức thực hiện chiến lược CRM trong tổ chức?	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
001608	6. Truyền thông marketing tích hợp	Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing, bao gồm: bản chất của quá trình truyền thông marketing, những yếu tố chi phối đến quá trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình chung xây dựng và quản lý hoạt động tuyền thông, nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông. Học phần cũng nghiên cứu các quy trình xây dựng, thực hiện và đánh giá yếu tố cấu thành truyền thông marketing của doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, thực hiện và đánh giá hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001287	7. Marketing dịch vụ	Học phần Marketing dịch vụ cung cấp những kiến thức sau: tổng quan về ngành dịch vụ, phân tích đặc điểm của ngành công nghiệp dịch vụ, hệ thống sản xuất cung ứng dịch vụ, chất lượng dịch vụ và chiến lược Marketing hỗn hợp dịch vụ (7P: Products, Place, Promotion, Prices, People, Process, Provision of customer service).	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
	7.2.3.3. Modun 3: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			**25**		
000516	1. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược theo những nội dung sau: sản xuất, tiêu thụ và tài chính.	QTKD	2	(0, 60, 60)	x
001607	2. Quản trị Logistics	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về logistics và quản trị logistics. Ngoài	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
		ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động quản trị logistics một cách hệ thống tại doanh nghiệp, đồng thời giúp cho các nhà quản trị tại doanh nghiệp có thể ứng dụng linh hoạt các hoạt động này; trong điều kiện môi trường kinh doanh trong thời kỳ hội nhập hiện nay.				
001606	3. Cơ sở hạ tầng logistics	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn về cơ sở hạ tầng Logistics như hệ thống giao thông vận tải, kho bãi và hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông. Đây là những nhân tố nền tảng, tạo cơ sở hoạt động và tác động trực tiếp đến hệ thống dịch vụ Logistics ngay từ thời kỳ đầu của quá trình phát triển.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001605	4. Thực tập quản trị chuỗi cung ứng	Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, tổ chức cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định quản trị chuỗi cung ứng theo những nội dung sau: Phân tích đánh giá quy trình hoạch định của chuỗi cung ứng; Phân tích đánh giá hiệu quả quy trình cung ứng và mua hàng; Phân tích đánh giá quy trình sản xuất; Phân tích đánh giá quy trình phân phối; Phân tích hoạt động logistics trong chuỗi cung ứng; Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.	QTKD	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	***Học phần***	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	***Khoa/Bộ môn thực hiện***	***Số tín chỉ***	***Khối lượng kiến thức*** (LT,TH/TL, Tự học)	***Ghi chú***
000899	**Thực Tập Cuối Khóa**	Học phần giúp người học khả năng gắn lý thuyết với thực hành, làm quen với môi trường thực tế qua nghiên cứu và thực tập tại các cơ sở thực tập có liên quan đến lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng dưới sự phối hợp hướng dẫn giữa cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn.	QTKD	5	(0, 300, 0)	x
001604	**Khóa luận tốt nghiệp**	Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.	QTKD	**9**	**(0/540/0)**	**x**
001603	5. Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế với các phương thức vận tải quốc tế khác nhau như vận chuyển bằng đường biển, đường hàng	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	*Học phần*	*Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)*	*Khoa/Bộ môn thực hiện*	*Số tín chỉ*	*Khối lượng kiến thức* (LT,TH/TL, Tự học)	*Ghi chú*
		không, đường bộ...; quy trình giao nhận hàng hóa quốc tế ...				
001602	6. Logistics trong thương mại điện tử	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics trong thương mại điện tử	QTKD	3	(39, 12, 90)	x
001601	7. Quản trị rủi ro	Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro và quản lý rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các nội dung và phương pháp chủ yếu về nhận dạng, phân tích, đo lường và các vấn đề thiết yếu về kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro dự án; quản trị rủi ro tài trợ và quản lý một số loại hình rủi ro khác.	QTKD	3	(39, 12, 90)	x

Ghi chú:

Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

Các học phần lý thuyết ký hiệu kết cấu N(a,b,c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: a (với a=Nx(15-d)) – trong đó d là số buổi thảo luận/TH của học phần (khuyến nghị d lấy bằng N), học phần giảng dạy trong 15 buổi.
- Số tiết thảo luận, Thực hành môn học của HP (TL): b (b=dxN)
- Số giờ sinh viên tự học: c (với c=Nx30)

Các học phần thực hành ký hiệu kết cấu N(0,b, c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b=60xN)
- Số giờ chuẩn bị cá nhân: c (c= Nx30)

Học phần thực tập cuối khóa ký hiệu kết cấu N(0,b,0) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N

- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b=60xN)

2.2.8. Hướng dẫn thực hiện

a) Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

▫ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

▫ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

▫ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình: Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học ngày 28/04/2017; các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

b) Danh sách giảng viên giảng dạy:

	Tên học phần	**Số lượng TC**	**Số tiết**		**Giảng viên**	**Học kì**	**Ghi chú**
			LT	**TH TL**	**Họ tên, học hàm, học vị**		
(1)	***(2)***	***(3)***	***(4)***	***(5)***	***(6)***	***(7)***	***(8)***
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ							
1.1. Lý luận chính trị		**13**					
1	Triết học Mac-Lênin	3	33	24	ThS. Mai Chi, ThS. Nguyễn Văn Bảng; ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Phan Thị Hương; ThS. Phạm Thị Thanh Hằng; ThS. Đỗ Thị Trang; ThS. Đoàn Thị Hiền; ThS. Đinh Thị Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS.	1	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
					Trần Thị Hương; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Luyến		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18	ThS. Nguyễn Thị Hiền, ThS. Nguyễn Văn Bảng TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Mai Chi; ThS. Phan Thị Hương; ThS. Phạm Thị Thanh Hằng; ThS. Đỗ Thị Trang; ThS. Đoàn Thị Hiền; ThS. Đinh Thị Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Trần Thị Hương; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Luyến	3	
3	CNXH Khoa học	2	21	18	ThS. Nguyễn Văn Bảng, ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Bùi Thanh Thủy; ThS. Mai Chi; ThS. Phan Thị Hương; ThS. Phạm Thị Thanh Hằng; ThS. Đỗ Thị Trang; ThS. Đoàn Thị Hiền; ThS. Đinh Thị Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Trần Thị Hương; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Luyến	4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	ThS. Ngô Thị Mai, TS. Lê Thị Lý, ThS. Hoàng Thị Thu Thủy, ThS. Ninh Văn Hùng, ThS. Lại Thị Thùy Linh	5	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18	GVC-ThS. Nguyễn Thị Thu Hà, ThS. Trần Thị My, ThS. Đào Thanh Bình, ThS. Nguyễn Thị Minh	6	
1.2. Khoa học xã hội		**2**					
1	Pháp luật đại cương	2	21	18	Ths. Trần Thị Thu Hằng,Ths. Trần Mạnh Toàn; Ths. Phạm Thị Thúy, Ths. Hà Diệu Hằng.	4	
1.3. Nhân văn – Nghệ thuật		**0**					

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1.4. Kiến thức toán và khoa học cơ bản		**7**					
1	Đại số tuyến tính	2	26	8	TS. Phạm Văn Bằng, TS. Lê Xuân Huy, Lê Thanh Sơn, ThS. Cao Thị Thanh Xuân, ThS. Lê Lệ Hằng, ThS. Hà Thị Thanh, ThS. Trần Văn Toàn, ThS. Vũ Thị Ngọc.	3	
2	Xác suất - Thống kê	3	38	18	ThS. Trần Chí Lê, TS. Trần Thị Hoàng Yến, TS. Chu Bình Minh, ThS. Hà Anh Dũng, ThS. Nguyễn Hạnh Lê, ThS. Trần Thị Kim Thanh, ThS. Ngô Thị Toán, ThS. Hà Thị Thanh , ThS. Lê Lệ Hằng	1	
3	Quy hoạch tuyến tính	2	26	8	Ths. Hà Anh Dũng, TS. Trần Thị Hoàng Yến, Ths. Chu Bình Minh, Ths. Trần Chí Lê, Ths. Trần Thị Kim Thanh, Ths. Ngô Thị Toán, Ths. Nguyễn Thị Hạnh Lê, Ths. Cao Thị Thanh Xuân	2	
1.5. Ngoại ngữ		**16**					
1	Tiếng Anh 1	4	48	24	ThS. Phạm Hồng Nhung và các giảng viên khoa ngoại ngữ	2	
2	Tiếng Anh 2	4	48	24	TS. Nguyễn Thu Hà và các giảng viên khoa ngoại ngữ	3	
3	Tiếng Anh 3	4	48	24	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương và các giảng viên khoa ngoại ngữ	4	
4	Tiếng Anh 4	4	48	24	ThS. Lê Anh Thư và các giảng viên khoa ngoại ngữ	5	
1.6. Kiến thức bổ trợ tự chọn		**4**					
1	Nhập môn internet và E-learning	3	39	12			
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	28	6	ThS. Nguyễn Thị Hoài, ThS. Trần Thị Thanh Thủy, ThS. Nguyễn Thị Trang, ThS. Nguyễn Phương Linh, ThS. Nguyễn Thị Hạnh, ThS. Trần Đăng Quân	1	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
3	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	15	0	TS Vũ Thị Nguyệt, Ths Hồ Thị Phương	7	
4	Kỹ năng nhận thức bản thân	1	15	0	TS Vũ Thị Nguyệt, Ths Hồ Thị Phương	3	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **106 tín chỉ**							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 28 tín chỉ.							
2.1.1 Kiến thức bắt buộc		**23**					
1	Kinh tế vi mô	2	26	8	Ths. Lê Kim Anh, Ths. Phương Mai Anh ; TS. Lê Thị Kim Chi,Ths. Phạm Thị Thùy Linh, Ths. Nguyễn Hương Liên, Ths. Lê Thị Vân Anh, Ths. Phạm Thị Thu Hà ; Ths. Trần Tuệ An ; Ths. Phạm Thị Thanh Tân ; Ths. Trần Thị Thu Huyền ; Ths. Phạm Quang Khánh ; Ths. Nguyễn Thị Hệ ; Ths. Nguyễn Thị Thu Trang ; Ths. Vũ Quang Hưng ; Ths. Nguyễn Ngọc Minh	1	
2	Kinh tế vĩ mô	2	26	8	Ths. Phương Mai Anh, TS. Lê Thị Kim Chi ; Ths. Lê Kim Anh, Ths. Phạm Thị Thùy Linh, Ths. Nguyễn Hương Liên, Ths. Lê Thị Vân Anh, Ths. Phạm Thị Thu Hà ; Ths. Trần Tuệ An ; Ths. Phạm Thị Thanh Tân ; Ths. Trần Thị Thu Huyền ; Ths. Phạm Quang Khánh ; Ths. Nguyễn Thị Hệ ; Ths. Nguyễn Thị Thu Trang ; Ths. Nguyễn Đình Thống ; Ths. Vũ Quang Hưng ; Ths. Nguyễn Ngọc Minh ; Ths. Đỗ Thị Phượng	2	
3	Văn hóa kinh doanh	2	26	8	ThS.Trần Thọ Khải, TS.Lưu Khánh Cường, ThS.Nguyễn Thị Hương, ThS Đỗ Thu Trang , ThS Vũ Ngọc Tuấn, ThS.Mai Hoàng Thịnh, ThS.Nguyễn Văn Kỷ	1	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
4	Lý thuyết hạch toán kế toán	3	39	12	ThS. Vũ Thị Thanh Tâm, TS. Hoàng Thu Hiền, TS. Trần Thị Thắm, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà, ThS. Nguyễn Thị Thọ, ThS. Vũ Thị Duyên, ThS. Vũ Thị Diệp, ThS. Hoàng Thị Hường, ThS. Lê Thị Hòa, ThS. Đinh Thị Thuỳ Liên, ThS. Chu Thị Thảo, ThS. Đỗ Thị Thanh Tâm, ThS. Nguyễn Thị Hoàn	2	
5	Quản trị học	3	39	12	ThS. Vũ Văn Giang, TS. Nguyễn Thị Chi, Th.S Vũ Đình Chuẩn, Th.S Vũ Đại Đồng, Th.S Nguyễn Thúy Hải, Th.S Phạm Trung Hải, Th.S Trần Thị Minh Hải, Th.S Nguyễn Thị Hạnh, Th.S Nguyễn Thị Thanh Hoa, Th.S Trần Mạnh Hùng, Th.S Đỗ Thị Thu Hương, Th.S Nguyễn Thị Thu Hương, Th.S Lê Thị Huyền, Th.S Lưu Huỳnh, Th.S Nguyễn Văn Kỷ	1	
6	Tài chính tiền tệ	3	39	12	Ts. Mai Tuấn Anh, ThS. Đỗ Thị Thu Quỳnh, ThS. Đỗ Thị Kim Thu, ThS.Nguyễn Thị Bích Ngọc, ThS. Lê Minh Trang, ThS. Nguyễn Thành Trung, ThS. Lý Thị Thúy, ThS. Trương Ngọc Chân	2	
7	Kế toán doanh nghiệp	3	39	12	Ths. Phạm Thị Thùy Vân, TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan, TS. Nguyễn Hồng Anh, Ths. Trần Thị Thanh Thúy, Ths. Trần Bích Nga, Ths. Vũ Thị Vân Anh, Ths.Nguyễn Thị Hải Vân, Ths. Nguyễn Thúy Hằng, Ths. Đặng Thị Mây, Ths. Phạm Thị My,Ths. Đỗ Thị Tuyết, Ths. Lê Minh Thành, Ths. Nguyễn Hoàng Giang, Ths. Cao Thị Thanh Hường, Ths. Nguyễn Thanh Hoài	3	
8	Pháp luật kinh tế	2	26	8	ThS. Phạm Thị Ngoan, ThS. Nguyễn Thuỵ Phương, ThS. Dương Thanh Tùng; ThS. Trần Văn Tài; ThS. Phạm Xuân Phú Th.S	5	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
					Trần Thị Thu Huyền; Th.S Phạm Thị Thanh Tân.		
9	Kinh tế lượng	3	39	12	Ths. Đỗ Thị Phượng, Ths. Nguyễn Thị Thanh Hoa	3	
2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn ít nhất 1 học phần)		**4**					
1	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	26	8	Ths. Hà Thị Thu Thủy, ThS Trần Tuấn Anh, ThS. Trần Mạnh Tiến, ThS. Hà Thị Thu Thủy, ThS. Nguyễn Thị Dung, Ths. Phạm Thanh Bình; Ths. Nguyễn Thị Thanh Hoa; Ths. Trần Tố My; CN. Đoàn Trần Nguyên; Ths. Đỗ Thị Phượng	2	
2	Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	2	26	8	TS Lưu Khánh Cường, TS Đoàn Kim Thêu, Ths. Trần Việt Dũng	4	
2.2. Kiến thức chung của ngành: 54 tín chỉ							
Các học phần bắt buộc		***39***					
1	Marketing căn bản	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, TS Lưu Khánh Cường, Ths. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Đỗ Thị Thu Hương, Ths. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Ths. Nguyễn Thị Giang, Ths. Vũ Ngọc Tuấn, Ths. Nguyễn Phương Linh; Ths. Nguyễn Thị Huyền; Ths Trần Đăng Quân; Ths. Nguyễn Thị Hoài	2	
2	Quản trị nhân lực	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Thu, Ts. Đoàn Kim Thêu, ThS. Trần Thị Vân, ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Vũ Huy Giang, ThS. Trần Thị Minh Hải, ThS. Nguyễn Hưng, Ths. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Vũ Đình Chuẩn, Ths. Bùi Thị Xuân.	4	
3	Quản trị tài chính	3	39	12	ThS. Phan Thị Minh Phương, TS. Nguyễn Thị Chi, ThS. Lê Thị Huyền, ThS. Lưu	5	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
					Huỳnh, ThS. Nguyễn Thị Xuân, ThS.Trần Thùy Linh, ThS. Trần Thị Hằng, ThS. Nguyễn Văn Hải		
4	Thực tập quản trị nhân lực	3	0	902	ThS. Nguyễn Thị Thu, Ts. Đoàn Kim Thêu, ThS. Trần Thị Vân, ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Vũ Huy Giang, ThS. Trần Thị Minh Hải, ThS. Nguyễn Hưng, Ths. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Vũ Đình Chuẩn, Ths. Bùi Thị Xuân.	5	
5	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và Dự báo thị trường	2	0	60	TS. Lưu Khánh Cường, TS. Nguyễn Thị Phượng, ThS. Nguyễn Thị Hoài, Ths. Vũ Ngọc Tuấn, ThS. Trần Thọ Khải, Th.S. Trần Thị Thanh Thủy	5	
6	Quản trị hành chính văn phòng	3	39	12	ThS. Nguyễn Văn Hải, ThS. Hoàng Thị Chuyên, ThS. Nguyễn Thị Thu, ThS. Lê Thị Ánh, ThS. Trần Thị Hằng	4	
7	Quản trị chiến lược	3	39	12	ThS. Hoàng Thị Chuyên, Ths. Hoàng Thị Chuyên, TS. Nguyễn Thị Chi, Ths. Mai Thị Lụa, Ths.Trần Thị Vân, Ths.Lê Thị Ánh, Ths.Phạm Thanh Thảo, Ths. Phạm Hương Thanh, Ths.Lê Thị Huyền, Ths.Phạm Vũ Tuân, Ths. Nguyễn Thanh Sơn	7	
8	Quản trị sản xuất	3	39	12	ThS. Phạm Trung Hải, ThS. Nguyễn Tiến Mạnh, ThS. Nguyễn Văn Hưng, ThS. Vũ Huy Giang, ThS. Phan Thị Minh Phương, ThS. Vũ Đại Đồng, ThS. Nguyễn Thị Thu.	6	
9	Quản trị bán hàng	3	39	12	Ths. Nguyễn Thị Hạnh, TS. Nguyễn Thị Phượng, Ths. Nguyễn Thị Hương, Ths. Trần Sỹ Định, Ths. Đan Thu Vân, Ths. Đỗ Thị Hường	6	
10	Thực tập Quản trị tài chính	3	0	90	Ths Phan Thị Minh Phương, TS. Nguyễn Thị Chi, ThS. Lê Thị Huyền, ThS. Lưu Huỳnh, ThS. Nguyễn Thị Xuân, ThS.Trần Thùy Linh, ThS. Trần Thị Hằng, ThS. Nguyễn Văn Hải, ThS. Nguyễn Thanh Sơn	6	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
11	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	39	12	Ths. Mai Thị Lụa, TS. Nguyễn Thị Chi, TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang, ThS. Trần Thùy Linh, ThS. Phạm Thanh Thảo, ThS. Phan Thị Minh Phương, ThS. Phạm Vũ Tuân, ThS. Đặng Thị Thu Phương	7	
12	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	39	12	ThS. Trần Mạnh Hùng, ThS. Nguyễn Thị Thu Hương, ThS. Vũ Thị Kim Thanh, ThS. Đỗ Thị Thu Trang, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, ThS. Nguyễn Viết Bình	5	
13	Hệ thống thông tin quản lý	2	26	8	ThS. Vũ Văn Giang, Ths. Lê Thị Ánh, Ths. Vũ Huy Giang, Ths. Nguyễn Văn Hưng, Ths. Lưu Huỳnh, Ths. Trần Thùy Linh, Ths. Phạm Thanh Thảo	4	
14	Thực tập quản trị sản xuất	3	0	90	ThS. Phạm Trung Hải, ThS. Nguyễn Tiến Mạnh, ThS. Nguyễn Văn Hưng, ThS. Vũ Huy Giang, ThS. Phan Thị Minh Phương, ThS. Vũ Đại Đồng, ThS. Nguyễn Thị Thu.	7	
Các học phần tự chọn		**15**					
1	Quản trị Marketing	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, ThS. Đỗ Thị Thu Hương, ThS. Trần Huy Bình, ThS. Nguyễn Thị Giang, ThS Nguyễn Thị Hoài.	4	
2	Thực tập quản trị bán hàng	3	0	90	Ths. Nguyễn Thị Hạnh, TS. Nguyễn Thị Phượng, Ths. Nguyễn Thị Hương, Ths. Trần Sỹ Định, Ths. Đan Thu Vân, Ths. Đỗ Thị Hường	7	
3	Tin ứng dụng ngành QTKD	3	36	18	Ths. Hoàng Hiếu Thảo, ThS. Mai Hoàng Thịnh, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, ThS. Đỗ Thị Hường, ThS. Nguyễn Văn Kỷ, ThS Nguyễn Thị Thu Hương	3	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
4	Quản trị chuỗi cung ứng	3	39	12	Ths. Nguyễn Thị Huyền, Ths. Nguyễn Thị Huyền, Ths. Nguyễn Thị Hoài, Ths. Nguyễn Phương Linh, Ths. Trần Huy Bình, Ths. Nguyễn Thúy Hải	7	
5	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	39	12	ThS. Phạm Trung Hải, ThS. Nguyễn Tiến Mạnh	6	
2.2.2. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Modun)*: **25** tín chỉ							
Modul 1: Quản trị kinh doanh						*25*	
1	Quản trị chất lượng	3	39	12	ThS. Vũ Đình Chuẩn, ThS.Phạm Trung Hải, ThS. Trần Thị Minh Hải, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh, ThS. Nguyễn Văn Hưng, ThS. Lê Thị Huyền, ThS. Trần Thị Hằng, ThS.Đặng Thị Thu Phương	7	
2	Quản trị dự án	3	39	12	ThS. Nguyễn Tiến Mạnh, ThS. Vũ Đại Đồng; ThS. Lưu Huỳnh; ThS.Nguyễn Thị Thu Trang; ThS.Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Phạm Vũ Tuân; ThS.Vũ Văn Giang; ThS.Nguyễn Hưng.	7	
3	Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	2	0	60	ThS. Mai Thị Lụa, TS. Nguyễn Thị Chi, TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang, ThS. Trần Thùy Linh, ThS. Phạm Thanh Thảo, ThS. Phan Thị Minh Phương, ThS. Phạm Vũ Tuân, ThS. Đặng Thị Thu Phương	8	
4	Thực tập mô phỏng chiến lược	3	0	90	ThS. Hoàng Thị Chuyên, ThS. Hoàng Thị Chuyên; TS. Nguyễn Thị Chi, ThS. Trần Thị Vân; ThS. Mai Thị Lụa; ThS. Phạm Vũ Tuân; ThS. Phạm Thanh Thảo; ThS. Phạm Hương Thanh; ThS. Lê Thị Ánh; ThS. Lê Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thanh Sơn.	8	
5	Thực Tập Cuối Khóa	**5**	0	300	TS. Lưu Khánh Cường, TS.Nguyễn Thị Chi; TS.Nguyễn Thị Phượng; TS.Đoàn Kim Thêu; ThS.Mai Thị Lụa; ThS.Nguyễn Tiến Mạnh; ThS.Phạm Trung Hải; ThS. Nguyễn Thị Minh	8	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
					Hương; ThS. Hoàng Thị Chuyên; ThS. Trần Mạnh Hùng, ThS Nguyễn Thị Thu		
6	**Khóa luận tốt nghiệp**	**9**	0	540	Ts. Nguyễn Thị Chi, GV đủ điều kiện hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp	8	
7	Thương mại điện tử	3	39	12	Ths. Mai Hoàng Thịnh, Ths. Hoàng Hiếu Thảo, Ths. Nguyễn Thị Thanh Hoa, Ths. Nông Mai Thanh, Ths. Nguyễn Thị Thu Hương, Ths. Đỗ Thị Hường, Ths. Trần Sĩ Định	8	
8	Quản trị thương hiệu	3	39	12	ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Vũ Ngọc Tuấn	8	
9	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	39	12	ThS. Trần Thị Thanh Thủy, TS. Lưu Khánh Cường, ThS. Nguyễn Thúy Hải, ThS. Nguyễn Thị Trang, ThS Vũ Ngọc Tuấn	8	
Modul 2: Quản trị Marketing						*25*	
1	Marketing quốc tế	3	39	12	ThS. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Đỗ Thị Thu Hương, Ths. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Ths. Nguyễn Thị Trang, Ths. Trần Thọ Khải.	7	
2	Nghiên cứu Marketing	3	39	12	TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Trần Việt Dũng	7	
3	Thực tập E-Marketing (Marketing điện tử)	3	0	90	ThS. Nguyễn Phương Linh, TS. Lưu Khánh Cường, Ths. Nguyễn Thị Minh Hương, Ths. Nguyễn Thị Huyền, Ths. Đỗ Thị Thu Hương	8	
4	Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	2	0	60	ThS. Mai Thị Lụa, TS. Nguyễn Thị Chi, TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang, ThS. Trần Thùy Linh, ThS. Phạm Thanh Thảo, ThS. Phan Thị Minh Phương, ThS. Phạm Vũ Tuân, ThS. Đặng Thị Thu Phương	8	
5	**Thực Tập Cuối Khóa**	**5**	0	300	TS. Đoàn Kim Thêu, TS. Lưu Khánh Cường, TS. Nguyễn Thị Chi, TS. Nguyễn Thị Phượng, ThS. Nguyễn Thị Minh	8	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
					Hương, ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Phạm Trung Hải, ThS. Mai Thị Lụa, ThS. Hoàng Thị Chuyên, ThS Trần Mạnh Hùng, ThS. Nguyễn Thị Huyền.		
6	**Khóa luận tốt nghiệp**	**9**	0	540	Ts Đoàn Kim Thêu, GV đủ điều kiện hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp	8	
7	Quản trị quan hệ khách hàng	3	39	12	Ths Vũ Thị Kim Thanh, Ths Nguyễn Viết Bình; Ths Nguyễn Phương Linh	8	
8	Truyền thông marketing tích hợp	3	39	12	ThS. Nông Mai Thanh, ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Minh, ThS. Trần Huy Bình, ThS. Nguyễn Thị Giang.	8	
9	Marketing dịch vụ	3	39	12	ThS. Trần Việt Dũng, TS. Nguyễn Thị Phượng, ThS. Trần Thọ Khải, ThS. Nguyễn Thị Hương	8	
Modul 3: Logistic và quản lý chuỗi cung ứng						*25*	
1	Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	2	0	60	ThS. Mai Thị Lụa, TS. Nguyễn Thị Chi, TS. Đoàn Kim Thêu, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang, ThS. Trần Thùy Linh, ThS. Phạm Thanh Thảo, ThS. Phan Thị Minh Phương, ThS. Phạm Vũ Tuân, ThS. Đặng Thị Thu Phương	8	
2	Quản trị Logistics	3	39	12	ThS. Trần Thị Thanh Thủy, ThS. Nguyễn Thị Thu	7	
3	Cơ sở hạ tầng logistics	3	39	12	ThS. Vũ Văn Giang, ThS. Lê Thị Ánh	7	
4	Thực tập quản trị chuỗi cung ứng	3	0	90	ThS. Nguyễn Thị Huyền	8	
5	**Thực Tập Cuối Khóa**	**5**	0	300	ThS. Phạm Trung Hải, TS. Lưu Khánh Cường, TS. Đoàn Kim Thêu, TS. Nguyễn Thị Chi, TS. Nguyễn Thị Phượng, ThS. Trần Mạnh Hùng, ThS. Nguyễn Thị	8	

	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
					Huyền, ThS. Nguyễn Thị Hoài, ThS. Trần Thị Thanh Thủy, ThS. Vũ Văn Giang		
6	**Khóa luận tốt nghiệp**	**9**	0	540	TS. Đoàn Kim Thêu	8	
7	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	3	39	12	ThS. Trần Thị Hằng, ThS. Bùi Thị Xuân, ThS. Đặng Thị Thu Phương	8	
8	Logistics trong thương mại điện tử	3	39	12	ThS. Trần Thị Kim Phượng, ThS. Vũ Đình Chuẩn; ThS.Nguyễn Văn Hải	8	
9	Quản trị rủi ro	3	39	12	ThS. Nguyễn Văn Hưng, ThS. Phạm Trung Hải	8	

c) Kế hoạch đào tạo toàn khóa dự kiến

Số TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1		**18**	
1	Nhập môn Internet và e-learning	3	
2	Triết học Mác-Lênin	3	
3	Kinh tế vi mô	2	
4	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
5	Quản trị học	3	
6	Văn hóa kinh doanh	2	
7	Xác suất thống kê	3	
Học kỳ 2		**19**	
1	Tiếng Anh 1	4	
2	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	
3	Kinh tế vĩ mô	2	
4	Tài chính tiền tệ	3	
5	Marketing căn bản	3	
6	Quy hoạch tuyến tính	2	
7	Lý thuyết HTKT	3	
Học kỳ 3		**17**	
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	

Số TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
2	Tiếng Anh 2	4	
3	Đại số tuyến tính	2	
4	Kinh tế lượng	3	
5	Kế toán doanh nghiệp	3	
6	Tin ứng dụng trong kinh doanh	3	
Học kỳ 4		**19**	
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	Tiếng Anh 3	4	
4	Pháp luật đại cương	2	
5	Quản trị nhân lực	3	
6	Quản trị marketing	3	
7	Quản trị hành chính văn phòng	3	
8	Hệ thống thông tin quản lý	2	
Học kỳ 5		**19**	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	Tiếng Anh 4	4	
3	Pháp luật kinh tế	2	
4	Thực tập quản trị nhân lực	3	
5	Quản trị tài chính	3	
6	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2	
7	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	
Học kỳ 6		**17**	
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
2	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
3	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	
4	Thực tập quản trị tài chính	3	
5	Quản trị bán hàng	3	
6	Quản trị sản xuất	3	
Học kỳ 7		**18**	
1	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
2	Quản trị chiến lược	3	
3	Thực tập quản trị bán hàng	3	
4	Thực tập quản trị sản xuất	3	
5	Quản trị chất lượng	3	Module 1: Quản trị kinh doanh
6	Quản trị dự án	3	Module 1: Quản trị kinh doanh
7	Marketing quốc tế	3	Module 2: Quản trị Marketing
8	Nghiên cứu Marketing	3	Module 2: Quản trị Marketing
9	Quản trị Logistics	3	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Số TT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
10	Cơ sở hạ tầng logistics	3	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Học kỳ 8		**19**	
1	Tiểu luận 2: Thực tập phân tích hoạt động kinh doanh	2	Module 1: Quản trị kinh doanh
2	Thực tập mô phỏng chiến lược	3	Module 1: Quản trị kinh doanh
3	Thực tập cuối khoá	5	Module 1: Quản trị kinh doanh
4	Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)	0	Module 1: Quản trị kinh doanh
5	Thương mại điện tử	3	Module 1: Quản trị kinh doanh
6	Quản trị thương hiệu	3	Module 1: Quản trị kinh doanh
7	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	Module 1: Quản trị kinh doanh
8	Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Module 2: Quản trị Marketing
9	Thực tập E-Marketing	3	Module 2: Quản trị Marketing
10	Thực tập cuối khoá	5	Module 2: Quản trị Marketing
11	Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)	0	Module 2: Quản trị Marketing
12	Quản trị quan hệ khách hàng	3	Module 2: Quản trị Marketing
13	Truyền thông marketing tích hợp	3	Module 2: Quản trị Marketing
14	Marketing dịch vụ	3	Module 2: Quản trị Marketing
15	Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
16	Thực tập quản trị chuỗi cung ứng	3	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
17	Thực tập cuối khoá	5	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
18	Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)	0	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
19	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	3	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
20	Logistics trong thương mại điện tử	3	Module 3: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

d) Đề cương chi tiết các hoc phần chương trình đào tạo từ xa

(Phụ lục IV)

2.3 Bảng so sánh chương trình đào tạo từ xa với CTĐT từ xa của các cơ sở đào tạo khác

2.3.1. So sánh CTĐT đề nghị mở với CTĐT tương ứng của Trường Đại học KTQD

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				**Trường ĐH Kinh tế Quốc dân**		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				**(Ngành: Quản trị kinh doanh)**		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	***36***	**25 %**	**1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**	***26***	***20 %***
	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	***13***	***9%***	***1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.***	***11***	***9%***
	Lý luận chính trị			*Các học phần chung*		
001535	1. Triết học Mac-Lenin	3		1. Triết học Mac-Lenin	3	
001536	2. Kinh tế chính trị Mac -Lenin	2		2. Kinh tế chính trị Mac – Lenin	2	
001537	3. CNXH Khoa học	2		3. CNXH Khoa học	2	
001573	4.Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		5.Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
	Khoa học xã hội			*Các học phần của trường*		
	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	3	
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	***7***	***5%***	***1.2 Kiến thức toán và khoa học cơ bản***	***6***	***5%***
001053	1. Đại số tuyến tính	2		1. Toán cho các nhà kinh tế	3	
001102	2. Xác suất thống kê	3		2. Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
001264	3. Quy hoạch tuyến tính	2				
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	***16***	***11 %***	***1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ***	***9***	***7%***
001942	1. Tiếng Anh 1	4		1. Ngoại ngữ	9	
001943	2. Tiếng Anh 2	4				
001944	3. Tiếng Anh 3	4				
001945	4. Tiếng Anh 4	4				
	2. Kỹ năng bổ trợ	**4**	**3%**	**2. Kỹ năng bổ trợ**	**0**	**0 %**
	Nhập môn Internet và e-learning	3				
000566	1. Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
002129	2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1				
002151	3. Kỹ năng nhận thức bản thân	1				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**106**	**73 %**	**3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**103**	**80 %**
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	***27***	***18 %***	***3.1 Kiến thức cơ sở ngành***	***33***	***26 %***
	Kiến thức bắt buộc					
000564	1. Kinh tế vi mô	2		1. Kinh tế vi mô 1	3	
000565	2. Kinh tế vĩ mô	2		2. Kinh tế vĩ mô 1	3	
000519	3.Văn hoá kinh doanh	2		3.	3	
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	3		4. Quản trị kinh doanh 1	3	
001201	5. Quản trị học	3		5. Kinh doanh quốc tế	3	
001109	6. Tài chính tiền tệ	3		6. Nguyên lý kế toán	3	
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	3		7. Đạo đức kinh doanh	3	
000568	8. Pháp luật kinh tế	2		8. Quản trị quá trình kinh doanh	3	
001195	9. Kinh tế lượng	3		9. Quản trị chiến lược 1	3	
	Kiến thức tự chọn (tự chọn 4 tín chỉ)			10. Quản trị tác nghiệp 1	3	
001269	10. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2		11. Quản trị kinh doanh 2	3	
002056	11. Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	2				
	3.2 Kiến thức ngành	***54***	***37 %***	***3.2. Kiến thức ngành***	***42***	***33 %***
	Kiến thức bắt buộc	**39**		*Kiến thức bắt buộc*		
001104	1. Marketing căn bản	3		1. Quản trị tài chính	3	
000497	2. Quản trị nhân lực	3		2. Quản trị nhân lực	3	
000970	3. Quản trị tài chính	3		3. Quản trị marketing	3	
001345	4. Thực tập quản trị nhân lực	3		4. Quản trị chất lượng	3	
001349	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2		5. Khởi sự kinh doanh	3	
000492	6. Quản trị hành chính văn phòng	3		6. Quản trị chiến lược 2	3	
001426	7. Quản trị chiến lược	3		7. Quản trị hậu cần	3	

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
001427	8. Quản trị sản xuất	3		8. Quản trị đa văn hóa	3	
001392	9. Quản trị bán hàng	3		9. Quản trị chi phí kinh doanh	3	
001108	10.Thực tập Quản trị tài chính	3				
001324	11.Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
001106	12.Quản trị kinh doanh quốc tế	3				
000480	13.Hệ thống thông tin quản lý	2				
001325	14.Thực tập quản trị sản xuất	3				
	Kiến thức tự chọn (sv tự chọn 5 học phần)	**15**		*Kiến thức tự chọn (sv tự chọn 5 học phần)*		
001107	1. Quản trị Marketing	3		1. Kỹ năng quản trị	3	
001618	2. Quản trị du lịch và khách sạn			2. Quản trị doanh nghiệp	3	
001617	3. Quản trị nhóm làm việc			3. Quản trị chuỗi cung ứng	3	
001714	4. Quản trị doanh nghiệp thương mại	3		4. Quản trị văn phòng	3	
001616	5. Nghệ thuật lãnh đạo			5. Lập kế hoạch khởi nghiệp	3	
001373	6. Thực tập quản trị bán hàng	3		6. Chiến lược và chính sách kinh doanh bền vững		
001615	7. Thực tập quản trị hành chính văn phòng			7. Ra quyết định kinh doanh		
001614	8. Thực tập Marketing trong doanh nghiệp			8. Kiểm soát		
001613	9. Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế			9. Văn hóa doanh nghiệp		
001105	10. Tin ứng dụng ngành QTKD	3		10. Giao tiếp kinh doanh		
001370	11. Quản trị chuỗi cung ứng	3		11. Quản trị chất lượng dịch vụ		
002062	12. Quản trị đổi mới sáng tạo	3		12. Quản trị năng suất		
	3.3. Kiến thức tự chọn theo modul	***25***	***17 %***	***3.3. Kiến thức tự chọn theo modul***	***28***	***22 %***
	Modul 1: Quản trị kinh doanh			***Quản trị doanh nghiệp***		

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
001254	1. Quản trị chất lượng	3		1. Quản trị công ty	3	
001253	2. Quản trị dự án	3		2. Nghiên cứu kinh doanh		
000516	3. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	2		***Quản trị điều hành***		
001893	4. Thực tập mô phỏng chiến lược	3		1.Quản trị điều hành dự án	3	
000899	Thực Tập Cuối Khóa	5		2. Quản trị tác nghiệp 2		
001604	**Khóa luận tốt nghiệp**	9		***Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh***		
001288	5. Thương mại điện tử			1. Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp	3	
001612	6. Quản trị thương hiệu			2. Tái lập doanh nghiệp		
001289	7. Giao dịch và đàm phán kinh doanh			***Quản trị kinh doanh tổng hợp***		
				1. Phương pháp tối ưu trong kinh doanh	3	
				2. Thay đổi và phát triển doanh nghiệp		
				Văn hóa doanh nghiệp và kinh doanh bền vững		
				1. Đổi mới và sáng tạo	3	
				2. Tiếng Anh ngành quản trị kinh doanh		
				Quản trị chất lượng và đổi mới		
				1. Tiêu chuẩn hóa	3	
				2. Thống kê chất lượng		
				Chuyên đề thực tập	***10***	
	Modun 2: Quản trị Marketing					
001611	1. Marketing quốc tế					
001610	2. Nghiên cứu Marketing					
001609	3. Thực tập E- Marketing					
000516	4. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh					
000899	Thực Tập Cuối Khóa					

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
001604	**Khóa luận tốt nghiệp**					
001423	5. Quản trị quan hệ khách hàng					
001608	6. Truyền thông marketing tích hợp					
001287	*7.* Marketing dịch vụ					
	Modun 3: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng					
000516	1. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh					
001607	2. Quản trị Logistics					
001606	3. Cơ sở hạ tầng logistics					
001605	4. Thực tập quản trị chuỗi cung ứng					
000899	5. Thực Tập Cuối Khóa					
001604	6. Khóa luận tốt nghiệp					
001603	7. Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế					
001602	8. Logistics trong thương mại điện tử					
001601	9. Quản trị rủi ro					
	Tổng tín chỉ CTĐT	**146**		**Tổng tín chỉ CTĐT**	**129**	

2.3.2. So sánh CTĐT đề nghị mở với CTĐT tương ứng của Trường ĐH Mở Hà Nội

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH MỞ HN		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	***36***	**25 %**	**1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**	***36***	***27 %***
	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.	***13***	***9%***	***1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.***	***17***	***13 %***
	Lý luận chính trị					

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH MỞ HN			
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)			
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
001535	1. Triết học Mac-Lenin	3		1. Triết học Mac-Lenin	3	
001536	2. Kinh tế chính trị Mac -Lenin	2		2. Kinh tế chính trị Mac -Lenin	2	
001537	3. CNXH Khoa học	2		3. CNXH Khoa học	2	
001573	4.Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		5.Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
	Khoa học xã hội					
000585	6. Pháp luật đại cương	2		6. Pháp luật đại cương	2	
				7. Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
				8. Tâm lý kinh doanh	2	
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	***7***	***5%***	***1.2 Kiến thức toán và khoa học cơ bản***	***10***	***8%***
001053	1. Đại số tuyến tính	2		1. Toán ứng dụng trong Kinh tế/ Toán cao cấp	4	
001102	2. Xác suất thống kê	3		2. Lý thuyết xác suất & thống kê toán	3	
001264	3. Quy hoạch tuyến tính	2		3. Tin học đại cương	3	
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	***16***	***11 %***	***1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ***	***9***	***7%***
001942	1. Tiếng Anh 1	4		1. Anh văn I	3	
001943	2. Tiếng Anh 2	4		2. Anh văn II	3	
001944	3. Tiếng Anh 3	4		3. Anh văn III	3	
001945	4. Tiếng Anh 4	4				
	2. Kỹ năng bổ trợ	**4**	**3 %**	**2. Kỹ năng bổ trợ**	**0**	**0 %**
	Nhập môn Internet và e-learning	3				
000566	1. Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				
002129	2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1				
002151	3. Kỹ năng nhận thức bản thân	1				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**106**	**73 %**	**3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**95**	**73 %**

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH MỞ HN			
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)			
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	***27***	***18 %***	***3.1 Kiến thức cơ sở ngành***	***29***	***22 %***
	Kiến thức bắt buộc					
000564	1. Kinh tế vi mô	2		1. Kinh tế vi mô	3	
000565	2. Kinh tế vĩ mô	2		2. Kinh tế vĩ mô	3	
000519	3.Văn hoá kinh doanh	2		3. Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	3		4. Nguyên lý kế toán	3	
001201	5. Quản trị học	3		5. Marketing căn bản	3	
001109	6. Tài chính tiền tệ	3		6. Nguyên lý Thống kê về kinh tế	3	
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	3		7. Luật kinh tế	3	
000568	8. Pháp luật kinh tế	2		8. Kinh tế quốc tế	2	
001195	9. Kinh tế lượng	3				
	Kiến thức tự chọn (tự chọn 4 tín chỉ)			*Kiến thức tự chọn*		
001269	10. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2		9. Kinh tế phát triển	3	
002056	11. Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	2		10. Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	
	3.2 Kiến thức ngành	***54***	***37 %***	***3.2. Kiến thức ngành***	***39***	***30 %***
	Kiến thức bắt buộc	**39**		*Kiến thức bắt buộc*	**27**	
001104	1. Marketing căn bản	3		1. Quản trị học	3	
000497	2. Quản trị nhân lực	3		2. Quản trị tài chính/Tài chính doanh nghiệp	3	
000970	3. Quản trị tài chính	3		3. Quản trị chiến lược	3	
001345	4. Thực tập quản trị nhân lực	3		4. Quản trị nhân lực	3	
001349	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2		5. Phân tích kinh doanh	3	
000492	6. Quản trị hành chính văn phòng	3		6. Quản trị kinh doanh quốc tế	3	
001426	7. Quản trị chiến lược	3		7. Quản trị sản xuất	3	
001427	8. Quản trị sản xuất	3		8. Quản trị dự án đầu tư	3	
001392	9. Quản trị bán hàng	3		9. Quản trị chất lượng	3	
001108	10.Thực tập Quản trị tài chính	3				

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH MỞ HN		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
001324	11.Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
001106	12.Quản trị kinh doanh quốc tế	3				
000480	13.Hệ thống thông tin quản lý	2				
001325	14.Thực tập quản trị sản xuất	3				
	Kiến thức tự chọn (sv tự chọn 5 học phần)	**15**		*Kiến thức tự chọn (sv tự chọn 5 học phần)*	**12**	
001107	1. Quản trị Marketing	3		1. Phân tích Báo cáo tài chính	3	
001618	2. Quản trị du lịch và khách sạn			2. Quản trị rủi ro	3	
001617	3. Quản trị nhóm làm việc			3. Kế toán quản trị	3	
001714	4. Quản trị doanh nghiệp thương mại			4. Tin học ứng dụng trong quản trị	3	
001616	5. Nghệ thuật lãnh đạo					
001373	6. Thực tập quản trị bán hàng	3				
001615	7. Thực tập quản trị hành chính văn phòng					
001614	8. Thực tập Marketing trong doanh nghiệp					
001613	9. Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế					
001105	10. Tin ứng dụng ngành QTKD	3				
001370	11. Quản trị chuỗi cung ứng	3				
002062	12. Quản trị đổi mới sáng tạo	3				
	3.3. Kiến thức tự chọn theo modul	***25***	***17 %***	***3.3. Kiến thức tự chọn theo modul***	***27***	***21 %***
	Modul 1: Quản trị kinh doanh					
				Kiến thức bổ trợ		
001254	1. Quản trị chất lượng	3		1. Thị trường chứng khoán	3	
001253	2. Quản trị dự án	3		2. Tín dụng và thanh toán quốc tế	3	
000516	3. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh	2		3. Anh văn chuyên ngành I	3	
001893	4. Thực tập mô phỏng chiến lược	3		4. Anh văn chuyên ngành II	3	
				Kiến thức tốt nghiệp		

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH MỞ HN		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
000899	Thực Tập Cuối Khóa	5		Thực tập tốt nghiệp	5	
001604	**Khóa luận tốt nghiệp**	9		**Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn**	10	
001288	5. Thương mại điện tử			5. Quản trị kinh doanh tổng hợp	5	
001612	6. Quản trị thương hiệu			6. Đề án khởi sự kinh doanh	5	
001289	7. Giao dịch và đàm phán kinh doanh					
	Modun 2: Quản trị Marketing					
001611	1. Marketing quốc tế					
001610	2. Nghiên cứu Marketing					
001609	3. Thực tập E- Marketing (Marketing điện tử)					
000516	4. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh					
000899	Thực Tập Cuối Khóa					
001604	**Khóa luận tốt nghiệp**					
001423	5. Quản trị quan hệ khách hàng					
001608	6. Truyền thông marketing tích hợp					
001287	7. Marketing dịch vụ					
	Modun 3: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng					
000516	1. Tiểu luận 2: Thực tập Phân tích hoạt động kinh doanh					
001607	2. Quản trị Logistics					
001606	3. Cơ sở hạ tầng logistics					
001605	4. Thực tập quản trị chuỗi cung ứng					
000899	5. Thực Tập Cuối Khóa					
001604	6. Khóa luận tốt nghiệp					
001603	7. Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế					
001602	8. Logistics trong thương mại điện tử					

Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp				Trường ĐH MỞ HN		
(Ngành: Quản trị kinh doanh)				(Ngành: Quản trị kinh doanh)		
Mã HP	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**	**Học phần**	**Số TC**	**Tỷ lệ**
001601	9. Quản trị rủi ro					
	Tổng tín chỉ CTĐT	**146**		**Tổng tín chỉ CTĐT**	**131**	

3. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

- Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

https://uneti.edu.vn/

http://www.phongdaotao.uneti.edu.vn

- Đề nghị của cơ sở đào tạo:

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đề nghị các cơ quan quản lý (Bộ Công thương, Bộ Giáo dục & Đào tạo) cho phép Trường thực hiện triển khai các hoạt động mở ngành đào tạo từ xa trình độ Đại học ngành Kế toán theo đúng các quy định hiện hành.

- Cam kết triển khai thực hiện.

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp và khoa Kế toán (đơn vị chủ trì mở ngành đào tạo) cam kết thực hiện nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm cao với các nội dung đề xuất trong hồ sơ Đề án; triển khai các công tác xây dựng, biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo đúng thủ tục, theo quy định, hướng dẫn của các cơ quan quản lý có thẩm quyền

Nơi nhận:
- BGH, HĐT;
- PĐT, Khoa ....;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG KHOA
(*Ký tên*)